

Chỉ đạo nội dung:

Đại tá, Thạc sỹ Bùi Khắc Thọ

Biên tập:

Thượng tá, Thạc sỹ Trần Nữ Quế Phương

Thực hiện:

Đại úy QNCN, Cử nhân Bùi Khắc Phúc

Thiết kế bìa:

Trung úy, Kỹ sư Nguyễn Văn Nam

Lời giới thiệu

Nhằm giúp bạn đọc nắm được nguồn tài liệu mới nhập về, Thư viện Quân đội biên soạn “**Thư mục thông báo tài liệu mới**” số 2 - 2024 dạng điện tử phục vụ trên các Web của Thư viện Quân đội.

Thư mục gồm 2 phần:

- Phần I: Danh mục tài liệu mới: Giới thiệu sách quốc văn, ngoại văn và tư liệu mới nhập về Thư viện Quân đội.
- Phần II: Điểm sách.

Tài liệu trong Thư mục được sắp xếp theo nội dung và ngôn ngữ.

Thư viện Quân đội rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các đồng nghiệp và bạn đọc.

Mọi ý kiến xin gửi về:

PHÒNG THÔNG TIN - THƯ MỤC - MÁY TÍNH
THƯ VIỆN QUÂN ĐỘI
83 Lý Nam Đế - Hà Nội
Điện thoại: 069.554556

Email: Thuvienquandoi@mail.bqp

Thuvienquandoi@gmail.com

Website: Thuvienquandoi.vn

Tvqd.bqp

PHẦN I: DANH MỤC TÀI LIỆU MỚI

000 – KHOA HỌC MÁY TÍNH, THÔNG TIN VÀ TÁC PHẨM TỔNG QUÁT

001. *AI trong kỷ nguyên khai sáng toàn cầu/ Michelle Nguyen.* - H.: Thế giới, 2023. - 442tr.; 21cm.

**006.3 A103T/M.0182615 - M.0182616;
MP.0041074**

002. *Các hình thức tấn công mạng - Cyberspace:* Kiến thức cơ bản về không gian mạng giúp cộng đồng tăng cường ý thức bảo mật trên không gian mạng/ *Nguyễn Văn Kha, Lê Quyết Thắng, Trương Minh Nhật Quang.* - H.: Khoa học và kỹ thuật, 2022. - 99tr.; 21cm.

005.8 C101H/VN.0084852

003. *Giáo trình mạng máy tính và truyền thông:* Dành cho đào tạo kỹ sư quân sự chuyên ngành điều khiển và tin học trong các hệ thống kỹ thuật, kỹ sư dân sự chuyên ngành điều khiển công nghiệp/ *Phạm Văn Nguyên chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 364tr.; 27cm.

**004.60711 Gi-108T/MP.0041512 - MP.0041513;
VV.0020254 - VV.0020255**

004. *Metaverse Handbook:* NFT, BLOCKCHAIN, XR và WEB 3.0 những công nghệ tiếp theo thay đổi nền tảng Internet/ *Quharrison Terry, Scott Keeney; 1980 Books (Phí Mai) dịch.* - H.: Công thương, 2022. - 363tr.; 21cm.

**004.678 M207H/M.0182980 - M.0182981;
MP.0041360**

020 – Khoa học thư viện và thông tin

005. *Phân loại và biên mục = Cataloging and classification/* Lois Mai Chan. - H.: Thế giới, 2015. - 779tr.; 21cm.

025.3 Ph121L/VN.0084856

006. *Tổ chức thông tin = The organization of information/* Arlene G. Taylor, Daniel N. Joudrey; *Nghiêm Xuân Huy dịch.* - H.: Thế giới, 2015. - 668tr.; 21cm.

020 T450C/VN.0084855

007. *Factopia! - 400 điều sững sốt nơi xứ thật/* Kate Hale; *Hồng Trà dịch.* - H.: Thế giới, 2023. - 207tr.; 23cm.

031.02 F102B/M.0183046 - M.0183047; MP.0041389

100 – TRIẾT HỌC VÀ TÂM LÝ HỌC

008. *Biết tuốt về triết:* Trò chuyện giữa triết gia và bạn trẻ về những vấn đề triết học căn bản/ Yves Michaud. - H.: Dân trí, 2023. - 283tr.; 24cm.

100 B308T/M.0183386 - M.0183387; MP.0041567

009. *Tài liệu hướng dẫn học tập Mỹ học Mác Lênin:* Dành cho đào tạo chỉ huy tham mưu kỹ thuật/ Vũ Xuân Cảnh chủ biên; *Biên soạn:* Nguyễn Cảnh Lâm, Nguyễn Thị Nga. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 202tr.; 27cm.

111 T103L/M.0183291

010. *Giải mã thần số học:* Thấu hiểu giá trị của những con số để thay đổi cuộc đời và vận mệnh/ Cheiro; *Hoa Nguyễn Ngọc dịch.* - H.: Thanh niên, 2023. - 322tr.; 19cm.

**133.335 Gi-103M/M.0183002 - M.0183003;
MP.0041371**

011. Vận mệnh đời người 12 con giáp/ Diệu Tuệ biên soạn. - H.: Hồng Đức, 2022. - 388tr.; 28cm.

**133.3 V121M/M.0183698 - M.0183699;
MP.0041693**

150 – Tâm lý học

012. Cuộc đời soi tỏ: Chúng ta đánh mất và tìm thấy mình như thế nào/ *Stephen Grozs; Minh Đạo dịch.* - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2023. - 304tr.; 2cm.

**150.195 C514Đ/M.0182717 - M.0182718;
MP.0041125**

013. Giáo trình Tâm lý học quân sự: Dùng cho đào tạo sĩ quan cấp phân đội, trình độ đại học/ *Nguyễn Văn Sơn chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 242tr.; 27cm.

**150.711 Gi-108T/LCV.0002407 - LCV.0002408;
M.0183786 - M.0183787; MP.0041756; VV.0020468 -
VV.0020469**

153 – Quá trình thần kinh có ý thức và trí thông minh

014. Bẫy nguy hiểm trong tư duy phản biện: Bốn quy luật logic và các lỗi thường gặp/ *Phí Mai dịch.* - H.: Công thương, 2022. - 173tr.; 18cm.

**153.3 B126N/M.0183615 - M.0183616;
MP.0041659**

015. Bí mật của một trí nhớ siêu phàm: Người lập kỷ lục Guinness về khả năng nhớ được một dãy 500 chữ số sau chỉ một lần nghe/

Eran Katz; Bùi Như Quỳnh dịch. - H.: Công thương, 2023. - 346tr.; 21cm.

153.14 B300M/M.0183675

016. *Cứ làm đi = Keep going*: 10 cách giúp bạn làm đập tan bế tắc trong công việc và duy trì ngọn lửa sáng tạo/ *Austin Kleon; Quỳnh Anh dịch.* - H.: Thế giới, 2023. - 240tr.; 15cm.

**153.35 C550L/M.0183617 - M.0183618;
MP.0041660**

017. *Không thể sao nhãng*: Kiểm soát sự tập trung và sống đời bạn muốn/ *Nir Eyal, Julie Li; Phan Minh Trí dịch.* - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2022. - 384tr.; 21cm.

**153.733 Kh455T/M.0182713 - M.0182714;
MP.0041123**

018. *Nghệ thuật "đánh cắp" ý tưởng*: 10 bí mật không ai nói với bạn về sáng tạo/ *Austin Kleon; Tô Duy dịch.* - Tái bản lần thứ 4. - H.: Thế giới, 2023. - 150tr.; 15cm.

**153.35 Ngh250T/M.0182870 - M.0182871;
MP.0041198**

019. *Những đòn tâm lý trong thuyết phục = Influence: The psychology of persuasion*: 6 "vũ khí" gây ảnh hưởng hiệu quả được các chuyên gia thuyết phục hàng đầu sử dụng/ *Robert B. Cialdini; Mai Hạnh dịch.* - Tái bản lần thứ 15. - H.: Lao động, 2022. - 358tr.; 23cm.

**153.852 Nh556Đ/M.0183728 - M.0183729;
VV.0020418 - VV.0020419**

020. *Phi lý trí = Predictably Irrational*: Khám phá những động lực vô hình ẩn sau những quyết định của con người/ *Dan Ariely; Ng.dịch: Hồng Lê, Phương Lan.* - Tái bản lần thứ 14. - H.: Lao động, 2022. - 271tr.; 24cm.

**153.83 Ph300L/M.0183724 - M.0183725;
MP.0041705; VV.0020414 - VV.0020415**

021. *Rèn thói quen tư duy phản biện*: Công cụ và ứng dụng kiến tạo/ *Ngô Thế Vinh dịch*. - H.: Công thương, 2022. - 186tr.; 18cm.

**153.4 R203T/M.0183613 - M.0183614;
MP.0041658**

022. *Sức mạnh thuyết phục*: 12 quy tắc vàng của nghệ thuật gây ảnh hưởng/ *Kurt W. Mortensen; Phạm Quang Anh dịch*. - H.: Công thương, 2023. - 451tr.; 21cm.

**153.852 S552M/M.0183593 - M.0183594;
MP.0041648**

023. *Trí tuệ Do Thái*: Những phương pháp phát triển trí tuệ của người Do Thái/ *Eran Katz; Phương Oanh dịch*. - Tái bản lần thứ 9. - H.: Công thương, 2023. - 448tr.; 21cm.

153 Tr300T/M.0182840 - M.0182841; MP.0041183

024. *28 ngày cai nghiện smartphone*/ *Nguyễn Quang Kiên*. - H.: Dân trí, 2021. - 256tr.; 20cm.

**153.8 H103M/M.0182647 - M.0182648;
MP.0041090**

158 – Tâm lý học ứng dụng

025. *Cái dưỡng của thánh nhân*/ *Thu Giang Nguyễn Duy Cần*. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2022. - 192tr.; 23cm.

**158.1 C103D/M.0182701 - M.0182702;
MP.0041117**

026. *Càng độc lập càng cao quý*/ *Văn Tình; Phí Tường dịch*. - H.: Thanh niên, 2023. - 367tr.; 21cm.

**158.1 C106Đ/M.0182986 - M.0182987;
MP.0041363**

027. *Chìa khóa hạnh phúc*/ Nguyễn Anh Dũng. - H.: Thế giới, 2020. - 154tr.; 20cm.

158 Ch301K/M.0182651 - M.0182652; MP.0041092

028. *Chinh phục chính mình*: 101 câu chuyện nhỏ giúp bạn đạt được ước mơ lớn nhất đời mình/ Nguyễn Quang Vịnh. - H.: Thế giới, 2020. - 174tr.; 20cm.

**158.1 Ch312P/M.0182649 - M.0182650;
MP.0041091**

029. *Cứ mơ đi vì cuộc đời cho phép*/ Ngô. - H.: Thế giới, 2019. - 179tr.; 20cm.

**158.1 C550M/M.0182645 - M.0182646;
MP.0041089**

030. *Đừng bao giờ chia đôi lợi ích trong mọi cuộc đàm phán*/ Chris Voss, Tahl Raz; Phan Ngọc Lệ Minh dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H.: Thế giới, 2023. - 420tr.; 21cm.

**158.5 Đ556B/M.0182842 - M.0182843;
MP.0041184**

031. *Giải mã siêu trí tuệ*: 10 quy tắc gia tăng hạnh phúc, khơi nguồn thức tỉnh và nâng tầm ảnh hưởng/ Vishen Lakhiani; Nguyệt Minh dịch. - H.: Công thương, 2023. - 354tr.; 23cm.

**158.1 Gi-103M/M.0183645 - M.0183646;
MP.0041672**

032. *Hãy sống cuộc đời như bạn muốn*/ Pam Grout; Linh Giang dịch. - Tái bản lần thứ 7. - H.: Thế giới, 2023. - 215tr.; 21cm.

**158.1 H112S/M.0183601 - M.0183602;
MP.0041652**

033. *Hãy sống cuộc đời như bạn muốn*: Cuốn sách dành riêng cho những ai muốn thay đổi thái độ, nắm bắt đam mê và trân trọng cuộc sống/ *Pam Grout; Linh Giang dịch.* - Tái bản lần thứ 7. - H.: Thế giới, 2023. - 215tr.; 21cm.

**158.1 H112S/M.0182850 - M.0182851;
MP.0041188**

034. *Hiệu ứng Lucifer*: Khi Thiên Thần trở thành Ác Quỷ. Thí nghiệm nhà tù Stanford và "thuốc thử" bản tính tàn bạo trong mỗi con người/ *Philip Zimbardo; Huy Nguyễn dịch.* - H.: Thanh niên, 2023; 21cm.

T.1. - 475tr.

**158.2 H309U/M.0182976 - M.0182977;
MP.0041358**

T.2. - 419tr

**158.2 H309U/M.0182978 - M.0182979;
MP.0041359**

035. *Kiến tạo tuổi trẻ ngoại hạng*: Tám bản đồ giúp bạn thành công tuổi 20/ *Trần Ngọc Nam.* - H.: Thế giới, 2021. - 286tr.; 20cm.

**158.1 K305T/M.0182643 - M.0182644;
MP.0041088**

036. *Lagom - Phong cách cân bằng cuộc sống của Thụy Điển*/ Jonny Jackson, Elias Larsen; Huy Minh dịch. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2022. - tr.; 21cm.

158.1 L102P/M.0182703 - M.0182704; MP.0041118

037. *Một nghệ thuật sống*/ Nguyễn Duy Cần. - In lần 1. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2022. - 136tr.; 23cm.

158 M458N/M.0182697 - M.0182698; MP.0041115

038. *Những nguyên tắc thành công - Thực hành/ Jack Canfield, Brandon Hall, Janet Switzer; Khánh Trang dịch.* - H.: Công thương, 2023. - 356tr.; 24cm.

158 Nh556N/M.0183028 - M.0183029; MP.0041383

039. *Nó đây rồi - Tư duy đơn giản để sống hạnh phúc/ Sơn Đào.* - H.: Dân trí, 2023. - 312tr.; 21cm.

**158.1 N400Đ/M.0183794 - M.0183795;
MP.0041762**

040. *Phiên bản hoàn hảo của chính mình/ Nguyễn Thị Hòa.* - H.: Dân trí, 2022. - 209tr.; 20cm.

**158.1 Ph305B/M.0182653 - M.0182654;
MP.0041093**

041. *Phương trình màu nhiệm = The miracle equation: Hai quyết định đơn giản giúp vượt qua giới hạn bản thân/ Hal Elrod, Thúy Thúy dịch.* - H.: Thông tấn, 2023. - 371tr.; 21cm.

**158.1 Ph561T/M.0183810 - M.0183811;
MP.0041770**

042. *Sống bình thường mà không tầm thường: 27 bài học cho bạn một đời sống "chất"/ Jen Sincero; Phùng Quang Hưng dịch.* - Tái bản lần thứ 1. - H.: Dân trí, 2023. - 303tr.; 21cm.

158.1 S455B/M.0183585 - M.0183586; MP.0041644

043. *Sức mạnh của tập trung: Bí quyết đơn giản để thành công và tự do tài chính từ những người không lờ trên thế giới/ Jack Canfield, Mark Victor Hansen...; Ng.dịch: Vũ Nghệ Linh, Trần Vân Anh.* - Tái bản lần thứ 11. - H.: Công thương, 2023. - 408tr.; 21cm.

**158.1 S552M/M.0182858 - M.0182859;
MP.0041192**

044. Sức mạnh của thói quen: Cuốn sách hay nhất về thay đổi hành vi con người và tổ chức/ *Charles Duhigg; Lê Thảo Ly dịch.* - Tái bản lần thứ 7. - H.: Lao động, 2023. - 436tr.; 21cm.

**158.1 S552M/M.0182856 - M.0182857;
MP.0041191**

045. Thuật toán hành vi và cảm xúc: Giải mã "trò đùa" của não bộ để ra quyết định khôn ngoan/ *Nguyễn Xuân Thanh.* - Tái bản lần thứ 1. - H.: Thế giới, 2023. - 228tr.; 21cm.

158 Th504T/M.0182912 - M.0182913; MP.0041213

046. Thuật xử thế của người xưa/ Nguyễn Duy Cần. - In lần 1. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2022. - 160tr.; 23cm.

**158.2 Th504X/M.0182699 - M.0182700;
MP.0041116**

047. Tích cực có chừng mực: Khi thiếu lạc quan cũng là một cách sống không tệ/ *Oliver Burkeman, Anh Thư dịch.* - H.: thế giới, 2023. - 327tr.; 21cm.

158 T302C/M.0183822 - M.0183823; MP.0041776

048. Tối giản tâm trí: Phương pháp loại bỏ những bề bộn thường nhật ra khỏi căn nhà tinh thần của bạn/ *S. J. Scott, Barrie Davenport; Ngô Thế Vinh dịch.* - Tái bản lần thứ 3. - H.: Công thương, 2023. - 224tr.; 21cm.

**158.1 T452G/M.0182852 - M.0182853;
MP.0041189**

049. Vượt qua bản ngã = Ego is the enemy: Chiến thắng kẻ thù lớn nhất của bạn/ *Ryan Holiday; Phí Thị Mai dịch.* - Tái bản lần thứ 2. - H.: Lao động, 2023. - 316tr.; 21cm.

**158.1 V563Q/M.0182860 - M.0182861;
MP.0041193**

050. 15 nguyên tắc vàng về phát triển bản thân/ John C. Maxwell;
Nguyễn Hương Giang dịch. - Tái bản lần thứ 7. - H.: Thế giới, 2023.
- 444tr.; 21cm.

158 M558N/M.0182854 - M.0182855; MP.0041190

170 – Đạo đức học (Triết học đạo đức)

051. Giáo trình Đạo đức học: Dùng cho đào tạo giảng viên chuyên ngành triết học - Văn bằng 2)/ *Nguyễn Đình Bắc chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 206tr.; 27cm.

170.711 Gi-108T/LCV.0002428; M.0183764 - M.0183765; MP.0041733; VV.0020432 - VV.0020433

052. Hướng dẫn học tập môn đạo đức học quân sự: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự Lào, Campuchia/ *Đoàn Quốc Thái chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 200tr.; 27cm.

170.711 H561D/LCV.0003096 - LCV.0003097

053. Đạo đức công chức trong thực thi công vụ/ Ngô Thành Can chủ biên, Lê Thị Hằng, Ngô Văn Trân. - Tái bản lần thứ 3, có sửa đổi, bổ sung. - H.: Tư pháp, 2023. - 347tr.; 21cm.

172.2 Đ108Đ/M.0183460 - M.0183461; MP.0041599; VN.0084728 - VN.0084729

054. Đạo lý người xưa/ Dương Thu Ái, Nguyễn Kim Hạnh. - H.: Văn học, 2022. - 275tr.; 21cm.. - (Minh Triết phương Đông)

181.11 Đ108L/M.0182621 - M.0182622; MP.0041077

055. Hiểu người để dùng người/ Dương Thu Ái, Nguyễn Kim Hạnh. - H.: Văn học, 2022. - 230tr.; 21cm.. - (Minh Triết phương Đông)

**181.11 H309N/M.0182625 - M.0182626;
MP.0041079**

056. *Ngay bây giờ hoặc không bao giờ*: 23 thói quen chống lại sự trì hoãn/ *S. J. Scott; Minh Minh dịch.* - Tái bản lần thứ 10. - H.: Lao động, 2023. - 142tr.; 21cm.

**179.8 Ng112B/M.0183605 - M.0183606;
MP.0041654**

057. *Thánh hiền thư - Những lời dạy của các bậc thánh hiền: Cầu học*/ Biên soạn: *Dương Thu Ái, Nguyễn Kim Hanh.* - H.: Văn học, 2023. - 623tr.; 21cm.. - (Minh Triết phương Đông)

**181.11 Th107H/M.0182609 - M.0182610;
MP.0041071**

058. *Thánh hiền thư - Những lời dạy của các bậc thánh hiền: Lý tài*/ Biên soạn: *Dương Thu Ái, Nguyễn Kim Hanh.* - H.: Văn học, 2023. - 595tr.; 21cm.. - (Minh Triết phương Đông)

**181.11 Th107H/M.0182611 - M.0182612;
MP.0041072**

059. *Thánh hiền thư - Những lời dạy của các bậc thánh hiền: Tu thân*/ Biên soạn: *Dương Thu Ái, Nguyễn Kim Hanh.* - H.: Văn học, 2023. - 535tr.; 21cm.. - (Minh Triết phương Đông)

**181.11 Th107H/M.0182613 - M.0182614;
MP.0041073**

060. *Truth vs Falsehood: Phân biệt thật giả*/ *David R. Hawkins; Phạm Nguyên Trường dịch.* - H.: Thế giới, 2023. - 632tr.; 24cm.

**177.3 Tr522V/M.0183042 - M.0183043;
VV.0020140 - VV.0020141**

061. *Trí tuệ của người xưa*/ *Dương Thu Ái, Nguyễn Kim Hanh.* - H.: Văn học, 2022. - 255tr.; 21cm.. - (Minh Triết phương Đông)

**181.11 Tr300T/M.0182623 - M.0182624;
MP.0041078**

062. *Triết học Ấn Độ/ Phan Thanh Lưu.* - H.: Thế giới, 202. - 634tr.; 22cm.

**181.4 Tr308H/M.0183667 - M.0183668;
MP.0041680; VN.0084819 - VN.0084820**

063. *Triết học và nhân sinh/ Hồ Thích; Hồ Như Ý dịch.* - Tp. Hồ chí minh: Tổng hợp Tp Hồ Chí Minh, 2023. - 278tr.; 21cm.

**181.11 Tr308H/M.0183830 - M.0183831;
MP.0041780; VN.0084942 - VN.0084943**

200 – TÔN GIÁO

064. *Con đường thành Phật/ Ấn Thuận; Thích Bồn Huân dịch.* - H.: Dân trí, 2023. - 538tr.; 24cm.

**294.3444 C429Đ/M.0183388 - M.0183389;
VV.0020314 - VV.0020315**

065. *Đạo Phật áp dụng vào đời sống hàng ngày/ Thích Huyền Quang, Thích Nhất Hạnh.* - H.: Thế giới, 2023. - 198tr.; 19cm.

294.3444 Đ108P/M.0182998 - M.0182999; MP.0041369

066. *Kinh thánh - Tân ước:* Dịch theo các cổ bản Hy Lạp do Linh mục Nguyễn Thế Thuần - Dòng chúa cứu thế. - H.: Tôn giáo, 2023. - 680tr.; 24cm.

**225 K312T/M.0182876 - M.0182877; VV.0019997 -
VV.0019998**

067. *Giáo trình Tôn giáo và tín ngưỡng:* Dành cho đào tạo cao cấp lý luận chính trị trong quân đội/ *Đồng chủ biên: Hà Đức Long, Nguyễn Văn thủy.* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 276tr.; 27cm.

**200.711 Gi-108T/LCV.0003129 - LCV.0003130;
MP.0041228 - MP.0041229; VV.0020024 - VV.0020025**

068. Ngày tận thế: Lời tiên tri về tương lai và thế giới/ *Sylvia Browne; Lindsay Harrison; Phạm Trang Nhung dịch.* - H.: Thông tấn, 2023. - 403tr.; 21cm.

**202.3 Ng112T/M.0183818 - M.0183819;
MP.0041774; VN.0084932 - VN.0084933**

069. Thiên Chúa giáo và khoa học kỹ thuật phương Tây trong xã hội Việt Nam - Trung Quốc thế kỷ XVI - XVIII: Sách chuyên khảo/ *Trương Anh Thuận.* - H.: Khoa học xã hội, 2023. - 411tr.; 24cm.

**200 Th305C/M.0183633 - M.0183634; MP.0041666;
VV.0020359 - VV.0020360**

070. World religions: Khám phá và lý giải các tôn giáo trên thế giới/ John Bowker; Dương Nguyễn Phương Uyên dịch. - H.: Dân trí, 2023. - 351tr.; 24cm.

**200.9 W434R/M.0183378 - M.0183379;
MP.0041564; VV.0020306 - VV.0020307**

290 – Tôn giáo khác

294 – Tôn giáo có nguồn gốc Ấn Độ

071. Cuộc vận động của Phật giáo Việt Nam năm 1963/ Lê Cung, Lê Thành Nam. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Hồ Chí Minh, 2023. - 315tr.; 24cm.

**294.309597 C514V/M.0183026 - M.0183027;
MP.0041382; VV.0020130 - VV.0020131**

072. Tâm tĩnh lặng miệt mài cười sống an nhiên/ Bjorn

Natthiko Lindeblad, Caroline Bankler...; Phi Yến dịch. - H.: Dân trí, 2023. - 254tr.; 21cm.

**294.3444 T120T/M.0183396 - M.0183397;
MP.0041570**

85. *Thiền Vipassana nào bộ*: Đường đến chân hạnh phúc/ *Phước Tuệ Từ.* - H.: Thế giới, 2023. - 204tr.; 21cm.

**294.34435 Th305V/M.0183682 - M.0183683;
MP.0041686**

073. *Tôi học Phật/ Đỗ Hồng Ngọc.* - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2023. - 896tr.; 24cm.

**294.3 T452H/M.0182738 - M.0182739;
MP.0041133**

074. *Tuyển tập Hòa thượng Tinh Vân kể chuyện ngụ ngôn/ Tinh Vân; Trung Hạnh dịch.* - H.: Dân trí, 2023; 20cm.

T.1 : Bồ thí Ba la mật. - 387tr.

**294.3 T527T/M.0183547 - M.0183548;
MP.0041629**

T.2 : Trì giới Ba la mật. - 363tr.

**294.3 T527T/M.0183549 - M.0183550;
MP.0041630**

T.3 : Nhẫn nhục Ba la mật. - 355tr.

**294.3 T527T/M.0183551 - M.0183552;
MP.0041631**

T.4 : Tinh tiến Ba la mật. - 345tr.

**294.3 T527T/M.0183553 - M.0183554;
MP.0041632**

T.5 : Thiền định Ba la mật. - 375tr.

294.3 T527T/M.0183555 - M.0183556;
MP.0041633

T.6 : Bát nhã Ba la mật. - 347tr.

294.3 T527T/M.0183557 - M.0183558;
MP.0041634

300 - KHOA HỌC XÃ HỘI

075. *Các thành tố gia đình:* Giới tính, chính quyền và xã hội ở Việt Nam thời kỳ cận đại 1463-1778/ *Trần Tuyết Nhung; Đặng Thị Thanh Dung dịch.* - H.: Phụ nữ, 2023. - 356tr.; 24cm.

306.85 C101T/M.0182896 - M.0182897; VV.0020005
- VV.0020006

076. *Đa dạng văn hóa trong quan hệ đa tộc người ở Việt Nam/*
Trần Quốc Hùng. - H.: Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022. - 249tr.; 21cm.

306.09597 Đ100D/M.181514; VN.0083828, VN.0084858

077. *Giải mã văn hóa Việt/ Dương Văn Sáu.* - H.: Khoa học xã hội, 2022. - 342tr.; 24cm.

306.09597 Gi-103M/M.0183726 - M.0183727;
MP.0041706; VV.0020416 - VV.0020417

078. *Gìn giữ "nếp nhà" trong đời sống hiện đại/ Thanh Giang sưu*
tầm. - H.: Dân trí, 2023. - 207tr.; 19cm.

306.09597 G311G/M.0183559 - M.0183560;
MP.0041635; VN.0084811 - VN.0084812

079. *Nâng cao năng lực giảng dạy của giảng viên khoa học xã hội*
và nhân văn ở các nhà trường quân đội hiện nay: Sách chuyên khảo/ *Trần Hậu Tân.* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 172tr.; 21cm.

300.711 N122C/LC.0016915 - LC.0016916

080. Niên giám khoa học năm 2022: Những vấn đề văn hóa, xã hội, con người. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 295tr.; 24cm.

**300.959705 N305G/M.0182547 - M.0182548;
MP.0041040; VV.0019933 - VV.0019934**

081. Phát huy giá trị văn hóa dân tộc thiểu số trong phát triển bền vững Tây Nguyên hiện nay: Luận án tiến sĩ Triết học: 9229002/ Mai Thị Trang. - H.: Học viện Chính trị, 2022. - 196tr.; 30cm + Phụ lục

306.09597 Ph110H/LV.00010467

082. Tài liệu Khoa học xã hội và nhân văn: Dành cho đào tạo sĩ quan dự bị trong Quân đội nhân dân Việt Nam từ đối tượng sinh viên đã tốt nghiệp đại học/ Nguyễn Văn Đức. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 436tr.; 27cm.

300.711597 T103L/LCV.0003238 - LCV.0003239

083. Tài liệu khoa học xã hội và nhân văn: Dành cho đào tạo nhân viên chuyên môn kỹ thuật trình độ sơ cấp trong Quân đội nhân dân Việt Nam, đối tượng 8 tháng/ Nguyễn Văn Đức. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 336tr.; 27cm.

**300.711597 T103L/LCV.0003123 - LCV.0003124;
MP.0041260 - MP.0041261; VV.0020056 - VV.0020057**

084. Tài liệu khoa học xã hội và nhân văn: Dành cho đào tạo nhân viên chuyên môn kỹ thuật trình độ sơ cấp trong Quân đội nhân dân Việt Nam, đối tượng 5-6 tháng/ Nguyễn Văn Đức chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 176tr.; 27cm.

**300.711597 T103L/LCV.0003127 - LCV.0003128;
MP.0041258 - MP.0041259; VV.0020054 - VV.0020055**

085. Tài liệu khoa học xã hội và nhân văn: Dành cho đào tạo nhân

viên chuyên môn kỹ thuật trình độ sơ cấp trong Quân đội nhân dân Việt Nam, đối tượng 12 tháng/ *Nguyễn Văn Đức chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 320tr.; 27cm.

**300.711597 T103L/LCV.0003125 - LCV.0003126;
MP.0041262 - MP.0041263; VV.0020058 - VV.0020059**

301 – Xã hội học và nhân loại học

086. Hồ Chí Minh và con người Việt Nam trên con đường dân giàu, nước mạnh/ Phạm Văn Đồng. - Xuất bản lần 2. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 164tr.; 24cm.

**301.09597 H450C/M.0182599 - M.0182600;
MP.0041065; VN.0084421 - VN.0084422**

087. Những vấn đề của xã hội học = *Questions de sociologie/ Pierre Bourdieu; Ng.dịch: Nguyễn Quang Vinh, Trần Hữu Quang.* - H.: Khoa học xã hội, 2022. - 452tr.; 22cm.

**301 Nh556V/M.0183663 - M.0183664; MP.0041679;
VN.0084815 - VN.0084816**

088. Vườn thú người/ Desmond Morris; Vương Ngân Hà dịch. - H.: Dân trí, 2023. - 428tr.; 21cm.

301 V560T/M.0183788 - M.0183789; MP.0041759

089. Xã hội học - Khái lược những tư tưởng lớn/ Nguyễn Minh dịch. - Tái bản. - H.: Dân trí, 2023. - 352tr.; 24cm.

**301.09 X100H/M.0183382 - M.0183383;
MP.0041566; VV.0020310 - VV.0020311**

303 – Quá trình xã hội

090. Chết bởi văn minh - cái giá của sự tiến bộ = *Civilized to death*

- *the price of progress/ Christopher Ryan; Trần Trọng Hải Minh dịch.* - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2023. - 419tr.; 21cm.

**303.44 Ch258B/M.0183816 - M.0183817;
MP.0041773; VN.0084930 - VN.0084931**

091. Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về đổi mới, phát triển đất nước/ Nguyễn Xuân Thắng. - H.: Chính trị quốc gia Sự thật, 2023. - 794tr.; 24cm.

**303.4409597 M458S/M.0183988 - M.0183989;
MP.0041855; VV.0020421, VV.0020530 - VV.0020531**

092. Ứng dụng ngoại giao văn hóa trong thực tiễn một số nước: Giáo trình dành cho sinh viên, học viên ngành ngoại giao/ Lê Thanh Bình. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 348tr.; 24cm.

**303.4820711 U556D/M.0183121 - M.0183122;
MP.0041415; VV.0020194 - VV.0020195**

093. Quan niệm của C. Mác - Ph. Ăngghen - V.I. Lênin về ý thức xã hội và ý nghĩa đối với việc xây dựng ý thức xã hội mới Việt Nam hiện nay: Sách chuyên khảo/ Trần Sỹ Dương chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 180tr.; 21cm.

**303.4 Qu105N/LC.0016942 - LC.0016943,
LC.0017108 - LC.0017109 - LC.0017110**

094. Thúc đẩy tiến trình Chuyển đổi số quốc gia/ Biên soạn: Nguyễn Trường Giang, Lê Phương Hà, Lê Minh Nguyễn. - H.: Chính trị quốc gia Sự thật, 2023. - 655tr.; 24cm.

303.4833 Th506Đ/VV.0020422

095. Tiếp xúc và giao lưu văn hóa Việt - Hoa trong lịch sử/ Chủ biên: Phạm Đức Dương, Châu Thị Hải. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 292tr.; 19cm.

**303.482597051 T307X/M.0183149 - M.0183150;
MP.0041428; VN.0084550 - VN.0084551**

096. Xã hội học với lãnh đạo, quản lý/ Phạm Đi. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 580tr.; 24cm.

**303.34 X100H/M.0183030 - M.0183031;
MP.0041384; VV.0020132 - VV.0020133**

305 – Nhóm người

097. Đồng bào các dân tộc thiểu số với sự nghiệp giữ nước của dân tộc Việt Nam: Sách chuyên khảo/ *Đồng chủ biên: Hoàng Văn Phai, Vũ Hải Thanh.* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 252tr.; 21cm.

**305.8009597 Đ455B/LC.0017111 - LC.0017112 -
LC.0017113**

098. Giáo trình giới trong lãnh đạo, quản lý: Dùng cho đào tạo cao cấp lý luận chính trị trong quân đội/ *Đồng chủ biên: Đào Ngọc Tuấn, Nguyễn Văn Vĩ.* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 176tr.; 27cm.

**305.420711 Gi-108T/LCV.0003135 -
LCV.0003136; MP.0041226 - MP.0041227; VV.0020022 -
VV.0020023**

099. Giáo trình khoa học giới: Dùng cho đào tạo sĩ quan chính trị cấp phân đội, trình độ đại học/ *Nguyễn Hùng Sơn chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 134tr.; 27cm.

**305.00711 Gi-108T/LCV.0002534 - LCV.0002535;
M.0183774 - M.0183775; MP.0041750; VV.0020456 -
VV.0020457**

100. Giáo trình Lý luận dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam: Dùng cho đào tạo cao cấp lý luận chính trị trong quân đội/ *Đồng chủ biên: Lê Xuân Thủy, Nguyễn Văn Toàn.* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 296tr.; 27cm.

**305.8009597 Gi-108T/LCV.0003133 -
LCV.0003134; MP.0041246 - MP.0041247; VV.0020042 -
VV.0020043**

101. *Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc của thanh niên Việt Nam/ Khúc Văn Hương chủ biên.* - H.: Chính trị quốc gia Sự thật, 2023. - 183tr.; 21cm.

**305.235 Kh462D/M.0183748 - M.0183749;
MP.0041715; VN.0084839 - VN.0084840**

102. *Nhà ở cổ truyền các dân tộc Việt Nam/ Nguyễn Khắc Tụng.* - Tái bản theo bản in năm 1994 có sửa chữa. - H.: Khoa học xã hội, 2023. - 695tr.; 24cm.

305.8009597 Nh100O/VV.0020351 - VV.0020352

103. *Nỗi lo âu về địa vị/ Alain de Botton; Trần Quốc Tân dịch.* - H.: Thế giới, 2023. - 349tr.; 21cm.

**305.51 N452L/M.0183804 - M.0183805;
MP.0041767; VN.0084922 - VN.0084923**

104. *Phát triển đội ngũ trí thức người dân tộc thiểu số tỉnh Sơn La hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Chủ nghĩa Xã hội Khoa học: 8229008/ *Phạm Viết Đạt.* - H.: Học viện Chính trị, 2020. - 116tr.; 30cm + Phụ lục

305.52209597 Ph110T/LV.00010480

105. *Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về giải phóng phụ nữ và định hướng vận dụng trong các nhà trường quân đội:* Sách chuyên khảo/ *Đồng chủ biên: Nguyễn Trung Tuyên, Hoàng Văn Mạnh.* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 164tr.; 21cm.

305.42 Qu105Đ/LC.0017079

106. *Tài liệu chuyên đề bồi dưỡng lý luận chính trị và nghiệp vụ dành cho cán bộ Hội Cựu chiến binh ở cơ sở.* - Tái bản có sửa

chữa, bổ sung. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 176tr.; 19cm.

**305.90697 T103L/M.0183153 - M.0183154;
MP.0041430**

107. Trí thức Việt Nam với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0/ Chủ biên: Lê Văn Thắng, Nguyễn Văn Tuấn. - H.: Chính trị quốc gia Sự thật, 2019. - 390tr.; 24cm.

305.55209597 Tr300T/VV.0020472 - VV.0020473

108. Vai trò của cựu chiến binh trong thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới" ở tỉnh Nam Định hiện nay: Luận văn thạc sĩ Chủ nghĩa Xã hội Khoa học: 8229008/ Cao Ngọc Nhân. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 103tr.; 30cm + Phụ lục

305.9069 V103T/LV.00010485

109. Văn hóa Tộc người Ta-ôi: Sách tham khảo/ Chu Thái Sơn chủ biên, Trần Nguyễn Khánh Phong. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 219tr.; 21cm.

305.89593 V115H/LC.0017170 - LC.0017171

306 – Văn hóa và thể chế

110. Tính chuyên chế của chế độ nhân tài: Lợi ích chung sẽ ra sao?/ Michael Sandel; Ng.dịch: Bùi Thị Việt Lâm, Trương Thị Thạch Thảo,.... - H.: Trí thức, 2023. - 380tr.; 24cm.

**306.973 T312C/M.0182878 - M.0182879;
MP.0041200**

111. Tình dục thuở hồng hoang/ Christopher Ryan, Cacilda Jethá; Lê Khánh Toàn dịch. - H.: Thế giới, 2023. - 518tr.; 21cm.

**306.7 T312D/M.0182862 - M.0182863;
MP.0041194**

112. Văn hóa trong phát triển - Văn hóa của phát triển (Từ thực tiễn hoạt động sân khấu)/ Ngô Thảo. - H.: Sân khấu, 2022. - 459tr.; 21cm.

**306.09597 V115H/M.0183530 - M.0183531;
MP.0041621; VN.0084801 - VN.0084802**

113. Văn hóa và con người Việt Nam thời hội nhập/ Nguyễn Hồng Vinh. - H.: Chính trị quốc gia Sự thật, 2023. - 559tr.; 24cm.

306.09597 V115H/VV.0020423

114. Văn hóa và đổi mới/ Phạm Văn Đồng. - Xuất bản lần 2. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 144tr.; 19cm.

**306.09597 V105H/M.0182603 - M.0182604;
MP.0041067; VN.0084425 - VN.0084426**

115. Văn hóa và phát triển: Những vấn đề của Việt Nam và kinh nghiệm của thế giới. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2019. - 496tr.; 21cm.

306.09597 V115H/VN.0083825, VN.0084886

116. Xây dựng môi trường văn hóa ở huyện đảo Trường Sa, tỉnh Khánh Hòa hiện nay: Luận văn thạc sĩ Chủ nghĩa Xã hội Khoa học: 8229008/ Tổng Văn Vọng. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 118tr.; 30cm + Phụ lục

306.09597 X126D/LV.00010478

117. 80 năm Đề cương về Văn hóa Việt Nam (1943 - 2023) - Khởi nguồn và động lực phát triển. - H.: Chính trị quốc gia Sự thật, 2023. - 959tr.; 27cm.

306.09597 T104M/VV.0020420

320 – Khoa học Chính trị

118. Bàn về nguyên tắc pháp quyền trong xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Sách chuyên khảo/ *Trần Ngọc Đường*. - H.: Tư pháp, 2020. - 275tr.; 21cm.

**320.109597 B105V/M.0183486 - M.0183487;
VN.0084754 - VN.0084755**

119. Biển Đông trong tầm nhìn chiến lược của Trung Quốc: 10 năm nhìn lại (2012 - 2022) - Từ chính sách đến thực thi: Sách chuyên khảo/ *Bùi Thị Thu Hiền*. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 400tr.; 21cm.

**320.12951 B305Đ/M.0183145 - M.0183146;
MP.0041426; VN.0084546 - VN.0084547**

120. Biểu hiện mới của chủ nghĩa dân tộc trong bối cảnh hiện nay và những gợi ý của Việt Nam: Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Thị Thu Huyền chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 252tr.; 21cm.

**320.5409597 B309H/LC.0017080 - LC.0017081 -
LC.0017082**

121. Chủ nghĩa dân túy trong đời sống chính trị thế giới và gợi ý tham khảo đối với Việt Nam/ Phùng Chí Kiên, Nguyễn Văn Nhu. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 280tr.; 21cm.

**320.5662 Ch500N/M.0182585 - M.0182586;
MP.0041058; VN.0084409 - VN.0084410**

122. Giáo trình Chính trị học: Dành cho đào tạo cao cấp lý luận chính trị trong quân đội/ *Nguyễn Văn Hoan chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 304tr.; 27cm.

**320.0711 Gi-108T/LCV.0003131 - LCV.0003132;
MP.0041256 - MP.0041257; VV.0020052 - VV.0020053**

123. *Giáo trình Lý luận về Nhà nước*: Dành cho đào tạo cán bộ chính trị cấp Trung đoàn/ *Nguyễn Văn Hoan chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 224tr.; 27cm.

**320.10711 Gi-108T/LCV.0002526 - LCV.0002527;
M.0183782 - M.0183783; MP.0041754; VV.0020464 -
VV.0020465**

124. *Giáo trình Pháp luật*: Dành cho đào tạo cán bộ chính trị cấp Trung đoàn/ *Nguyễn Thị Đắc Hương chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 210tr.; 27cm.

**320.1095970711 Gi-108T/LCV.0002530 -
LCV.0002531; M.0183776 - M.0183777; MP.0041751;
VV.0020458 - VV.0020459**

125. *Nhà nước và pháp luật trong bối cảnh toàn cầu hóa*: Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Văn Quân*. - Tái bản lần thứ 1, có sửa đổi, bổ sung. - H.: Tư pháp, 2023. - 275tr.; 21cm.

**320.1 Nh100N/M.0183464 - M.0183465;
MP.0041601; VN.0084732 - VN.0084733**

126. *Nước Nga và thế giới đang thay đổi*: Sách tham khảo/ *V. Putin; Lê Thế Mẫu dịch*. - H.: Chính trị quốc gia Sự thật, 2012. - 335tr.; 21cm.

320.9047 N557N/VN.0084859

127. *Phản biện xã hội trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*: Sách chuyên khảo/ *Lê Thị Thiều Hoa*. - H.: Chính trị quốc gia Sự thật, 2023. - 244tr.; 21cm.

**320.109597 Ph105B/M.0183736 - M.0183737;
MP.0041710; VN.0084827 - VN.0084828**

128. *Quyền lực của địa lý = The power of geography*: 10 bản đồ hẻ

lộ tương lai của thế giới/ *Tim Marshall; Hoàng Hà dịch.* - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2023. - 559tr.; 21cm.

320.12 Qu603L/M.0183812 - M.0183813;
MP.0041771; VN.0084926 - VN.0084927

129. *Sự sụp đổ của các chế độ chính trị trên thế giới qua các cuộc "cách mạng màu" - Những bài học đối với Việt Nam:* Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Viết Thảo chủ biên.* - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2020. - 322tr.; 24cm.

320.5 S550S/VV.0020163

130. *Thường thức về nhà nước và pháp luật/ Trương Hồ Hải chủ biên.* - H.: Chính trị quốc gia Sự thật, 2023. - 160tr.; 21cm.

Q.1 : Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật

320.1 Th561T/M.0183752 - M.0183753;
MP.0041717; VN.0084843 - VN.0084844

131. *Triển lãm ảnh cuộc thi biển, đảo quê hương = Việt Nam homeland sea and islands - A photography contest and exhibition.* - H.: Thông tấn, 2019. - 193tr.; 23cm.

320.1209597 Tr305L/VV.0020479

132. *Vai trò của hệ thống chính trị tỉnh Vĩnh Phúc trong thực hiện công tác tôn giáo trên địa bàn hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Chủ nghĩa Xã hội Khoa học: 8229008/ *Lý Văn Tư.* - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 119tr.; 30cm + Phụ lục

320.809597 V103T/LV.00010483

133. *Vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Hải Dương trong thực hiện pháp lệnh dân chủ ở cơ sở trên địa bàn hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Chủ nghĩa Xã hội Khoa học: 8229008/ *Nguyễn Văn Thịnh.* - H.: Học viện Chính trị, 2020. - 107tr.; 30cm + Phụ lục

320.9597 V103T/LV.00010481

134. *Vai trò Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đồng Nai trong khối đoàn kết giữa đồng bào có đạo và không có đạo trên địa bàn hiện nay*: Luận văn thạc sĩ Chủ nghĩa Xã hội Khoa học: 8229008/ *Trần Văn Hải*. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 113tr.; 30cm + Phụ lục
320.9597 V103T/LV.00010486

135. *Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế*: Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Thị Tuyết Mai chủ biên*. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 231tr.; 21cm.
320.109597 X126D/VN.0084527

324 – Quá trình chính trị

136. *Bồi dưỡng công tác Đảng, công tác chính trị trong huấn luyện chiến thuật của chính trị viên đại đội học viên ở Trường Sĩ quan Lục quân 2 hiện nay*: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước: 8310202/ *Dương Văn Nam*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2021. - 112tr.; 30cm + + Phụ lục
324.2597075 B452D/LV.00010508

137. *Bồi dưỡng kỹ năng đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên mạng xã hội cho học viên ở các học viện, trường sĩ quan quân đội hiện nay*: Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Xuân Quốc chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 132tr.; 21cm.
324.2597075 B452D/LC.0017054

138. *Bồi dưỡng năng lực công tác kiểm tra, giám sát của bí thư chi bộ đại đội quản lý học viên ở Đảng bộ Trường sĩ quan Chính trị hiện nay*: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước: 8310202/ *Nhữ Văn Phan*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2020. - 99tr.; 30cm + + Phụ lục

324.2597075

B452D/LV.00010529

139. *Bồi dưỡng năng lực quản lý tư tưởng chiến sĩ mới của trung đội trưởng ở Sư đoàn 9, Quân đoàn 4 hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước: 8310202/ *Lê Minh Hải*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2020. - 100tr.; 30cm ++ Phụ lục

324.2597075

B452D/LV.00010510

140. *Bồi dưỡng năng lực quản lý tư tưởng hạ sĩ quan, binh sĩ của chính trị viên đại đội ở Sư đoàn 10, Quân đoàn 3 hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước: 8310202/ *Nguyễn Xuân Hoàng*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2022. - 103tr.; 30cm ++ Phụ lục

324.2597075

B452D/LV.00010519

141. *Bồi dưỡng nguồn phát triển Đảng ở chi bộ đại đội bộ binh thuộc Đảng bộ Sư đoàn 312, Quân đoàn 1 hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước: 8310202/ *Nguyễn Công Hùng*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2020. - 91tr.; 30cm ++ Phụ lục

324.2597075

B452D/LV.00010531

142. *Bồi dưỡng phẩm chất, năng lực và phương pháp, tác phong công tác cho đội ngũ báo cáo viên ở đơn vị cơ sở quân đội hiện nay:* Sách chuyên khảo/ *Khúc Văn Hương*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 112tr.; 21cm.

324.2597075

B452D/LC.0017055 - LC.0017056

143. *Bồi dưỡng phương pháp, tác phong công tác của bí thư chi bộ đại đội quản lý học viên ở Trường Sĩ quan Lục quân 1 hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước: 8310202/ *Trịnh Văn Thái*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2020. - 95tr.; 30cm ++ Phụ lục

324.2597075

B452D/LV.00010524

144. *Bồi dưỡng phương pháp, tác phong công tác của cấp ủy viên cơ sở ở Đảng bộ Trường Sĩ quan Chính trị hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước: 8310202/ *Vũ Thành Huyền*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2021. - 116tr.; 30cm
++ Phụ lục

324.2597075

B452D/LV.00010540

145. *Chất lượng công tác đảng, công tác chính trị trong quản lý, bảo quản, sử dụng trang bị kỹ thuật ở Lữ đoàn Thông tin 139, Binh chủng Thông tin Liên lạc hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước: 8310202/ *Nguyễn Xuân Công*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2021. - 102tr.; 30cm ++ Phụ lục

324.2597075

Ch124L/LV.00010551

146. *Chất lượng công tác giáo dục, rèn luyện đội ngũ đảng viên ở các tổ chức cơ sở đảng thuộc Đảng bộ Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân 1 hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước: 8310202/ *Trần Thị Bích Hằng*. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 97tr.; 30cm ++ Phụ lục

324.2597075

Ch124L/LV.00010493

147. *Công tác chính trị trong các nhiệm vụ chủ yếu của quân đội:* Dành cho đào tạo cán bộ quân sự cao cấp Campuchia/ *Đồng chủ biên: Đặng Sỹ Lộc, Trần Ngọc Hồi*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 116tr.; 21cm.

324.2597075

C455T/VN.0084874 - VN.0084875

148. *Công tác chính trị trong các nhiệm vụ chủ yếu của quân đội:* Dành cho đào tạo cán bộ quân sự cấp phân đội Campuchia/ *Nguyễn Chính Lý chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 184tr.; 21cm.

324.2597075

**C455T/LC.0017143 - LC.0017144;
VN.0084880 - VN.0084881**

149. Công tác chính trị trong công tác quân sự, quốc phòng địa phương: Dành cho đào tạo cán bộ quân sự cao cấp Campuchia/
Đồng chủ biên: Đặng Sỹ Lộc, Trần Ngọc Hồi. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 128tr.; 21cm.

324.2597075 C455T/LC.0017142; MP.0041729;
VN.0084882 - VN.0084883

150. Công tác chính trị trong quân đội: Dành cho đào tạo cán bộ quân sự cấp phân đội Campuchia/ *Nguyễn Văn Tượng chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 104tr.; 21cm.

324.2597075 C455T/LC.0017139 - LC.0017140

151. Công tác đảng, công tác chính trị của tiểu đoàn học viên ở Trường Sĩ quan Chính trị trong nhiệm vụ đấu tranh chống các quan điểm sai trái hiện nay: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước: 8310202/ *Trần Bá Tấn.* - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2020. - 108tr.; 30cm + + Phụ lục

324.2597075 C455T/LV.00010553

152. Công tác đảng, công tác chính trị trong xây dựng lực lượng dân quân xã ở huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An hiện nay: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước: 8310202/ *Mai Văn Thế.* - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2020. - 103tr.; 30cm + + Phụ lục

324.2597075 C455T/LV.00010536

153. Công tác tuyên giáo của Đảng - 90 năm chặng đường vẻ vang: thành tựu và tầm nhìn: Kỷ yếu hội thảo khoa học: Kỷ niệm 90 năm ngày truyền thống ngành tuyên giáo (01/08/1930 - 01/08/2020). - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2020. - 867tr.; 27cm.

324.2597075 C455T/VV.0020158

154. Công tác tư tưởng trong điều kiện hiện nay: Thực trạng, vấn

đề đặt ra và giải pháp. - H.: Chính trị quốc gia, 2019. - 232tr.; 21cm.

324.2597075 C455T/.0080326; VN.0084890 -
VN.0084891

155. *Công tác tư tưởng và những vấn đề đặt ra với công tác tư tưởng trong thời kỳ phát triển mới của đất nước/ Đào Duy Quát.* - H.: Chính trị quốc gia Sự thật, 2023. - 362tr.; 22cm.

324.2597075 C455T/VN.0084849

156. *Đảng bộ quân đội lãnh đạo công tác tư tưởng từ năm 1986 đến năm 1996:* Luận án tiến sĩ Lịch sử: 9229015/ *Bùi Lê Phong.* - H.: Học viện Chính trị, 2022. - 204tr.; 30cm + Phụ lục

324.2597075 Đ106B/LV.00010463

157. *Đảng bộ Quân đội lãnh đạo xây dựng đội ngũ đảng viên từ năm 2005 đến năm 2015:* Luận án tiến sĩ Lịch sử: 9229015/ *Nguyễn Thế Anh.* - H.: Học viện Chính trị, 2022. - 199tr.; 30cm + Phụ lục

324.2597075 Đ106B/LV.00010462

158. *Đảng bộ thành phố Hà Nội lãnh đạo phát triển kinh tế tư nhân từ năm 2010 đến năm 2020:* Luận văn thạc sĩ Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam: 8229015/ *Lê Trung Thành.* - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 121tr.; 30cm + Phụ lục

324.2597075 Đ106B/LV.00010499

159. *Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lãnh đạo xây dựng tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường, thị trấn từ năm 2005 đến năm 2015:* Luận án tiến sĩ Lịch sử: 9229015/ *Lê Xuân Dũng.* - H.: Học viện Chính trị, 2022. - 248tr.; 30cm + Phụ lục

324.2597075 Đ106B/LV.00010464

160. *Đảng lãnh đạo quân tình nguyện Việt Nam tại Lào từ năm*

1960 đến 1973: Luận án tiến sĩ Lịch sử: 9229015/ *Cáp Văn Đang*. - H.: Học viện Chính trị, 2022. - 229tr.; 30cm + Phụ lục
324.2597075 Đ106L/LV.00010461

161. Đảng lãnh đạo xây dựng các đại đoàn chủ lực trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp từ năm 1949 đến năm 1954: Luận án tiến sĩ Lịch sử: 9229015/ *Hồ Mậu Dũng*. - H.: Học viện Chính trị, 2022. - 219tr.; 30cm + Phụ lục
324.2597075 Đ106L/LV.00010460

162. Đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong thời kỳ mới/ Mai Yến Nga sưu tầm. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2021. - 327tr.; 21cm.
**324.2597075 Đ125T/M.0183090 - M.0183091;
VN.0084520 - VN.0084521**

163. Giáo trình Công tác đảng, công tác chính trị trong công tác quân sự, quốc phòng địa phương: Dành cho đào tạo sĩ quan chính trị cấp phân đội, trình độ đại học/ *Nguyễn Huy Hoàng chủ biên*. - Tái bản lần 1. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 188tr.; 27cm.
324.2597075 Gi-108T/LCV.0003112 - LCV.0003113

164. Giáo trình Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân: Dành cho đào tạo sĩ quan chính trị cấp phân đội, trình độ đại học/ *Nguyễn Việt Khoa chủ biên*. - Tái bản lần 1. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 328tr.; 27cm.
324.2597075 Gi-108T/LCV.0003114 - LCV.0003115

165. Hỏi - đáp về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng/ Lê Nguyễn Nam Ninh chủ biên. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 236tr.; 21cm.
**324.2597075 H428Đ/M.0182595 - M.0182596;
MP.0041063; VN.0084417 - VN.0084418**

166. Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về nêu gương và trách nhiệm nêu gương. - H.: Chính trị quốc gia Sự thật, 2023. - 128tr.; 15cm.

**324.2597075 H450C/M.0183760 - M.0183761;
MP.0041721**

167. Kiểm soát quyền lực ở nước ta qua công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng/ Mai Trục chủ biên. - H.: Chính trị quốc gia Sự thật, 2019. - 498tr.; 24cm.

324.2597075 K304S/VV.0020476

168. Kiên định, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng đấu tranh bác bỏ các quan điểm sai trái, thù địch. - H.: Lý luận chính trị, 2019. - 302tr.; 24cm.

324.2597075 K305Đ/VV.0020164

169. Lịch sử Công tác đảng, công tác chính trị Bệnh viện Quân y 175 (1975 - 2022). - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 584tr.; 24cm.

324.2597075 L302S/LCV.0003047 - LCV.0003048

170. Lịch sử Công tác đảng, công tác chính trị của Cảnh sát biển Việt Nam (1998 - 2020). - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 500tr.; 24cm.

**324.2597075 L302S/LCV.0003045 - LCV.0003046;
VV.0020480 - VV.0020481**

171. Lịch sử công tác đảng, công tác chính trị Tổng cục Hậu cần (2001-2020)/ Biên soạn: Đỗ Thanh Phong, Nguyễn Tuấn Khang,.... - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 772tr.; 24cm.

**324.2597075 L302S/MP.0041320 - MP.0041321;
VV.0020092 - VV.0020093**

172. *Lịch sử Công tác đảng, công tác chính trị trong Bộ đội Biên phòng (2000 - 2020).* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 680tr.; 24cm.

324.2597075 L302S/LCV.0002911; MP.0041318 - MP.0041319; VV.0020090 - VV.0020091

173. *Lịch sử Công tác đảng, công tác chính trị trong Cơ quan Tổng cục Chính trị giai đoạn 2000 - 2020.* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 684tr.; 22cm.

324.2597075 L302S/LC.0017038

174. *Lịch sử Công tác đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang Quân khu 1 - Việt Bắc (2000 - 2020).* - Tái bản lần thứ 1. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 568tr.; 24cm.

324.2597075 L302S/LCV.0003192

175. *Lịch sử Công tác đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang Quân khu 7 (2000 - 2020).* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 368tr.; 24cm.

324.2597075 L302S/LCV.0003254 - LCV.0003255

176. *Lịch sử Công tác đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang Thủ đô Hà Nội (1945 - 2020).* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 1108tr.; 27cm.

324.2597075 L302S/LCV.0003110 - LCV.0003111

177. *Lịch sử Công tác đảng, công tác chính trị trong Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (1989 - 2020).* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 788tr.; 24cm.

324.2597075 L302S/LCV.0003253

178. *Lịch sử Đảng bộ Cục Chính trị Bình chủng Công binh (1949 - 2015)/ Biên soạn: Vũ Văn Việt, Hoàng Thái Tú.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 555tr.; 21cm.

324.2597075 L302S/.0080440 - .0080441;
LC.0017159; MP.0034132 - MP.0034133

179. *Lịch sử Đảng bộ Quân sự tỉnh Hưng Yên (1947 - 2022).* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 732tr.; 24cm.

324.2597075 L302S/LCV.0002837 - LCV.0002838;
MP.0041480 - MP.0041481; VV.0020218 - VV.0020219

180. *Lịch sử Đảng bộ Viện Công nghệ (1973 - 2023).* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 468tr.; 21cm.

324.2597075 L302S/LC.0017039 - LC.0017040

181. *Lịch sử Đảng bộ Xưởng X203 (1967 - 2022)/ Phùng Thị Hoan chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 400tr.; 22cm.

324.2597075 L302S/LC.0017272

182. *Lịch sử Truyền thống cách mạng của Đảng bộ và Nhân dân Phường 17 Quận Gò Vấp (1930 - 2020).* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 296tr.; 21cm.

324.2597075 L302S/LC.0017043 - LC.0017044;
M.0182916 - M.0182917; MP.0041295

183. *Lịch sử Truyền thống cách mạng của đảng bộ và nhân dân Phường 3 Quận Gò Vấp (1930 - 2020).* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 284tr.; 21cm.

324.2597075 L302S/LC.0016971 - LC.0016972;
M.0182914 - M.0182915; MP.0041294

184. *Luận bàn và suy ngẫm: Góc nhìn từ thực tiễn/ Lưu Phước Lượng.* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 280tr.; 24cm.

324.2597075 L502B/LCV.0003242 - LCV.0003243

185. *Lý luận, thực tiễn công tác tư tưởng trong quân đội:* Dùng

cho đào tạo cán bộ quân sự cấp phân đội Campuchia/ *Phạm Quang Thanh chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 192tr.; 21cm.

324.2597075

L600L/LC.0017138; VN.0084873

186. Lý luận, thực tiễn công tác tư tưởng trong quân đội: Dành cho đào tạo cán bộ quân sự cao cấp Campuchia/ *Đồng chủ biên: Đặng Sỹ Lộc, Trần Ngọc Hồi*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 172tr.; 21cm

324.2597075

L600L/MP.0041723 - MP.0041724;

VN.0084865 - VN.0084866

187. Lý luận, thực tiễn xây dựng đảng cầm quyền: Dành cho đào tạo cán bộ quân sự cấp phân đội Campuchia/ *Vũ Văn Thường chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 128tr.; 21cm.

324.2

L600L/LC.0017141; VN.0084871

188. Lý luận, thực tiễn xây dựng đảng cộng sản cầm quyền: Dành cho đào tạo cán bộ quân sự cao cấp Campuchia/ *Đồng chủ biên: Đặng Sỹ Lộc, Trần Ngọc Hồi*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 104tr.; 21cm.

324.2

L600L/VN.0084869 - VN.0084870

189. Một số quy định, hướng dẫn về công tác tổ chức xây dựng Đảng và công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng trong Đảng bộ Bộ Tổng Tham mưu Cơ quan Bộ Quốc phòng. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 384tr.; 27cm.

324.2597075

M458S/LCV.0002916 - LCV.0002917;

MP.0041214 - MP.0041215; VV.0020009 - VV.0020010

190. Nâng cao chất lượng công tác cán bộ ở Sư đoàn 9, Quân đoàn 4 hiện nay: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước: 8310202/ *Trần Văn Bách*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2020. - 101tr.; 30cm + + Phụ lục

324.2597075

N122C/LV.00010513

191. *Nâng cao chất lượng công tác đảng, công tác chính trị trong nhiệm vụ tuyển quân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay*: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước: 8310202/ *Nguyễn Văn Toán*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2020. - 97tr.; 30cm + + Phụ lục

324.2597075

N122C/LV.00010542

192. *Nâng cao chất lượng công tác đảng, công tác chính trị trong tác chiến biển, đảo của Bộ đội Phòng không - Không quân hiện nay*: Sách chuyên khảo/ *Bùi Đức Thành* chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 172tr.; 21cm.

324.2597075

N122C/LC.0017059 - LC.0017060;

MP.0041304; VN.0084477 - VN.0084478, VN.0084505 - VN.0084506

193. *Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát của chi bộ đại đội học viên ở Đảng bộ Trường Sĩ quan Lục quân 2 hiện nay*: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước: 8310202/ *Nguyễn Đức Đông*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2022. - 113tr.; 30cm + + Phụ lục

324.2597075

N122C/LV.00010517

194. *Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, cổ động ở Binh đoàn 11 hiện nay*: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước: 8310202/ *Nguyễn Đình Khiên*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2021. - 101tr.; 30cm + + Phụ lục

324.2597075

N122C/LV.00010515

195. *Nâng cao chất lượng lãnh đạo nhiệm vụ huấn luyện chiến đấu của chi bộ đại đội bộ binh ở Đảng bộ Sư đoàn 5, Quân khu 7 hiện nay*: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước: 8310202/ *Nguyễn Khắc Vinh*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2020. - 103tr.; 30cm + + Phụ lục

324.2597075

N122C/LV.00010552

196. *Nâng cao chất lượng lãnh đạo xây dựng chính quy rèn luyện kỷ luật của chi bộ đại đội học viên ở Đảng bộ Trường Trung cấp Kỹ thuật Phòng không - Không quân hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước: 8310202/ *Trần Đức Hoàn.* - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2020. - 109tr.; 30cm ++ Phụ lục

324.2597075

N122C/LV.00010523

197. *Nâng cao chất lượng nguồn phát triển đảng viên của các chi bộ lớp học viên ở Học viện Khoa học Quân sự hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước: 8310202/ *Giáp Tuấn Nam.* - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2020. - 99tr.; 30cm ++ Phụ lục

324.2597075

N122C/LV.00010520

198. *Nâng cao chất lượng nguồn phát triển đảng viên của chi bộ đại đội học viên ở Đảng bộ Học viện Hậu cần hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước: 8310202/ *Hồ Hữu Anh.* - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2021. - 104tr.; 30cm ++ Phụ lục

324.2597075

N122C/LV.00010509

199. *Nâng cao chất lượng quản lý tư tưởng hạ sĩ quan, binh sĩ ở Lữ đoàn Pháo binh 45, Binh chủng Pháo binh hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước: 8310202/ *Ngô Đức Tú.* - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2021. - 106tr.; 30cm ++ Phụ lục

324.2597075

N122C/LV.00010538

200. *Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ đại đội học viên ở Đảng bộ Trường Sĩ quan Tăng Thiết giáp hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước: 8310202/ *Lê Trung*

Kiên. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2022. - 105tr.; 30cm + + Phụ lục

324.2597075

N122C/LV.00010521

201. *Nâng cao chất lượng tự phê bình và phê bình của chi bộ đại đội học viên ở Đảng bộ Trường Sĩ quan Chính trị hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước: 8310202/ *Nguyễn Tuấn Dũng.* - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2020. - 99tr.; 30cm + + Phụ lục

324.2597075

N122C/LV.00010530

202. *Nâng cao chất lượng ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở ở các học viện, trường sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay:* Luận án tiến sĩ Khoa học chính trị: 9310202/ *Ngô Thanh Bạch.* - H.: Học viện Chính trị, 2022. - 237tr.; 30cm + Phụ lục

324.2597075

N122C/LV.00010506

203. *Nâng cao năng lực tiến hành công tác đảng, công tác chính trị của chính trị viên đại đội ở Lữ đoàn Công binh 121, Quân chủng Hải quân hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước: 8310202/ *Vũ Tuấn Minh.* - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2020. - 97tr.; 30cm + + Phụ lục

324.2597075

N122C/LV.00010535

204. *Ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong cán bộ, đảng viên/ Nguyễn Huy Tiến sưu tầm.* - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2021. - 264tr.; 21cm.

324.2597075

Ng115C/M.0183088 - M.0183089;

VN.0084518 - VN.0084519

205. *Những nội dung cơ bản và mới trong các nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII/*

Nguyễn Viết Thông. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 80tr.; 19cm.

324.2597075 Nh556N/M.0183171 - M.0183172;
MP.0041439; VN.0084570 - VN.0084571

206. *Những nội dung cơ bản và mới trong các văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII/ Nguyễn Viết Thông*. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 71tr.; 19cm.

324.2597075 Nh556N/M.0182605 - M.0182606;
MP.0041068; VN.0084427 - VN.0084428

207. *Những vấn đề có tính quy luật trong quá trình hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa*. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2019. - 234tr.; 21cm.

324.2597075 Nh556V/VN.0084887 - VN.0084888

208. *Phát triển kinh tế, xã hội và công tác chính trị, tư tưởng - Nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Cuba*. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2019. - 242tr.; 21cm.

324.2597075 Ph110T/VN.0084894 - VN.0084895

209. *Sự phát triển tư duy lý luận về xây dựng, chỉnh đốn Đảng thời kỳ mới*: Sách chuyên khảo/ *Trần Văn Rạng chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 192tr.; 21cm.

324.2597075 S550P/LC.0017077 - LC.0017078

210. *Tài liệu một số quy định, hướng dẫn về tổ chức Đảng, tổ chức cơ quan chính trị trong Quân đội nhân dân Việt Nam*. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 276tr.; 21cm.

324.2597075 T103L/LC.0016794; MP.0041405 -
MP.0041406; VN.0084523 - VN.0084524

211. *Tài liệu quán triệt tư tưởng chỉ đạo trong cuốn sách "Kiên*

quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh" của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cho cán bộ, chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay/ Nguyễn Văn Đức chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 64tr.; 19cm.

324.2597075 T103L/LC.0016998 - LC.0016999;
MP.0041315; VN.0084515 - VN.0084516

212. Tăng cường đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới: Sách chuyên khảo/ Phạm Thành Trung chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 264tr.; 21cm.

324.2597075 T116C/LC.0017057 - LC.0017058

213. Thực hành dân chủ ở các chi bộ đại đội học viên thuộc Đảng bộ Trường Sĩ quan Lục quân 1 hiện nay: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước: 8310202/ Vũ Công Hùng. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2020. - 102tr.; 30cm ++ Phụ lục

324.2597075 Th552H/LV.00010537

214. Tiến bước dưới cờ Đảng quang vinh xúng danh "Bộ đội cụ Hồ"/ Nguyễn Trọng Nghĩa. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 640tr.; 24cm.

324.2597075 T305B/VV.0020482

215. Vận dụng nghị quyết Đại hội XIII của Đảng vào giảng dạy các môn khoa học xã hội và nhân văn ở Học viện Hậu cần: Dùng cho đào tạo sĩ quan hậu cần cấp phân đội trình độ đại học và làm tài liệu tham khảo cho các đối tượng khác/ Lê Thành Long. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 78tr.; 27cm.

324.2597075 V121D/LCV.0002865; MP.0041345;
VV.0020098 - VV.0020099

216. Xây dựng Đảng về đạo đức theo tư tưởng Hồ Chí Minh/ Trần Thị Hợi. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 304tr.; 21cm.

324.2597075 X126D/M.0183137 - M.0183138;

MP.0041422; VN.0084538 - VN.0084539

217. Xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh ở các đảng bộ học viện, trường đại học của Bộ Công an hiện nay: Luận án tiến sĩ Khoa học Chính trị: 9310202/ Nguyễn Hải Dương. - H.: Học viện Chính trị, 2022. - 225tr.; 30cm + Phụ lục

324.2597075 X126D/LV.00010505

327 – Quan hệ quốc tế

218. Bác Hồ với các tổng thống Mỹ/ Võ Văn Lộc. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 256tr.; 21cm.

327.597073 B101H/M.0183143 - M.0183144;

MP.0041425; VN.0084544 - VN.0084545

219. Chính sách của EU đối với Việt Nam: Thực tiễn và triển vọng: Sách chuyên khảo/ Chủ biên: Trần Thanh Huyền, Đào Minh Hồng, Nguyễn Thái Yên Hương. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 344tr.; 21cm.

327.409597 Ch312S/M.0183129 - M.0183130;

MP.0041418; VN.0084530 - VN.0084531

220. Chính sách đối ngoại của Ucraina từ năm 1991 đến nay: Kinh nghiệm và bài học cho Việt Nam trong quan hệ với các nước lớn: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Anh Tuấn. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 363tr.; 24cm.

327.477 Ch312S/M.0183115 - M.0183116;

VV.0020188 - VV.0020189

221. *Chuyện "đi sứ" thời hội nhập: Hồi ức của các đại sứ:* Sách tham khảo/ Ngô Quang Xuân chủ biên. - H.: Chính trị quốc gia Sự thật, 2023. - 364tr.; 21cm.

**327.597 Ch527Đ/M.0183732 - M.0183733;
MP.0041708; VN.0084823 - VN.0084824**

222. *Công tác thông tin đối ngoại - Những điều cần biết.* - H.: Chính trị quốc gia Sự Thật, 2018. - 239tr.; 21cm.

327.597 C455T/VN.0084902

223. *Cuba - Việt Nam: Hai dân tộc, một lịch sử/* Ruvislei González Saez; Ng.dịch: Vũ Trung Mỹ, Phạm Hoài Nam. - H.: Chính trị quốc gia Sự thật, 2023. - 222tr.; 24cm.

327.59707291 C505V/VV.0020425

224. *Cuộc chiến dài hơi: Đại chiến lược của Trung Quốc nhằm thay đổi trật tự của Mỹ:* Sách tham khảo/ Rush Doshi; Mỹ Châu dịch. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 846tr.; 24cm.

**327.51073 C514C/M.0183097 - M.0183098;
VV.0020170 - VV.0020171**

225. *Cuộc đấu tranh của Việt Nam chống bao vây, cấm vận, cô lập từ cuối thập niên 1970 đến giữa thập niên 1990:* Sách chuyên khảo/ Nguyễn Vũ Tùng. - Xuất bản lần 2. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 204tr.; 21cm.

**327.597 C514Đ/M.0182583 - M.0182584;
MP.0041057; VN.0084407 - VN.0084408**

226. *Định mệnh chiến tranh: Liệu Mỹ và Trung Quốc có tránh được bẫy Thucydides?:* Sách tham khảo/ Graham Allison; Nguyễn Thế Phương dịch. - Xuất bản lần thứ 2. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 520tr.; 24cm.

**327.73051 Đ312M/M.0183113 - M.0183114;
VV.0020186 - VV.0020187**

227. *Quan hệ chính trị Việt Nam - Hoa Kỳ (1995 - 2020)/ Đoàn Ngọc Tuấn, Trần Nam Tiến. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 308tr.; 21cm.*

**327.597073 Qu105H/M.0183141 - M.0183142;
MP.0041424; VN.0084542 - VN.0084543**

228. *Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc giai đoạn 2017 - 2022: Những điều chỉnh chính sách của Trung Quốc và hàm ý đối với Việt Nam: Sách tham khảo/ Đặng Thị Thúy Hà chủ biên. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 276tr.; 21cm.*

**327.597051 Qu105H/M.0183135 - M.0183136;
MP.0041421; VN.0084536 - VN.0084537**

229. *Sự can dự về an ninh của Mỹ với Đông Nam Á dưới thời chính quyền Bill Clinton và George W. Bush: Sách chuyên khảo/ Phạm Cao Cường. - H.: Khoa học xã hội, 2022. - 639tr.; 24cm.*

**327.73059 S550C/M.0183718 - M.0183719; VV.0020408
- VV.0020409**

230. *Sự điều chỉnh chiến lược của các nước lớn và ứng phó của Việt Nam/ Nguyễn Bá Dương chủ biên. - H.: Chính trị quốc gia, 2019. - 251tr.; 21cm.*

327.597 S550Đ/VN.0082429, VN.0084889

231. *Trật tự thế giới/ Henry Kissinger; Phạm Thái Sơn dịch. - Tái bản. - H.: Thế giới, 2023. - 472tr.; 24cm.*

**327 Tr124T/M.0182874 - M.0182875; VV.0019995 -
VV.0019996**

232. *Trật tự thế giới - World Order/ Henry Kissinger; Phạm Thái Sơn dịch. - Tái bản. - H.: Thế giới, 2023. - 470tr.; 24cm.*

327 Tr124T/M.0183629 - M.0183630; MP.0041664;
VV.0020355 - VV.0020356

233. *Xung đột Nga - Ukraine và những bài học về chính sách đối ngoại*: Sách chuyên khảo/ Vũ Văn Khanh. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 308tr.; 21cm.

327.1170947 X513Đ/LC.0017090 - LC.0017091 -
LC.0017092

330 – Kinh tế học

233. *Chủ nghĩa tư bản và tự do = Capitalims and freedom*/ Milton Friedman, Trần Trọng Hải Minh dịch. - H.: Thế giới, 2023. - 367tr.; 21cm.

330.122 Ch500N/M.0183802 - M.0183803;
MP.0041766; VN.0084920 - VN.0084921

267. *Kinh tế học của 1%: Bằng cách nào kinh tế học chính thống đã phục vụ người giàu, làm mờ hồ thực tế và bóp méo chính sách*: Sách tham khảo/ John F. Weeks; Ng.dịch: Nguyễn Việt Dũng, Hà Quỳnh Hương.... - Xuất bản lần thứ 2. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2021. - 400tr.; 24cm.

330.973 K312T/M.0183117 - M.0183118;
VV.0020190 - VV.0020191

268. *Quốc gia khởi nghiệp*: Câu chuyện về nền kinh tế thần kỳ của Israel/ Dan Senor, Saul Singer; Trí Vương dịch. - Tái bản lần thứ 16. - H.: Thế giới, 2023. - 512tr.; 21cm.

330.95694 Qu451G/M.0182838 - M.0182839;
MP.0041182

269. *Trung Quốc đã trở thành nước tư bản như thế nào*: Sách tham khảo phục vụ lãnh đạo/ Ronald Coase, Ning Wang; Nguyễn

Văn Nhã dịch. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2020. - 484tr.; 24cm.

330.1220951

Tr513Q/VV.0020159 - VV.0020160

270. Tư duy như nhà kinh tế học = *Think like an economist*: Năm bắt hoạt động của thị trường và tiền tệ/ *Anne Rooney, Vũ Hồng Anh dịch.* - H.: Thế giới, 2023. - 317tr.; 21cm.

330 T550D/M.0183800 - M.0183801; MP.0041765;

VN.0084918 - VN.0084919

332 – Kinh tế học tài chính

271. Biến mọi thứ thành tiền: Bí quyết thoát nghèo để đạt được thành công và giàu có thực sự/ *Nguyễn Anh Dũng.* - H.: Thế giới, 2023. - 285tr.; 20cm.

332.024

B305M/M.0182627 - M.0182628;

MP.0041080

272. Học cách tiêu tiền = *You're broke because you want to be*: Đừng để cháy túi vì "bóc ngăn cản dài"/ *Larry Winget; Nghiênn Huyền dịch.* - H.: Đại học kinh tế quốc dân, 2023. - 210tr.; 21cm.

332.024

H419C/M.0183676 - M.0183677;

MP.0041684

273. Tâm lý học về tiền: Những bí mật về tham vọng sự thịnh vượng và hạnh phúc/ *Morgan Housel; Hoàng Thị Minh Phúc dịch.* - H.: Dân trí, 2023. - 382tr.; 21cm.

332.401

T120L/M.0182982 - M.0182983;

MP.0041361

274. Thao túng giá cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tập trung Việt Nam dưới góc nhìn chuyên sâu về tài chính và pháp

luật/ Quách Minh Trí. - Xuất bản lần 2, có sửa chữa, bổ sung. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 243tr.; 21cm.

**332.63222 Th108T/M.0182579 - M.0182580;
MP.0041055; VN.0084403 - VN.0084404**

275. Warren Buffett - Quá trình hình thành một nhà tư bản Mỹ/ Roger Lowenstein; Ng.dịch: Minh Diệu, Phương Lan. - Tái bản lần thứ 6, có chỉnh sửa. - H.: Công thương, 2023. - 613tr.; 24cm.

**332.6 W109B/M.0182880 - M.0182881;
VV.0019999 - VV.0020000**

333 – Kinh tế đất và năng lượng

276. Bản đồ tài nguyên thế giới: Tranh đoạt năng lượng và sự phân chia quyền lực địa chính trị toàn cầu/ *Masanori Tobita; Đặng Thị Nga dịch. - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2023. - 322tr.; 21cm.*

**333.7 B105Đ/M.0183806 - M.0183807;
MP.0041768; VN.0084924 - VN.0084925**

277. Năng lượng: Lịch sử nhân loại từ than củi tới hạt nhân/ *Richard Rhodes; Nguyễn Mạnh Cường dịch. - Tái bản. - H.: Thế giới, 2023. - 600tr.; 24cm.*

**333.7909 N116L/M.0182882 - M.0182883; VV.0020001
- VV.0020002**

278. Quy hoạch không gian biển - Mục tiêu phát triển kinh tế biển xanh, bền vững (mô hình bờ Tây Vịnh Bắc Bộ)/ Nguyễn Văn Thành, Fredmund Malik, Nam Nguyễn. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 171tr.; 24cm.

**333.91641509597 Qu600H/M.0183308 -
M.0183309; VV.0020290 - VV.0020291**

335 – Chủ nghĩa xã hội và hệ thống có liên quan

279. Giá trị cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin về mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong giai đoạn hiện nay/ Phạm Văn Linh chủ biên. - H.: Chính trị quốc gia Sự thật, 2019. - 412tr.; 24cm.

335.41 Gi-100T/VV.0020477

280. Giáo trình Những vấn đề lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin: Dành cho đào tạo hoàn thiện đại học biên phòng/ Phạm Đình Triệu chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 248tr.; 27cm.

335.430711 Gi-108T/LCV.0003106

281. Hồ Chí Minh đổi mới - hội nhập - phát triển/ Bùi Đình Phong chủ biên. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Hồ Chí Minh, 2023. - 400tr.; 24cm.

**335.4346 H450C/M.0183020 - M.0183021;
MP.0041379; VV.0020126 - VV.0020127**

282. Hồ Chí Minh với ý chí tự lực, tự cường và phát triển đất nước phồn vinh hạnh phúc/ Vũ Trung Kiên. - In lần 1. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2023. - 184tr.; 21cm.

**335.4346 H450C/M.0182725 - M.0182726;
MP.0041129; VN.0084449 - VN.0084450**

283. Hướng dẫn học tập môn triết học Mác - Lênin: Dành cho đào tạo kỹ sư quân sự Lào - Campuchia/ Vũ Cảnh Lâm. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 318tr.; 27cm.

**335.411 H561D/LCV.0002925; MP.0041234 -
MP.0041235; VV.0020030 - VV.0020031**

284. Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản/ Ph. Ăngghen. - Xuất bản lần 2. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 46tr.; 19cm.

**335.43 Nh556N/M.0182607 - M.0182608;
MP.0041069; VN.0084429 - VN.0084430**

285. *Những nhận thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh/ Phạm Văn Đồng.* - Xuất bản lần thứ 2. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 224tr.; 19cm.

**335.4346 Nh556N/M.0183151 - M.0183152;
MP.0041429; VN.0084552 - VN.0084553**

286. *Thư riêng của Bác Hồ.* - In lần 5. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2023. - 232tr.; 21cm.

**335.4346 Th550R/M.0182721 - M.0182722;
MP.0041127; VN.0084445 - VN.0084446**

287. *Triết lý hành động Hồ Chí Minh/ Yên Ngọc Trung.* - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 278tr.; 21cm.

**335.4346 Tr308L/M.174398 - M.174399 - M.174400;
MP.0034910; VN.0084946**

288. *Tuổi trẻ Việt Nam học tập và làm theo Bác Hồ xây dựng đất nước hùng cường, thịnh vượng/ Chủ biên: Hoàng Anh, Trần Văn Đông.* - H.: Chính trị quốc gia Sự thật, 2023. - 196tr.; 21cm.

**335.4346 T515T/M.0183738 - M.0183739;
MP.0041711; VN.0084829 - VN.0084830**

289. *Tư tưởng Hồ Chí Minh - Những sáng tạo lý luận trong thực tiễn cách mạng:* Sách chuyên khảo/ Nguyễn Mạnh Tường chủ biên. - H.: Tư pháp, 2022. - 358tr.; 21cm.

**335.4346 T550T/M.0183516 - M.0183517;
MP.0041614; VN.0084782 - VN.0084783**

290. *Tư tưởng Hồ Chí Minh - Niềm tin và sức mạnh:* Sách chuyên khảo/ Đồng chủ biên: Nguyễn Bá Dương, Lê Thành Long. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 356tr.; 21cm.

335.4346 T550T/LC.0017093 - LC.0017094 -
LC.0017095

291. Tư tưởng Hồ Chí Minh về kiểm soát quyền lực nhà nước và vận dụng trong tình hình hiện nay: Luận án tiến sĩ Hồ Chí Minh học: 9310204/ *Trịnh Quốc Việt*. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2022. - 215tr.; 30cm + + Phụ lục

335.4346 T550T/LV.00010583

292. Về mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất/ C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I.Lênin; Lê Minh Nghĩa biên soạn.... - H.: Chính trị quốc gia Sự thật, 2019. - 599tr.; 24cm.

335.41 V250M/VV.0020478

338 – Sản xuất

293. Bill Gates là ai?/ Patricia Brennan Demuth, Ted Hammond; Trịnh Minh Việt dịch. - H.: Dân trí, 2023. - 107tr.; 19cm.

338.092 B309G/M.0183607 - M.0183608;
MP.0041655

294. Cải cách mang tính kết cấu về nguồn cung của Trung Quốc: Sách tham khảo/ *Trương Chiêm Bân chủ biên; Ng. dịch: Thúy Lan, Văn Tân*. - H.: Chính trị quốc gia Sự thật, 2019. - 500tr.; 21cm.

338.5210951 C103C/VN.0084884

295. Cây cao su ở Việt Nam dưới góc nhìn Lịch sử - Sinh thái (1897 - 1975) = Rubber and the making of Vietnam an ecological history/ Michitake Aso; Ng.dịch: Hải Thanh, Minh Quân, Khánh Tâm. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Hồ Chí Minh, 2023. - 593tr.; 24cm.

338.1738952 C126C/M.0183024 - M.0183025;
MP.0041381; VV.0020128 - VV.0020129

296. *Doanh nhân Việt Nam trong lịch sử/ Trần Thuận chủ biên.* - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 504tr.; 24cm.

**338.70922597 D408N/M.0182748 - M.0182749;
MP.0041138; VV.0019973 - VV.0019974**

297. *Giáo trình thiết kế sản phẩm công nghiệp:* Dùng cho đào tạo sau đại học chuyên ngành kỹ thuật cơ khí/ *Nguyễn Trung Thành chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 264tr.; 27cm.

**338.00711 Gi-108T/M.0183289 - M.0183290;
MP.0041518; VV.0020260 - VV.0020261**

298. *Phát triển công nghiệp quốc phòng lưỡng dụng ở Việt Nam hiện nay:* Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Đức Long chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 180tr.; 21cm.

338.47 Ph110T/LC.0016901 - LC.0016902

299. *Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo vùng:* Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam/ *Cao Thị Thu Anh.* - H.: Khoa học và kỹ thuật, 2021. - 235tr.; 21cm.

338.9 Ph110T/VN.0084853

300. *Phát triển khu kinh tế ven biển ở các tỉnh Bắc Trung Bộ:* Luận án tiến sĩ Kinh tế Chính trị: 9310102/ *Ma Đức Hân.* - H.: Học viện Chính trị, 2022. - 230tr.; 30cm + Phụ lục

338.95974 Ph110T/LV.00010503

301. *Phát triển thị trường công nghệ cao ở Việt Nam:* Luận án tiến sĩ Kinh tế Chính trị: 9310102/ *Nguyễn Thanh Tuấn.* - H.: Học viện Chính trị, 2022. - 199tr.; 30cm + Phụ lục

338.9597 Ph110T/LV.00010502

302. *Sáng chế với chiến lược phát triển công nghiệp của doanh*

nghiệp/ Chủ biên: Nguyễn Hữu Xuyên, Phạm Ngọc Hiếu. - H.: Khoa học và kỹ thuật, 2022. - 268tr.; 21cm.

338.709597

S106C/VN.0084851

303. Tỏa sáng phẩm chất doanh nhân cựu chiến binh Việt Nam/ Lê Văn Kiểm, Trần Cẩm Nhung. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 224tr.; 29cm.

338.70922597

T401S/LCV.0003043 - LCV.0003044

304. Xây dựng phiên bản nâng cấp nền kinh tế Trung Quốc: Sách tham khảo/ *Trương Đại Vệ chủ biên; Thanh Huyền dịch.* - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2020. - 414tr.; 21cm.

338.951

X126D/VN.0084892 - VN.0084893

340 – Luật pháp

305. Lý luận, thực tiễn về các mô hình pháp điển hóa điển hình trên thế giới và những kiến nghị đối với Việt Nam: Sách chuyên khảo/ *Phí Thị Thanh Tuyền.* - Xuất bản lần thứ 2 có sửa chữa, bổ sung. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 260tr.; 21cm.

340.1

L600L/M.0183131 - M.0183132;

MP.0041419; VN.0084532 - VN.0084533

306. Từ điển luật học Đức - Anh - Việt. - Tái bản lần thứ 1, có sửa đổi, bổ sung. - H.: Tư pháp, 2017. - 383tr.; 24cm.

Gồm các khái niệm, thuật ngữ trong ngành luật học bằng tiếng Đức, tiếng Anh, tiếng Việt.

340.03

T550Đ/VV.0020331 - VV.0020332

307. Từ điển Pháp luật Việt Nam với 6700 từ. - Tái bản có bổ sung. - H.: Thế giới, 2022. - 846tr.; 27cm.

340.03

T550Đ/VV.0020382 - VV.0020383

**308. *Từ điển thuật ngữ pháp lý thông dụng/ Trương Ngọc Liêu.* - H.: Chính trị quốc gia Sự thật, 2023. - 144tr.; 21cm.
340.03 T550Đ/M.0183742 - M.0183743; VN.0084833
- VN.0084834**

341 – Luật giữa các quốc gia

**309. *Cam kết quốc tế, pháp luật Việt Nam về chống tra tấn và áp dụng các hình phạt hay đối xử tàn ác, vô nhân đạo, hạ thấp nhân phẩm con người.* - H.: Khoa học và Kỹ thuật, 2020. - 222tr.; 20cm.
341.48 C104K/M.0183093 - M.0183094;
VN.0084528 - VN.0084529**

**310. *Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 và việc thực thi các khuyến nghị của Ủy ban Nhân quyền tại Việt Nam/ Nguyễn Thị Hồng Yến chủ biên.* - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 452tr.; 24cm.
341.48 C455U/M.0182567 - M.0182568;
MP.0041050; VV.0019953 - VV.0019954**

**311. *Thẻ chế pháp lý Asean và vai trò của Việt Nam/ Trần Anh Tuấn chủ biên.* - H.: Tư pháp, 2022. - 319tr.; 21cm.
341.2473 Th250C/M.0183498 - M.0183499;
MP.0041607; VN.0084764 - VN.0084765**

**312. *Vững như bàn thạch - Philippin đã thắng vụ kiện Trung Quốc về vấn đề Biển Đông như thế nào?: Sách tham khảo/ Marites Danguilan Vitug.* - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2020. - 492tr.; 24cm.
341.448 V556N/VV.0020165 - VV.0020166**

342 – Luật hiến pháp và hành chính

313. Công lý và sự thể hiện công lý trong hiến pháp Việt Nam/ Nguyễn Xuân Tùng. - H.: Tư pháp, 2021. - 259tr.; 21cm.

342.59702 C455L/M.0183492 - M.0183493; VN.0084760 - VN.0084761

314. Cơ chế điều chỉnh pháp luật mối quan hệ giữa nhà nước và cá nhân ở Việt Nam hiện nay: Sách chuyên khảo/ *Trần Thị Thanh Mai.* - H.: Lý luận chính trị, 2016. - 204tr.; 21cm.

342.597 C460C/VN.0084904

315. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2021. - 39tr.; 30cm.

342.597023 H305P/M.0182541 - M.0182542; MP.0041037; VV.0019927 - VV.0019928

316. Hoàn thiện pháp luật về kiểm soát ban hành quyết định hành chính ở Việt Nam hiện nay/ Nguyễn Quỳnh Liên. - H.: Tư pháp, 2022. - 311tr.; 21cm.

342.59706 H406T/M.0183440 - M.0183441; MP.0041589; VN.0084708 - VN.0084709

317. Hỏi đáp về Luật Tiếp cận thông tin/ Nguyễn Thị Hạnh chủ biên. - Tái bản lần thứ 1, có sửa đổi, bổ sung. - H.: Tư pháp, 2020. - 187tr.; 21cm.

342.5970662 H428Đ/M.0183510 - M.0183511; MP.0041611; VN.0084776 - VN.0084777

318. Luật Bảo vệ bí mật nhà nước (hiện hành). - Tái bản. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 48tr.; 19cm.

342.5970662 L504B/M.0183165 - M.0183166; MP.0041436; VN.0084564 - VN.0084565

319. Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức - Quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác, tuổi nghỉ hưu đối với công chức, viên chức. - H.: Lao động, 2023. - 383tr.; 28cm.

**342.597068 L504C/M.0183696 - M.0183697;
MP.0041692; VV.0020388 - VV.0020389**

320. Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân (hiện hành). - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 144tr.; 19cm.

**342.597052 L504H/M.0183320 - M.0183321;
MP.0041542; VN.0084656 - VN.0084657**

321. Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành/ Quách Dương. - H.: Tư pháp, 2017. - 142tr.; 19cm.

**342.59704 L504M/M.0183522 - M.0183523;
MP.0041617; VN.0084788 - VN.0084789**

322. Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (hiện hành) (sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2023). - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 68tr.; 19cm.

**342.597082 L504N/M.0183328 - M.0183329;
MP.0041546; VN.0084664 - VN.0084665**

323. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019 và văn bản hướng dẫn thi hành (Một số điểm mới và liên hệ quy định pháp luật về công tác tổ chức cán bộ trong lĩnh vực thi hành án dân sự)/ Nguyễn Văn Nghĩa chủ biên, Lê Quang Chuyển, Trần Thị Thanh. - H.: Tư pháp, 2022. - 611tr.; 24cm.

**342.597068 L504S/M.0183577 - M.0183578;
MP.0041640; VV.0020339 - VV.0020340**

324. Luật Thanh tra 2022 - Công tác tiếp công dân, giải quyết

khieu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng. - H.: Hồng Đức, 2023. - 400tr.; 27cm.

**342.5970667 L504T/M.0183692 - M.0183693;
MP.0041690; VV.0020384 - VV.0020385**

325. Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam (hiện hành) (sửa đổi, bổ sung năm 2023). - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 80tr.; 19cm.

**342.597082 L504X/M.0183159 - M.0183160;
MP.0041433; VN.0084558 - VN.0084559**

326. Những kỹ năng cơ bản về tìm hiểu và sử dụng văn bản quy phạm pháp luật/ Phạm Thanh Hữu. - H.: Chính trị quốc gia Sự thật, 2023. - 124tr.; 19cm.

**342.597 Nh556K/M.0183758 - M.0183759;
MP.0041720**

327. Pháp luật về cư trú - Những điều cần biết/ Bùi Cẩm Thơ. - H.: Tư pháp, 2023. - 130tr.; 19cm.

**342.597082 Ph109L/M.0183518 - M.0183519;
MP.0041615; VN.0084784 - VN.0084785**

328. Phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lập pháp theo hiến pháp năm 2013: Sách chuyên khảo/ Lê Thị Thiệu Hoa chủ biên. - H.: Tư pháp, 2022. - 214tr.; 21cm.

**342.59702 Ph121C/M.0183488 - M.0183489;
VN.0084756 - VN.0084757**

329. Quy định pháp luật hiện hành và một số kỹ năng cơ bản trong kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật/ Hồ Quang Huy chủ biên. - H.: Tư pháp, 2023. - 198tr.; 21cm.

**342.597 Qu600Đ/M.0183478 - M.0183479;
VN.0084746 - VN.0084747**

330. Quy định pháp luật hiện hành và một số kỹ năng cơ bản về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật/ Hồ Quang Huy. - H.: Tư pháp, 2023. - 198tr.; 21cm.

**342.597 Qu600Đ/M.0183484 - M.0183485;
VN.0084752 - VN.0084753**

331. Quyền của người đồng tính, song tính, chuyển giới và liên giới tính tại Việt Nam - Từ nhận thức đến thực tiễn: Sách chuyên khảo/ Trương Hồng Quang. - H.: Tư pháp, 2022. - 258tr.; 21cm.

**342.597085 Qu603C/M.0183454 - M.0183455;
MP.0041596; VN.0084722 - VN.0084723**

332. Quyền nhân thân trong lĩnh vực báo chí, xuất bản và mạng xã hội/ Nguyễn Văn Huy. - H.: Tư pháp, 2022. - 267tr.; 21cm.

**342.5970853 Qu603N/M.0183450 - M.0183451;
MP.0041594; VN.0084718 - VN.0084719**

333. Sổ tay hướng dẫn việc cung cấp thông tin cho cơ quan nhà nước/ Nguyễn Thị Kim Thoa. - Tái bản lần thứ 1, có sửa đổi, bổ sung. - H.: Tư pháp, 2020. - 187tr.; 21cm.

342.5970662 S450T/M.0183494 - M.0183495

334. Thủ tục đăng ký và cấp một số giấy tờ cá nhân: Hộ tịch, căn cước công dân, thường trú, tạm trú, xuất cảnh, nhập cảnh/ Nguyễn Văn Huy. - H.: Tư pháp, 2022. - 299tr.; 21cm.

**342.59708 Th500T/M.0183462 - M.0183463;
MP.0041600; VN.0084730 - VN.0084731**

335. Tìm hiểu pháp luật về bình đẳng giới ở Việt Nam hiện nay/ Vương Thị Hoài Anh. - H.: Giao thông vận tải, 2023. - 199tr.; 21cm.

**342.59708 T310H/M.0182774 - M.0182775;
MP.0041152; VN.0084463 - VN.0084464**

343 – Luật quân sự, quốc phòng, tài sản công, tài chính công, thuế, thương mại (mậu dịch), công nghiệp

336. Kiểm soát hàng hóa nhập khẩu qua biên giới theo pháp luật hải quan ở Việt Nam hiện nay/ Trần Viết Long chủ biên. - H.: Tư pháp, 2022. - 226tr.; 21cm.

**343.597056 K304S/M.0183436 - M.0183437;
MP.0041587; VN.0084704 - VN.0084705**

337. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 104tr.; 19cm.

**343.597071 L504B/M.0183318 - M.0183319;
MP.0041541; VN.0084654 - VN.0084655**

338. Luật Cạnh tranh (hiện hành). - Tái bản. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 120tr.; 19cm.

**343.5970721 L504C/M.0183157 - M.0183158;
MP.0041432; VN.0084556 - VN.0084557**

339. Luật Giá. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 132tr.; 19cm.

**343.597083 L504G/M.0183314 - M.0183315;
MP.0041539; VN.0084650 - VN.0084651**

340. Luật Giao dịch điện tử. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 60tr.; 19cm.

**343.59709944 L504G/M.0183326 - M.0183327;
MP.0041545; VN.0084662 - VN.0084663**

341. Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán nhà nước. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 24tr.; 19cm.

**343.597034 Ph109L/M.0183169 - M.0183170;
MP.0041438; VN.0084568 - VN.0084569**

342. *Pháp luật về đầu giá tài sản công ở Việt Nam hiện nay/*
Nguyễn Thị Thu Hồng. - H.: Tư pháp, 2022. - 298tr.; 21cm.

**343.59702 Ph109L/M.0183504 - M.0183505;
MP.0041608; VN.0084770 - VN.0084771**

**343. *Pháp luật về nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất đối
với nhà nước ở Việt Nam hiện nay/****Nguyễn Thị Thanh Xuân.* - H.:
Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 298tr.; 21cm.

**343.597054 Ph109L/M.0182591 - M.0182592;
MP.0041061; VN.0084413 - VN.0084414**

344 – *Luật lao động, dịch vụ xã hội, giáo dục, văn hóa*

**344. *Bộ luật Lao động năm 2019 và một số văn bản hướng dẫn thi
hành/****Bùi Cẩm Thơ, Trần Thị Hoàng Yến.* - H.: Tư pháp, 2022. -
463tr.; 24cm.

**344.59701 B450L/M.0183569 - M.0183570;
MP.0041639; VV.0020329 - VV.0020330**

345. *Các văn bản hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế.* - H.: Quân
đội nhân dân, 2023. - 224tr.; 27cm.

344.59702 C101V/LCV.0003196 - LCV.0003197

346. *Hỏi đáp pháp luật về bảo hiểm y tế/**Nguyễn Hiền Phương,
Phùng Thị Cẩm Châu.* - Tái bản lần thứ 1. - H.: Tư pháp, 2017. -
218tr.; 21cm.

**344.597022 H428Đ/M.0183512 - M.0183513;
MP.0041612; VN.0084778 - VN.0084779**

347. Luật Công an nhân dân (hiện hành) (sửa đổi, bổ sung năm 2023). - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 64tr.; 19cm.

**344.597052 L504C/M.0183324 - M.0183325;
MP.0041544; VN.0084660 - VN.0084661**

348. Luật khám bệnh, chữa bệnh 2023 (Đã được quốc hội khóa XV, thông qua ngày 09 tháng 01 năm 2023). - H.: Hồng Đức, 2022. - 396tr.; 27cm.

**344.59704 L504K/M.0183702 - M.0183703;
MP.0041695; VV.0020392 - VV.0020393**

349. Luật Phòng thủ dân sự. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 68tr.; 19cm.

**344.5970535 L504P/M.0183330 - M.0183331;
MP.0041547; VN.0084666 - VN.0084667**

350. Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng và nghị định hướng dẫn thi hành/ Quách Dương. - H.: Tư pháp, 2021. - 155tr.; 19cm.

**344.597031 Ph109L/M.0183520 - M.0183521;
MP.0041616; VN.0084786 - VN.0084787**

351. Quy định pháp luật và thực tiễn giải quyết các vụ án "Tranh chấp về xử lý kỷ luật sa thải, đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động"/ Trương Ngọc Liêu. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 232tr.; 21cm.

**344.59701 Qu600Đ/M.0183133 - M.0183134;
MP.0041420; VN.0084534 - VN.0084535**

352. Quyền giáo dục ở Việt Nam hiện nay: Sách chuyên khảo/ Trịnh Như Quỳnh. - H.: Tư pháp, 2023. - 278tr.; 21cm.

**344.597079 Qu603G/M.0183472 - M.0183473;
MP.0041605; VN.0084740 - VN.0084741**

353. Tài liệu công tác thư viện, Tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông - Hướng dẫn hoạt động thư viện lưu động, luân chuyển tài nguyên thông tin. - H.: Hồng Đức, 2022. - 406tr.; 27cm.

**344.597092 T309C/M.0183704 - M.0183705;
MP.0041696; VV.0020394 - VV.0020395**

354. Tập bài giảng luật môi trường/ Phạm Văn Võ chủ biên. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 260tr.; 24cm.

**344.5970460711 T123B/M.0182573 - M.0182574;
MP.0041052**

355. Tìm hiểu pháp luật về lao động và việc làm ở Việt Nam hiện nay/ Đồng chủ biên: Trương Thị Thu Hà, Vương Thị Liễu. - H.: Tư pháp, 2022. - 226tr.; 21cm.

**344.59701 T310H/M.0183458 - M.0183459;
MP.0041598; VN.0084726 - VN.0084727**

345 – Luật hình sự

356. Bảo đảm quyền của nạn nhân và một số nhóm yếu thế trong tư pháp hình sự từ quy định của pháp luật đến hoạt động của người hành nghề luật: Sách chuyên khảo/ Lê Lan Chi. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 320tr.; 24cm.

**345.59705 B108Đ/M.0183123 - M.0183124;
MP.0041416; VV.0020196 - VV.0020197**

357. Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình theo pháp luật hình sự Việt Nam/ Nguyễn Thị Lan. - Tái bản lần thứ 2. - H.: Tư pháp, 2020. - 255tr.; 21cm.

**345.5970255 C101T/M.0183506 - M.0183507;
MP.0041609; VN.0084772 - VN.0084773**

358. Các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017)/ Nguyễn Mai Bộ chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 564tr.; 21cm.

**345.597 C101T/LC.0016975 - LC.0016976;
M.0182940 - M.0182941; MP.0041328; VN.0084485 -
VN.0084486**

359. Cải cách tư pháp trong lĩnh vực tư pháp hình sự/ Đồng chủ biên: Đoàn Đức Lương, Nguyễn Ngọc Kiện. - H.: Tư pháp, 2023. - 391tr.; 24cm.

**345.597 C103C/M.0183567 - M.0183568;
VV.0020327 - VV.0020328**

360. Chính sách hình sự Việt Nam trước thách thức cách mạng công nghiệp 4.0/ Trịnh Tiến Việt chủ biên. - H.: Tư pháp, 2020. - 299tr.; 21cm.

**345.597 Ch312S/M.0183490 - M.0183491;
VN.0084758 - VN.0084759**

361. Cơ sở hoạt động đấu tranh chống tội phạm có tổ chức: Sách tham khảo/ V. E. Eminov, N. P. Iablokov; Bùi Minh Giám dịch. - H.: Công an nhân dân, 2014. - 495tr.; 21cm.

345.03 C460S/VN.0084860

362. Đồng phạm trong luật hình sự Việt Nam: Sách chuyên khảo/ Trần Quang Tiếp. - Tái bản lần thứ 1. - H.: Tư pháp, 2022. - 250tr.; 21cm.

**345.597 Đ455P/M.0183468 - M.0183469;
MP.0041603; VN.0084736 - VN.0084737**

363. Luật Đặc xá (hiện hành). - Tái bản lần thứ 2. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2021. - 44tr.; 19cm.

345.597077 L504Đ/M.0183163 - M.0183164;
MP.0041435; VN.0084562 - VN.0084563

364. Luật Phòng, chống khủng bố (hiện hành) (sửa đổi, bổ sung năm 2022). - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 48tr.; 19cm.

345.59702317 L504P/M.0183167 - M.0183168;
MP.0041437; VN.0084566 - VN.0084567

365. Luật Phòng, chống tham nhũng và Nghị định hướng dẫn thi hành/ Quách Văn Dương. - H.: Tư pháp, 2019. - 175tr.; 21cm.

345.59702323 L504P/M.0183500 - M.0183501;
VN.0084766 - VN.0084767

366. Tội mua bán người và tội mua bán trẻ em theo pháp luật hình sự Việt Nam/ Lê Thị Vân Anh. - H.: Tư pháp, 2022. - 243tr.; 21cm.

345.5970237 T452M/M.0183470 - M.0183471;
MP.0041604; VN.0084738 - VN.0084739

346 – Luật tư

367. Áp dụng Bộ luật dân sự và luật chuyên ngành trong lĩnh vực hợp đồng: Sách chuyên khảo/ Đoàn Đức Lương chủ biên. - H.: Tư pháp, 2023. - 223tr.; 21cm.

346.597022 A109D/M.0183480 - M.0183481;
VN.0084748 - VN.0084749

368. Chế độ hôn nhân và chế độ tài sản của vợ chồng theo pháp luật hôn nhân và gia đình/ Quách Văn Dương. - Tái bản lần thứ 1. - H.: Tư pháp, 2019. - 259tr.; 21cm.

346.597016 Ch250Đ/M.0183448 - M.0183449;
MP.0041593; VN.0084716 - VN.0084717

369. Cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại và đầu tư ở các quốc gia thành viên Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Văn Cương chủ biên. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 478tr.; 24cm.

**346.59707 C460C/M.0183304 - M.0183305;
VV.0020286 - VV.0020287**

370. Giải quyết tranh chấp hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai phát hiện vi phạm và xử lý vướng mắc: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Quang Đạo chủ biên, Nguyễn Thị Kim Oanh. - Xuất bản lần 2, có sửa chữa, bổ sung. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 443tr.; 21cm.

**346.597043 Gi-103Q/M.0182587 - M.0182588;
MP.0041059; VN.0084411 - VN.0084412**

371. Giám hộ trong pháp luật dân sự Việt Nam hiện đại: Sách chuyên khảo/ Kiều Thị Thùy Linh chủ biên. - H.: Tư pháp, 2023. - 210tr.; 21cm.

**346.597018 Gi-104H/M.0183476 - M.0183477;
VN.0084744 - VN.0084745**

372. Hợp đồng vay tài sản và họ, họ, biểu, phườn theo pháp luật dân sự Việt Nam hiện hành: Sách chuyên khảo/ Lê Thị Giang chủ biên. - H.: Tư pháp, 2022. - 270tr.; 21cm.

**346.597073 H466Đ/M.0183466 - M.0183467;
MP.0041602; VN.0084734 - VN.0084735**

373. Kinh doanh sành luật: Ứng dụng luật doanh nghiệp năm 2020, sửa đổi, bổ sung năm 2022 và quy định liên quan/ Trương Thanh Đức. - Xuất bản lần thứ 2, có sửa chữa, bổ sung. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 524tr.; 24cm.

**346.59707 K312D/M.0182565 - M.0182566;
MP.0041049; VV.0019951 - VV.0019952**

374. *Luật Chứng khoán (hiện hành)*. - Tái bản lần thứ 2. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 196tr.; 19cm.

**346.5970922 L504C/M.0183155 - M.0183156;
MP.0041431; VN.0084554 - VN.0084555**

375. *Luật Công chứng (hiện hành)*. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2018. - 80tr.; 19cm.

**346.5970023 L504C/M.0183161 - M.0183162;
MP.0041434; VN.0084560 - VN.0084561**

376. *Luật Đấu giá tài sản (hiện hành)*. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 96tr.; 19cm.

**346.59704 L504Đ/M.0183332 - M.0183333;
MP.0041548; VN.0084668 - VN.0084669**

377. *Luật Đấu thầu - Quy định lựa chọn nhà thầu, hạn chế thất thoát, lãng phí, tiêu cực, tham nhũng trong lĩnh vực đấu thầu - Luật Giá*. - H.: Lao động, 2023. - 431tr.; 28cm.

**346.597 L504Đ/M.0183778 - M.0183779;
MP.0041752; VV.0020460 - VV.0020461**

378. *Luật Đầu tư công (hiện hành) (sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2022)*. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 124tr.; 19cm.

**346.597092 L504Đ/M.0183316 - M.0183317;
MP.0041540; VN.0084652 - VN.0084653**

379. *Luật Hôn nhân và gia đình và các văn bản hướng dẫn thi hành/ Quách Dương*. - Tái bản lần thứ 2, có sửa đổi, bổ sung. - H.: Tư pháp, 2023. - 242tr.; 21cm.

**346.597016 L504H/M.0183452 - M.0183453;
MP.0041595; VN.0084720 - VN.0084721**

380. Luật Hợp tác xã. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 156tr.; 19cm.

**346.5970668 L504H/M.0183322 - M.0183323;
MP.0041543; VN.0084658 - VN.0084659**

381. Luật Kinh doanh bất động sản (hiện hành) (sửa đổi bổ sung năm 2020). - Tái bản. - H.: Chính trị quốc gia Sự thật, 2023. - 78tr.; 19cm.

**346.5970437 L504K/M.0183756 - M.0183757;
MP.0041719; VN.0084847 - VN.0084848**

382. Luật Sở hữu trí tuệ (hiện hành) (sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019, 2022). - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 276tr.; 19cm.

**346.597048 L504S/M.0183312 - M.0183313;
MP.0041538; VN.0084648 - VN.0084649**

383. Luật Thương mại (hiện hành) (sửa đổi năm 2017, 2019). - H.: Chính trị quốc gia Sự thật, 2023. - 192tr.; 19cm.

**346.59707 L504T/M.0183754 - M.0183755;
MP.0041718; VN.0084845 - VN.0084846**

384. Pháp luật quốc tế về sáng chế, giấy phép bắt buộc và quyền tiếp cận thuốc ở một số quốc gia trên thế giới - Kinh nghiệm cho Việt Nam/ Lê Vũ Văn Anh. - H.: Tư pháp, 2022. - 279tr.; 21cm.

**346.0486 Ph109L/M.0183456 - M.0183457;
MP.0041597; VN.0084724 - VN.0084725**

385. Pháp luật thừa kế ở Việt Nam - Nhận thức và áp dụng/ Phùng Trung Tập. - Xuất bản lần thứ 2, có sửa chữa, bổ sung. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 496tr.; 24cm.

**346.597052 Ph109L/M.0183109 - M.0183110;
MP.0041412; VV.0020182 - VV.0020183**

386. *Pháp luật về hoạt động đầu tư vốn của ngân hàng thương mại - Những vấn đề lý luận và thực tiễn/ Lê Thị Thảo.* - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 176tr.; 21cm.

**346.59708212 Ph109L/M.0182577 - M.0182578;
MP.0041054; VN.0084401 - VN.0084402**

387. *Pháp luật về hội, tổ chức phi chính phủ trên thế giới và Việt Nam:* Sách tham khảo/ *Đồng chủ biên: Trần Kiên, Khuất Thu Hồng, Vũ Công Giao.* - Tái bản lần thứ 1. - H.: Tư pháp, 2020. - 323tr.; 21cm.

**346.599706 Ph109L/M.0183438 - M.0183439;
MP.0041588; VN.0084706 - VN.0084707**

388. *Pháp luật về hợp đồng trong thương mại và đầu tư - Những vấn đề pháp lý cơ bản:* Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Thị Dung chủ biên.* - Xuất bản lần thứ 5, có sửa chữa, bổ sung. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 708tr.; 24cm.

**346.59707 Ph109L/M.0183101 - M.0183102;
MP.0041408; VV.0020174 - VV.0020175**

389. *Pháp luật về nhà ở xã hội ở Việt Nam hiện nay - Những vấn đề lý luận và thực tiễn:* Sách tham khảo/ *Nguyễn Thành Luân.* - H.: Tư pháp, 2023. - 175tr.; 21cm.

**346.597043 Ph109L/M.0183446 - M.0183447;
MP.0041592; VN.0084714 - VN.0084715**

390. *Quản lý sở hữu trí tuệ trong quân đội:* Dành cho đào tạo sau đại học/ *Nguyễn Thị Gấm chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 122tr.; 27cm.

**346.597048 Qu105L/MP.0041532 - MP.0041533;
VV.0020278 - VV.0020279**

391. *Thi hành án đối với quyền sử dụng đất theo pháp luật Việt*

Nam hiện hành/ Bùi Nguyễn Phương Lê. - H.: Tư pháp, 2022. - 338tr.; 21cm.

**346.5970432 Th300H/M.0183482 - M.0183483;
VN.0084750 - VN.0084751**

392. 100 câu hỏi giải quyết tranh chấp về thừa kế tại Tòa án/ Chu Xuân Minh chủ biên. - H.: Tư pháp, 2023. - 283tr.; 24cm.

**346.597052 M458T/M.0183575 - M.0183576;
VV.0020337 - VV.0020338**

347 – Thủ tục và tòa án

392. Bộ luật Tố tụng dân sự hiện hành. - H.: Tư pháp, 2023. - 343tr.; 24cm.

**347.597 B450L/M.0183571 - M.0183572; VV.0020333
- VV.0020334**

393. Công tác thi hành án hình sự thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã: Sách chuyên khảo/ Đồng chủ biên: Nguyễn Ngọc Kiện, Hồ Minh Tùng.... - H.: Tư pháp, 2023. - 206tr.; 21cm.

**347.597077 C455T/M.0183444 - M.0183445;
MP.0041591; VN.0084712 - VN.0084713**

394. Giáo trình Pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo: Dành cho đào tạo cử nhân ngành luật/ Trần Minh Nguyệt chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 144tr.; 27cm.

347.5970530711 Gi-108T/LCV.0003107

395. Pháp luật về cưỡng chế thi hành án dân sự/ Chủ biên: Nguyễn Văn Tiến, Lê Vĩnh Châu. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 612tr.; 24cm.

**347.597077 Ph109L/M.0183107 - M.0183108;
MP.0041411; VV.0020180 - VV.0020181**

396. *Pháp luật về thủ tục thi hành án dân sự/ Lê Vĩnh Châu.* - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 292tr.; 24cm.

**347.597077 Ph109L/M.0183111 - M.0183112;
MP.0041413; VV.0020184 - VV.0020185**

349 – *Luật pháp của khu vực pháp quyền, khu vực, vùng kinh tế xã hội, tổ chức liên chính phủ vùng cụ thể*

397. *Bộ luật Dân sự năm 2015 và các nghị định hướng dẫn thi hành.* - Tái bản. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 528tr.; 24cm.

**349.597 B450L/M.0183105 - M.0183106;
MP.0041410; VV.0020178 - VV.0020179**

398. *Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và những vấn đề pháp lý đặt ra:* Sách chuyên khảo/ *Đồng chủ biên: Phan Chí Hiếu, Nguyễn Văn Cương.* - H.: Tư pháp, 2019. - 319tr.; 21cm.

**349.597 C102M/M.0183442 - M.0183443;
MP.0041590; VN.0084710 - VN.0084711**

399. *Luật xưa án cũ/ Bùi Xuân Đính.* - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 648tr.; 24cm.

**349.597 L504X/M.0182559 - M.0182560;
MP.0041046; VV.0019945 - VV.0019946**

400. *Xây dựng pháp luật ở Việt Nam - Lý luận và thực tiễn/ Dương Thị Tuyết chủ biên.* - H.: Tư pháp, 202. - 286tr.; 21cm.

**349.597 X126D/M.0183474 - M.0183475;
VN.0084742 - VN.0084743**

401. *Ý thức pháp luật của đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Tuyên Quang hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Chủ nghĩa Xã hội Khoa học:

8229008/ *Phạm Chí Thịnh*. - H.: Học viện Chính trị, 2020. - 118tr.;
30cm + Phụ lục

349.597

Y600T/LV.00010487

350 – Hành chính công và khoa học quân sự

352 – Xem xét tổng hợp về hành chính công

402. Hỏi - đáp về cải cách hành chính và chính phủ điện tử, chuyển đổi số. - H.: Văn phòng Bộ Quốc phòng, 2022. - 155tr.; 21cm.

352.3

H428Đ/M.0183092; VN.0084525 -

VN.0084526

403. Hồ Chí Minh về cán bộ và công tác cán bộ. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 200tr.; 21cm.

352.609597

H450C/M.0182581 - M.0182582;

MP.0041056; VN.0084405 - VN.0084406

404. Quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, tài nguyên và môi trường: Sách chuyên khảo/ *Trần Quang Hiến*. - Tái bản lần thứ 1, có sửa đổi, bổ sung. - H.: Tư pháp, 2023. - 262tr.; 21cm.

352.74509597

Qu105L/M.0183496 - M.0183497;

MP.0041606; VN.0084762 - VN.0084763

355 – Khoa học quân sự

405. Bác Hồ với Quân đội nhân dân Việt Nam/ Hà Minh Hồng chủ biên, Trần Thuận, Lưu Văn Quyết.... - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2023. - 79tr.; 16cm.

355.009597

B101H/M.0182733 - M.0182734;

VN.0084451 - VN.0084452

406. Bản lĩnh chính trị của sĩ quan cấp phân đội ở Sư đoàn bộ binh 2, Quân khu 5 hiện nay: Luận văn thạc sĩ Chủ nghĩa Xã hội Khoa học: 8229008/ *Trần Văn Tâm*. - H.: Học viện Chính trị, 2020. - 105tr.; 30cm + Phụ lục

355.009597

B105L/LV.00010498

407. Biên niên sự kiện Cục Khoa học quân sự (Giai đoạn 2018 - 2023). - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 256tr.; 22cm.

355.009597

B305N/LC.0016967 - LC.0016968;

MP.0041322 - MP.0041323; VN.0084479 - VN.0084480

408. Bộ đội Biên phòng các tỉnh miền Trung phòng, chống bạo loạn chính trị ở khu vực biên giới biển: Sách chuyên khảo/ *Vũ Đình Huy biên soạn*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 164tr.; 21cm.

355.35109597

B450Đ/LC.0016812; M.0183251 -

M.0183252; MP.0041491; VN.0084646 - VN.0084647

409. Bộ đội Biên phòng các tỉnh Nam Trung Bộ vận động ngư dân không xâm phạm vùng biển nước ngoài khai thác hải sản: Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Đăng Khoa chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 140tr.; 21cm.

355.35109597

B450Đ/LC.0016807; M.0183247 -

M.0183248; MP.0041489; VN.0084642 - VN.0084643

410. Bộ đội Biên phòng vận động đồng bào Khmer tham gia quản lý, bảo vệ biên giới đất liền ở các tỉnh Tây Nam Bộ: Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Tuấn Đạt biên soạn*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 196tr.; 21cm.

355.35109597

B450Đ/LC.0016808; M.0183249 -

M.0183250; MP.0041490; VN.0084644 - VN.0084645

411. Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội trong vận động nhân dân thực hiện quan điểm, chính sách tôn giáo của Đảng và nhà nước trên

địa bàn hiện nay: Luận văn thạc sĩ Chủ nghĩa xã hội khoa học: 60220308/ *Dương Đức Mạnh*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2016. - 85tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.3409597

B450T/LV.00010550

412. Bồi dưỡng đạo đức cách mạng của học viên Học viện Hậu cần hiện nay: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước: 8310202/ *Lê Thời Đệ*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2020. - 102tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.00711597

B452D/LV.00010525

413. Bồi dưỡng kỹ năng đấu tranh trên không gian mạng của chính trị viên đại đội học viên ở Trường Sĩ quan Chính trị hiện nay: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước: 8310202/ *Nguyễn Vi Đạt*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2022. - 116tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.00711597

B452D/LV.00010554

414. Bồi dưỡng kỹ năng tuyên truyền miệng của trung đội trưởng ở Sư đoàn 308, Quân đoàn 1 hiện nay: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước: 8310202/ *Nguyễn Bá Hà*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2021. - 101tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.009597

B452D/LV.00010539

415. Bồi dưỡng lối sống văn hóa quân sự của sĩ quan trẻ ở đơn vị học viên Trường Sĩ quan Lục quân 2 hiện nay: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước: 8310202/ *Đàm Văn Đình*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2022. - 109tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.00711597

B452D/LV.00010543

416. Bồi dưỡng năng lực công tác chính sách hậu phương quân đội cho cán bộ chính trị cơ quan quân sự cấp huyện ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền

Nhà nước: 8310202/ *Hồ Văn Thắng*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2022. - 107tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.3409597

B452D/LV.00010516

417. *Bồi dưỡng năng lực công tác dân vận cho học viên Trường Sĩ quan Chính trị hiện nay*: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước: 8310202/ *Nguyễn Đặng Nguyên*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2021. - 104tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.00711597

B452D/LV.00010544

418. *Bồi dưỡng năng lực giảng dạy chính trị của chính trị viên đại đội ở Sư đoàn 5, Quân khu 7 hiện nay*: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước: 8310202/ *Lộc Duy Hợp*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2021. - 109tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.007597

B452D/LV.00010514

419. *Bồi dưỡng năng lực giáo dục thuyết phục học viên của cán bộ đại đội ở Trường Sĩ quan Chính trị hiện nay*: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước: 8310202/ *Ngô Văn Hưng*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2022. - 104tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.00711597

B452D/LV.00010518

420. *Bồi dưỡng năng lực giáo dục truyền thống của chính trị viên đại đội học viên ở Trường Sĩ quan Lục quân 1 hiện nay*: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước: 8310202/ *Chu Tiến Dân*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2021. - 114tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.00711597

B452D/LV.00010522

421. *Bồi dưỡng năng lực nghiên cứu khoa học cho học viên ở Trường Sĩ quan Chính trị hiện nay*: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước: 8310202/ *Nguyễn Danh Nhân*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2022. - 115tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.00711597

B452D/LV.00010526

422. Bồi dưỡng phẩm chất "Bộ đội Cụ Hồ" cho học viên ở Học viện Phòng không - Không quân hiện nay: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước: 8310202/ *Từ Tất Tuấn*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2022. - 103tr.; 30cm + + Phụ lục

355.00711597

B452D/LV.00010546

423. Bồi dưỡng phong cách học tập lý luận Hồ Chí Minh cho giảng viên Trường Sĩ quan Phòng hóa hiện nay: Luận văn thạc sĩ Hồ Chí Minh học: 8310204/ *Vũ Đình Khôi*. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 115tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711597

B452D/LV.00010475

424. Bồi dưỡng phong cách làm việc Hồ Chí Minh cho đội ngũ cán bộ đoàn ở các học viện, trường sĩ quan quân đội hiện nay: Sách chuyên khảo/ *Chủ biên: Phan Văn Lương, Khúc Văn Hương*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 124tr.; 21cm.

355.00711597

B452D/LC.0016876; VN.0084850

425. Bồi dưỡng phương pháp học tập cho học viên hệ quốc tế ở Trường Sĩ quan Lục quân 2 hiện nay: Luận văn thạc sĩ Giáo dục học: 8140101/ *Phạm Văn Huy*. - H.: Học viện Chính trị, 2020. - 117tr.; 30cm + + Phụ lục

355.00711597

B452D/LV.00010582

426. Bồi dưỡng phương pháp làm việc khoa học cho đội ngũ giảng viên ở các học viện, nhà trường quân đội hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh: Sách chuyên khảo/ *Bùi Mạnh Hùng chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 200tr.; 21cm.

355.00711597

B452D/LC.0017083

427. Bồi dưỡng phương pháp nhận diện các quan điểm sai trái trên mạng xã hội cho học viên trong nhà trường quân đội: Sách

chuyên khảo/ *Đoàn Tất Thắng biên soạn.* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 132tr.; 21cm.

**355.00711597 B452D/LC.0017065 - LC.0017066;
M.0182920 - M.0182921; MP.0041303; VN.0084503 -
VN.0084504**

428. *Bồi dưỡng văn hóa chính trị Hồ Chí Minh cho học viên đào tạo cấp trung, sư đoàn ở Học viện Lục quân hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Hồ Chí Minh học: 8310204/ *Vũ Đình Sáng.* - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 116tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.00711597 B452D/LV.00010489

429. *Chất lượng công tác tuyên truyền, cổ động ở các đơn vị học viên Trường Sĩ quan Chính trị trước tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư:* Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước: 8310202/ *Trịnh Trọng Tuấn.* - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2022. - 102tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.00711597 Ch124L/LV.00010527

430. *Chất lượng công tác vận động quần chúng của các đồn biên phòng trên tuyến biên giới đất liền phía Bắc hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước: 8310202/ *Đàm Đình Tùng.* - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2021. - 104tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.35109597 Ch124L/LV.00010511

431. *Chất lượng đội ngũ cán bộ kỹ thuật quân sự trong điều kiện cách mạng công nghiệp lần thứ tư:* Luận án tiến sĩ Triết học: 9229002/ *Nguyễn Trọng Luật.* - H.: Học viện Chính trị, 2022. - 189tr.; 30cm + Phụ lục

355.009597 Ch124L/LV.00010465

432. *Chất lượng giáo dục, rèn luyện kỷ luật của đại đội học viên ở Trường Sĩ quan Pháo binh hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Xây dựng

Đảng và Chính quyền Nhà nước: 8310202/ *Phạm Hữu Kính*. - H.:
Trường Sĩ quan Chính trị, 2022. - 99tr.; 30cm + + Phụ lục
355.00711597 Ch124L/LV.00010556

433. *Chiến tranh thông tin, tác chiến không gian mạng trong chiến tranh hiện đại*: Sách tham khảo/ *Nguyễn Huy Hoàng*. - H.:
Quân đội nhân dân, 2023. - 400tr.; 21cm.
355.00285 Ch305T/LC.0017102 - LC.0017103 - LC.0017104

434. *Chiến trường số trong chiến tranh hiện đại*/ *Nguyễn Huy Hoàng*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 188tr.; 21cm.
355.00285 Ch305T/LC.0016913 - LC.0016914

435. *Chính ủy Đặng Tính*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 388tr.; 24cm.
355.0092597 Ch312U/LCV.0003246 - LCV.0003247 - LCV.0003248; M.0184141; VV.0020611 - VV.0020612

436. *Cục Thi hành án - Biên niên sự kiện (2018 - 2023)*/ *Nguyễn Phi Hùng chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 224tr.; 22cm.
355.009597 C506T/LC.0016893

437. *Dân quân tự vệ Việt Nam - Lực lượng vô địch của dân tộc anh hùng*. - H.: Quân đội nhân dân, 2015. - 571tr.; 22cm
355.3709597 D121Q/VN.0084897

438. *Dấu ấn cuộc đời*: Hồi ức/ *Lưu Phước Lượng*. - Tái bản lần thứ nhất, có sửa chữa, bổ sung. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 324tr.; 24cm.
355.0092 D125Â/LCV.0003249 - LCV.0003250

439. *Đại tướng Chu Huy Mân - Nhà chính trị, quân sự xuất sắc của cách mạng Việt Nam, người con ưu tú của quê hương Nghệ*

An: Kỹ yếu hội thảo khoa học. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 896tr.; 24cm.

**355.0092597 Đ103T/LCV.0003033 - LCV.0003034;
M.0182968 - M.0182969; MP.0041354; VV.0020116 -
VV.0020117**

440. Đại tướng Chu Huy Mân tuyển tập/ Chu Huy Mân. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 900tr.; 24cm.

**355.0092597 Đ103T/M.0182966 - M.0182967;
VV.0020114 - VV.0020115**

441. Đại tướng Đoàn Khuê - Người cộng sản kiên trung nhà lãnh đạo, chỉ huy xuất sắc của Quân đội nhân dân Việt Nam người con ưu tú của quê hương Quảng Trị: Kỷ yếu hội thảo khoa học. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 972tr.; 24cm.

355.0092 Đ103T/LCV.0003190 - LCV.0003191

442. Đạo đức cách mạng của học viên Trường Sĩ quan Chính trị hiện nay: Luận văn thạc sĩ Triết học: 8229001/ *Đinh Viết Thơm.* - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2022. - 99tr.; 30cm + + Phụ lục

355.00711597 Đ108Đ/LV.00010598

443. Đoàn chuyên gia quân sự 478 trong thực hiện nhiệm vụ Quốc tế ở Campuchia (1978-1988): Sách chuyên khảo/ *Chu Văn Lộc.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 199tr.; 21cm.

355.032596 Đ406C/LC.0017174 - LC.0017175

444. Đổi mới công tác quản lý tình hình tư tưởng cán bộ cấp phân đội ở đơn vị cơ sở trong quân đội hiện nay: Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Văn Thi.* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 224tr.; 21cm.

**355.009597 Đ452M/LC.0017023, LC.0017072 -
LC.0017073**

445. Đổi mới nhận thức về vai trò con người trong mối quan hệ

với vũ khí của học viên đào tạo sĩ quan cấp phân đội ở Học viện Phòng không - Không quân hiện nay: Luận văn thạc sĩ Triết học: 60220301/ *Cao Văn Trung*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2016. - 83tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.00711597

Đ452M/LV.00010534

446. Giá trị văn hóa quân sự truyền thống với phát triển nhân cách học viên sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay: Luận án tiến sĩ Triết học: 9229002/ *Ngô Bằng Linh*. - H.: Học viện Chính trị, 2022. - 224tr.; 30cm + Phụ lục

355.009597

Gi-100T/LV.00010466

447. Giáo trình Công tác hậu cần - kỹ thuật - tài chính ở đơn vị Biên phòng: Dành cho đào tạo sĩ quan Biên phòng cấp phân đội, trình độ đại học/ *Nguyễn Quang Thuyền chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 148tr.; 27cm.

355.3510711597

Gi-108T/LCV.0003108

448. Giáo trình Giáo dục học quân sự: Dành cho đào tạo sĩ quan chỉ huy, tham mưu, hậu cần, kỹ thuật, quân y, tình báo cấp phân đội, trình độ đại học/ *Nguyễn Thái Bảo chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 202tr.; 27cm.

355.00711

Gi-108T/LCV.0002532 - LCV.0002533;

M.0183770 - M.0183771; MP.0041748; VV.0020452 - VV.0020453

449. Giáo trình Hợp tác quốc tế trong quản lý cửa khẩu của bộ đội biên phòng: Dành cho đào tạo trình độ thạc sĩ quân sự Quân đội nhân dân Lào, Quân đội Hoàng gia Campuchia/ *Nguyễn Thành Trung*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 100tr.; 27cm.

355.3510711597

Gi-108T/LCV.0003109

450. Giáo trình Huấn luyện, giáo dục quân nhân: Dành cho đào

tạo chính ủy Trung đoàn, Sư đoàn/ *Chủ biên: Nguyễn Bá Hùng, Nguyễn Xuân Sinh.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 151tr.; 27cm.

355.5071 Gi-108T/LCV.0002411; M.0183784 - M.0183785; MP.0041755; VV.0020466 - VV.0020467

451. *Giáo trình kiểm tra chất lượng xăng dầu:* Dùng cho đào tạo sĩ quan hậu cần cấp phân đội trình độ đại học, chuyên ngành xăng dầu/ *Vũ Văn Thống chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 294tr.; 27cm.

355.80711 Gi-108T/LCV.0002843; MP.0041343; VV.0020094 - VV.0020095

452. *Giáo trình nguy trang, nghi trang trong phòng chống trình sát quang điện tử:* Dùng cho đào tạo nghiên cứu sinh chuyên ngành quang học/ *Nguyễn Thu Cầm chủ biên, Đỗ Xuân Danh....* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 140tr.; 27cm.

355.410711597 Gi-108T/LCV.0003195

453. *Giáo trình Phương pháp dạy học môn Chủ nghĩa xã hội khoa học:* Dùng cho đào tạo giảng viên chuyên ngành chủ nghĩa xã hội khoa học, trình độ đại học/ *Đỗ Văn Trường chủ biên.* - Tái bản lần 1. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 160tr.; 27cm.

355.00711597 Gi-108T/LCV.0003116 - LCV.0003117

454. *Giáo trình Quản lý giáo dục ở nhà trường quân đội:* Dùng cho đào tạo giảng viên Khoa học xã hội và nhân văn/ *Đồng chủ biên: Phan Văn Ty, Nguyễn Thanh Hà.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 172tr.; 27cm

355.00711597 Gi-108T/M.0183772 - M.0183773; MP.0041749; VV.0020454 - VV.0020455

455. *Giáo trình Quản lý giáo dục ở nhà trường quân đội:* Dùng cho đào tạo giảng viên khoa học xã hội và nhân văn/ *Chủ biên:*

Phan Văn Ty, Nguyễn Thanh Hà. - Tái bản lần 1. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 172tr.; 27cm.

355.00711597

Gi-108T/LCV.0003118 - LCV.0003119

456. *Giáo trình tài chính quân đội:* Dành cho đào tạo cán bộ chỉ huy tham mưu kỹ thuật cấp trung, sư đoàn/ *Hoàng Mạnh Thái chủ biên, Nguyễn Phương Hoa biên soạn. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 178tr.; 27cm.*

355.620711

Gi-108T/MP.0041523 - MP.0041524;

VV.0020266 - VV.0020267

457. *Hồ Chí Minh bàn về quân sự/ Hồ Chí Minh.* - In lần 1. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2023. - 236tr.; 21cm.

355.009597

H450C/M.0182723 - M.0182724;

MP.0041128; VN.0084447 - VN.0084448

458. *Kế thừa giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng lối sống của học viên Trường Sĩ quan Chính trị hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Triết học: 8229001/ *Đỗ Mạnh Hoài. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2020. - 99tr.; 30cm + + Phụ lục*

355.00711597

K250T/LV.00010604

459. *Kho KV1 - Biên niên sự kiện (1953 - 2023):* Kỷ niệm 75 năm Ngày thành lập Kho KV1 (15/3/1953 - 15/3/2023)/ *Vũ Văn Tường chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 440tr.; 21cm.*

355.7509597

Kh400K/LC.0016800 - LC.0016801;

MP.0041486 - MP.0041487; VN.0084638 - VN.0084639

460. *Kho K680 - Biên niên sự kiện lịch sử (1968 - 2023).* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 336tr.; 21cm.

355.7509597

Kh400K/LC.0016894

461. *Kho K897 Biên niên sự kiện (2003 - 2023):* Kỷ niệm 20 năm

Ngày truyền thống Kho K897 (24.4.2003 - 22.4.2023)/ *Nguyễn Xuân Nam chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 400tr.; 21cm.
355.7509597 Kh400K/LC.0016970

462. *Lịch sử Bệnh viện Quân y 109 (1953 - 2023).* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 456tr.; 21cm.
**355.7209597 L302S/MP.0041484 - MP.0041485;
VN.0084636 - VN.0084637**

463. *Lịch sử Bộ đội Biên phòng thành phố Hải Phòng (1959 - 2019)/ Đoàn Trường Sơn chủ biên.* - Tái bản lần 3 có chỉnh lý, bổ sung. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 571tr.; 22cm.
**355.35109597 L302S/LC.0017146 - LC.0017147;
MP.0034696 - MP.0034697; VN.0080757 - VN.0080758**

464. *Lịch sử Bộ đội Biên phòng tỉnh Long An (1975 - 2015)/ Lê Hữu Phước chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 249tr.; 22cm.
**355.35109597 L302S/LC.0017150 - LC.0017151;
MP.0034757 - MP.0034758; VN.0080819 - VN.0080820**

465. *Lịch sử Bộ đội Biên phòng tỉnh Trà Vinh (1961 - 2015)/ Phạm Văn Trê chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 304tr.; 22cm.
**355.35109597 L302S/LC.0017154 - LC.0017155;
MP.0034466 - MP.0034467; VN.0080575 - VN.0080576**

466. *Lịch sử Cục Hậu cần Quân khu 7: Giai đoạn 2001 - 2021/ Lê Hồng Diệp chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 352tr.; 24cm.
**355.809597 L302S/MP.0041478 - MP.0041479;
VV.0020216 - VV.0020217**

467. *Lịch sử Đoàn Kinh tế - Quốc phòng 4 (1973 - 2023)/ Biên soạn: Nguyễn Duy Trường, Chu Huy Lương....* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 356tr.; 21cm.

355.009597 L302S/LC.0016969; MP.0041326 -
MP.0041327; VN.0084483 - VN.0084484

468. *Lịch sử Học viện Biên phòng (1963 - 2023).* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 932tr.; 24cm.

355.00711597 L302S/LCV.0003181; MP.0041352 -
MP.0041353; VV.0020112 - VV.0020113

469. *Lịch sử Lực lượng vũ trang huyện Chợ Lách (1945 - 2020).* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 272tr.; 24cm.

355.009597 L302S/LCV.0003141 - LCV.0003142

470. *Lịch sử Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Thanh Oai (1975 - 2020).* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 416tr.; 22cm.

355.009597 L302S/MP.0041482 - MP.0041483;
VN.0084634 - VN.0084635

471. *Lịch sử Lực lượng vũ trang nhân dân thành phố Tam Kỳ (1975 - 2020)/ Trần Văn Giáp chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 380tr.; 21cm.

355.009597 L302S/LC.0016973 - LC.0016974;
MP.0041329 - MP.0041330; VN.0084487 - VN.0084488

472. *Lịch sử Quân đoàn 1 (1973 - 2023)/ Phạm Đức Hoàn chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 880tr.; 24cm.

355.009597 L302S/LCV.0003137 - LCV.0003138

473. *Lịch sử Sư đoàn 355 (1979 - 2019).* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 346tr.; 21cm.

355.3109597 L302S/.0080376 - .0080377;
LC.0017158; MP.0034083 - MP.0034084

474. *Lịch sử Trung đoàn 82 (1973 - 2023)/ Biên soạn: Vũ Thanh*

Tuấn, Vũ Thành Trung,.... - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 396tr.; 21cm.

**355.009597 L302S/MP.0041324 - MP.0041325;
VN.0084481 - VN.0084482**

475. *Lịch sử Trung đoàn 895 tỉnh Bến Tre (1981 - 2021).* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 128tr.; 21cm.

**355.009597 L302S/LC.0017041 - LC.0017042;
MP.0041301 - MP.0041302; VN.0084475 - VN.0084476**

476. *Lối sống xã hội chủ nghĩa của đoàn viên thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh ở Trường Quân sự Quân khu 7 hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Chủ nghĩa Xã hội Khoa học: 8229008/ Nguyễn Đăng Đỏ. - H.: Học viện Chính trị, 2020. - 113tr.; 30cm + Phụ lục

355.0071597 L452S/LV.00010495

477. *Lý luận, thực tiễn công tác tổ chức trong quân đội:* Dành cho đào tạo cán bộ quân sự cấp phân đội Campuchia/ Tạ Minh Hưng chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 140tr.; 21cm.

**355.309597 L600L/LC.0017135 - LC.0017136;
VN.0084872**

478. *Một số vấn đề về đường lối quân sự, chiến lược quốc phòng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa thời kỳ mới/ Nguyễn Phú Trọng.* - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 443tr.; 24cm.

**355.0330597 M458S/M.0182818 - M.0182819;
MP.0041173; VV.0019991 - VV.0019992**

479. *Năng lực giáo dục chính trị của học viên Trường Sĩ quan Chính trị hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Triết học: 8229001/ Nguyễn Thiện Đạt. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2020. - 115tr.; 30cm + + Phụ lục

355.00711597 N116L/LV.00010603

480. Năng lực sư phạm của giảng viên trẻ khoa học xã hội và nhân văn ở các trường sĩ quan quân đội hiện nay: Luận án tiến sĩ Triết học: 9229002/ *Nguyễn Hữu Tuấn*. - H.: Học viện Chính trị, 2022. - 208tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711597 N116L/LV.00010468

481. Năng lực thuyết phục của chính trị viên trong Quân đội nhân dân Việt Nam: Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Văn Kiên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 140tr.; 21cm.

**355.3309597 N116L/LC.0017061 - LC.0017062;
M.0182924 - M.0182925; MP.0041306; VN.0084507 -
VN.0084508**

482. Năng lực tư duy biện chứng duy vật của cán bộ chỉ huy cấp phân đội ở Trường Sĩ quan Lục quân 1 hiện nay: Luận văn thạc sĩ Triết học: 8229001/ *Nguyễn Tiến Chinh*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2020. - 96tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.00711597 N116L/LV.00010596

483. Nâng cao bản lĩnh chính trị của học viên Học viện Phòng không - Không quân hiện nay: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước: 8310202/ *Tạ Hữu Ký*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2020. - 102tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.00711597 N122C/LV.00010541

484. Nâng cao chất lượng công tác đoàn và phong trào thanh niên của chi đoàn đại đội bộ binh ở Sư đoàn 3, Quân khu 1 hiện nay: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước: 8310202/ *Nguyễn Hữu Tài*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2022. - 109tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.009597 N122C/LV.00010547

485. Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên ở các trung tâm giáo

dục quốc phòng và an ninh hiện nay: Sách chuyên khảo/ *Uông Thiện Hoàng*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 232tr.; 21cm.

355.0071597

N122C/LC.0017084

486. *Nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho hạ sĩ quan, binh sĩ ở Sư đoàn 308, Quân đoàn 1 hiện nay*: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước: 8310202/ *Lương Văn Điệp*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2021. - 108tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.007597

N122C/LV.00010512

487. *Nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật ở các đại đội thuộc Sư đoàn 395, Quân khu 3 hiện nay*: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước: 8310202/ *Nguyễn Bá Hào*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2021. - 105tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.007597

N122C/LV.00010507

488. *Nâng cao chất lượng hành quân dã ngoại làm công tác dân vận của Sư đoàn 3, Quân khu 1 hiện nay*: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước: 8310202/ *Trần Văn Tuyền*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2021. - 108tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.54409597

N122C/LV.00010545

489. *Nâng cao chất lượng quản lý tư tưởng học viên Trường Sĩ quan Chính trị hiện nay*: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước: 8310202/ *Nguyễn Mạnh Tú*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2020. - 100tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.00711597

N122C/LV.00010528

490. *Nâng cao kỹ năng thuyết trình của cán bộ chính trị cấp phân đội ở Sư đoàn 312, Quân đoàn 1*: Luận văn thạc sĩ Triết học: 8229001/ *Nguyễn Trọng Huân*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2019. - 92tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.009597

N122C/LV.00010591

491. *Nâng cao năng lực đấu tranh tư tưởng, lý luận của giảng viên khoa học xã hội và nhân văn ở các nhà trường quân đội hiện nay*: Sách chuyên khảo/ Vũ Thanh Tùng. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 200tr.; 21cm.

**355.00711597 N122C/LC.0016977; M.0182948 -
M.0182949; MP.0041334; VN.0084499 - VN.0084500**

492. *Nâng cao năng lực sư phạm cho đội ngũ giảng viên, giáo viên các trường trong Bộ đội Biên phòng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới*: Sách chuyên khảo/ Phạm Như Quỳnh chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 180tr.; 21cm.

**355.00711597 N122C/LC.0016809; M.0183245 -
M.0183246; MP.0041488; VN.0084640 - VN.0084641**

493. *Nâng cao năng lực tư duy biện chứng duy vật của học viên đào tạo ngành quân sự cơ sở ở Trường Quân sự Quân khu 3 hiện nay*: Luận văn thạc sĩ Triết học: 8229001/ Lê Gia Đồng. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2019. - 102tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.0071597 N122C/LV.00010532

494. *Nâng cao ý thức kỷ luật của hạ sĩ quan, binh sĩ thực hiện nghĩa vụ quân sự ở các trường sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay*: Luận văn thạc sĩ Chủ nghĩa xã hội khoa học: 60220308/ Đặng Trung Kiên. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2016. - 87tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.00711597 N122C/LV.00010548

495. *Nâng cao ý thức kỷ luật của học viên đào tạo tiểu đội trưởng, khẩu đội trưởng ở Trường Quân sự Quân khu 3 hiện nay*: Luận văn thạc sĩ Triết học: 8229001/ Mạc Hồng Căn. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2018. - 96tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.0071597 N122C/LV.00010588

496. Ứng dụng công nghệ sinh học sản xuất suất ăn dã ngoại phục vụ bộ đội huấn luyện diễn tập và chiến đấu: Sách chuyên khảo/ *Phạm Đức Dũng chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 152tr.; 21cm.

355.5209597 U556D/LC.0016827; M.0182952 - M.0182953, M.0183083; MP.0041336; VN.0084497 - VN.0084498

497. Ngăn ngừa "bệnh giáo điều" của chính trị viên trong quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay: Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Đình Trương.* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 144tr.; 21cm.

355.3309597 Ng115N/LC.0017063 - LC.0017064

498. Người chiến sỹ Quân y trên chiến trường. - H.: Dân trí, 2023. - 247tr.; 19cm.

355.009597 Ng558C/M.0182800 - M.0182801; MP.0041165

499. Nhân quan chính trị của học viên Trường Sĩ quan Chính trị hiện nay: Luận văn thạc sỹ Triết học: 8229001/ *Nguyễn Tiến Đạt.* - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2020. - 97tr.; 30cm + + Phụ lục

355.00711597 Nh105Q/LV.00010590

500. Nhân cách của học viên Trường Sĩ quan Chính trị hiện nay: Luận văn thạc sỹ Triết học: 8229001/ *Phạm Văn Hiếu.* - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2021. - 99tr.; 30cm + + Phụ lục

355.00711597 Nh121C/LV.00010593

501. Niên giám khoa học năm 2022: Những vấn đề quốc phòng, an ninh, đối ngoại. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 342tr.; 24cm.

355.0330959705 N305G/M.0182549 - M.0182550; MP.0041041; VV.0019935 - VV.0019936

502. *Phát huy dân chủ ở đơn vị cơ sở Học viện Lục quân hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Chủ nghĩa Xã hội Khoa học: 8229008/ *Bùi Đức Hùng*. - H.: Học viện Chính trị, 2020. - 123tr.; 30cm + + Phụ lục

355.00711597

Ph110H/LV.00010491

503. *Phát huy dân chủ ở Trường Sĩ quan Lục quân 1 hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh:* Luận văn thạc sĩ Hồ Chí Minh học: 8310204/ *Nguyễn Quang Thịnh*. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 127tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711597

Ph110H/LV.00010474

504. *Phát huy nhân tố chủ quan của cán bộ chính trị cấp phân đội trong xây dựng nếp sống văn hóa ở Sư đoàn 9, Quân đoàn 4 hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Triết học: 8229001/ *Nguyễn Bá Luyện*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2018. - 99tr.; 30cm + + Phụ lục

355.12309597

Ph110H/LV.00010599

505. *Phát huy truyền thống anh hùng, xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam tin, gọn, mạng, hiện đại trong thời kỳ mới/ Phan Văn Giang*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 816tr.; 27cm.

355.009597

Ph110H/LCV.0003232 - LCV.0003233

506. *Phát huy vai trò bộ đội địa phương Quân khu 2 trong đấu tranh phòng, chống lợi dụng vấn đề dân tộc của các thế lực thù địch trên địa bàn hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Chủ nghĩa xã hội khoa học: 60220308/ *Lê Việt Cường*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2019. - 106tr.; 30cm + + Phụ lục

355.3709597

Ph110H/LV.00010549

507. *Phát huy vai trò bộ đội địa phương tham gia công tác vận động đồng bào có đạo Tin lành trên địa bàn Tây Nguyên hiện*

nay: Sách chuyên khảo/ *Hoàng Ngọc Sơn*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 192tr.; 21cm.

355.3409597 Ph110H/LC.0016986 - LC.0016987;
M.0182950 - M.0182951; MP.0041335; VN.0084501 -
VN.0084502

508. *Phát triển chủ nghĩa yêu nước cho hạ sĩ quan, binh sĩ ở Bình chủng Pháo binh hiện nay*: Luận văn thạc sĩ Chủ nghĩa Xã hội Khoa học: 8229008/ *Nguyễn Đình Thắng*. - H.: Học viện Chính trị, 2020. - 120tr.; 30cm + Phụ lục

355.009597 Ph110T/LV.00010484

509. *Phát triển năng lực chỉ huy của học viên đào tạo sĩ quan chỉ huy tham mưu cấp phân đội ở Học viện Phòng không - Không quân hiện nay*: Luận văn thạc sĩ Triết học: 8229001/ *Cù Huy Hùng*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2018. - 103tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.00711597 Ph110T/LV.00010597

510. *Phát triển năng lực chỉ huy tham mưu của học viên đào tạo sĩ quan cấp phân đội ở Học viện Phòng không - Không quân hiện nay*: Luận văn thạc sĩ Triết học: 8229001/ *Nguyễn Đức Tiến*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2019. - 98tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.00711597 Ph110T/LV.00010602

511. *Phát triển năng lực làm chủ vũ khí, trang bị kỹ thuật của học viên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Hải quân hiện nay*: Luận văn thạc sĩ Triết học: 8229001/ *Trịnh Bá Chơí*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2019. - 95tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.00711597 Ph110T/LV.00010585

512. *Phát triển năng lực lãnh đạo của học viên đào tạo cán bộ chính trị cấp phân đội ở Trường Sĩ quan Chính trị hiện nay*: Luận văn thạc sĩ Triết học: 8229001/ *Nguyễn Đức Tuệ*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2018. - 108tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.00711597

Ph110T/LV.00010601

513. *Phát triển năng lực nghiên cứu khoa học của học viên đào tạo chính trị viên ở Trường Sĩ quan Chính trị hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Triết học: 60220301/ *Nguyễn Công Huân*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2016. - 100tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.00711597

Ph110T/LV.00010600

514. *Phát triển phẩm chất chính trị của học viên đào tạo cán bộ chính trị cấp phân đội người dân tộc thiểu số ở Trường Sĩ quan Chính trị hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Triết học: 8229001/ *Nguyễn Văn Minh*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2018. - 103tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.00711597

Ph110T/LV.00010587

515. *Phát triển phẩm chất trung, hiếu của sĩ quan chính trị cấp phân đội ở Sư đoàn 5, Quân khu 7 hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh:* Luận văn thạc sĩ Triết học: 8229001/ *Nguyễn Văn Châu*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2018. - 86tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.009597

Ph110T/LV.00010586

516. *Phát triển ý thức chính trị xã hội chủ nghĩa của chính trị viên đại đội ở Quân khu 2 hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Triết học: 8229001/ *Lê Đình Kim*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2019. - 104tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.009597

Ph110T/LV.00010594

517. *Phát triển ý thức kỷ luật của học viên đào tạo sĩ quan cấp phân đội ở Trường Sĩ quan Tăng Thiết giáp hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Triết học: 8229001/ *Đỗ Việt Hưng*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2019. - 110tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.00711597

Ph110T/LV.00010605

518. *Phát triển ý thức phòng, chống khắc phục hậu quả thiên tai*

của hạ sĩ quan, binh sĩ ở các sư đoàn chủ lực Quân đội nhân dân Việt Nam: Sách chuyên khảo/ *Chủ biên: Nguyễn Hữu Lập, Lại Quân Sùng*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 124tr.; 21cm.

355.009597 Ph110T/LC.0016829; M.0182926 - M.0182927; MP.0041307; VN.0084509 - VN.0084510

519. Phương pháp nghiên cứu lịch sử quân sự/ Lê Đình Sỹ chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2007. - 386tr.; 21cm

ĐTTS ghi: Bộ Quốc Phòng. Viện lịch sử quân sự Việt Nam

355.009597 Ph561P/LC 8941 - LC 8942; VN.0084901

520. Sổ tay thuật ngữ quân sự Pháp - Việt. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 260tr.; 19cm.

355.0014 S450T/LC.0017069

521. Tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ công tác cán bộ trong quân đội: Dành cho bồi dưỡng nghiệp vụ cán bộ quân sự Campuchia/ *Lê Đức Mạnh chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 148tr.; 21cm.

355.309597 T103L/MP.0041725 - MP.0041726; VN.0084867 - VN.0084868

522. Tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ công tác dân vận, tuyên truyền đặc biệt trong quân đội: Dành cho bồi dưỡng nghiệp vụ cán bộ quân sự Campuchia/ *Phạm Kim Sơn chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 164tr.; 21cm.

355.3409597 T103L/LC.0017137; MP.0041722; VN.0084861 - VN.0084862

523. Tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ công tác tuyên huấn trong quân đội: Dành cho bồi dưỡng nghiệp vụ cán bộ quân sự Campuchia/ *Nguyễn Văn Đức chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 188tr.; 21cm.

355.3409597 T103L/LC.0017145; MP.0041728;
VN.0084878 - VN.0084879

524. *Tài liệu các vật liệu bảo quản vũ khí, trang bị kỹ thuật vùng biển, đảo*: Dành cho huấn luyện chuyên môn nghiệp vụ/ Nguyễn Thị Hoài Phương chủ biên, Ninh Đức Hà. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 116tr.; 27cm.

355.809597 T103L/LCV.0003194

525. *Tài liệu học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh năm 2023*/ Nguyễn Văn Đức. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 104tr.; 19cm.

355.007 T103L/LC.0016822 - LC.0016823;
MP.0041314; VN.0084513 - VN.0084514

526. *Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng*/ Chu Văn Lộc chủ biên, Nguyễn Minh Thúc, Lê Minh Hưởng. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 252tr.; 21cm.

355.03309597 T116C/LC.0017085 - LC.0017086 -
LC.0017087

527. *Thiết kế, sử dụng bài tập nhận thức trong dạy học các môn khoa học xã hội và nhân văn ở trường sĩ quan quân đội theo tiếp cận năng lực*: Luận án tiến sĩ Giáo dục học: 9140102/ Lưu Hoàng Tùng. - H.: Học viện Chính trị, 2022. - 291tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711597 Th308K/LV.00010500

528. *Thời sôi động*/ Chu Huy Mân. - Tái bản có sửa chữa, bổ sung. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 484tr.; 24cm.

355.0092597 Th462S/LCV.0002882 - LCV.0002883;
M.0182970 - M.0182971; MP.0041355; VV.0020118 -
VV.0020119

529. *Tiểu đoàn 44 anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân*: Lịch sử

và ký ức (1964 - 1975). - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 184tr.; 21cm.

355.3109597 T309Đ/.0080422 - .0080423;
LC.0017156 - LC.0017157; MP.0034112 - MP.0034113

530. *Tổng kết 50 năm công tác vận động quần chúng bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia của bộ đội Biên phòng (1959 - 2009)*. - H.: Quân đội nhân dân, 2009. - 248tr.; 21cm.

355.35109597 T455K/LC 10242 - LC 10243;
VN.0084899 - VN.0084900

531. *Trung tướng Vũ Xuân Chiêm - Cuộc đời và sự nghiệp*: Hồi ký/ Ngô Nhật Dương. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 476tr.; 21cm.

355.0092597 Tr513T/LC.0016891 - LC.0016892

532. *Tự đánh giá năng lực của giảng viên ở các trường sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam*: Luận án tiến sĩ Tâm lý học: 9310401/ Đỗ Thị Minh Nguyệt. - H.: Học viện Chính trị, 2022. - 237tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711597 T550Đ/LV.00010504

533. *Tư tưởng Hồ Chí Minh về quân sự*: Dành cho đào tạo chỉ huy tham mưu kỹ thuật/ Đàm Thế Vinh chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 196tr.; 27cm.

355.009597 T550T/LCV.0002934, LCV.0003100 - LCV.0003101

534. *Vai trò bộ đội biên phòng tỉnh Thanh Hóa trong thực hiện công tác dân tộc trên địa bàn hiện nay*: Luận văn thạc sĩ Chủ nghĩa Xã hội Khoa học: 8229008/ Đinh Văn Thuận. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 115tr.; 30cm + Phụ lục

355.35109597 V103T/LV.00010476

535. *Vai trò bộ đội địa phương tỉnh Lâm Đồng trong phòng, chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc chống phá cách mạng Việt Nam hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Chủ nghĩa Xã hội Khoa học: 8229008/ *Đỗ Quang Đạt*. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 122tr.; 30cm + Phụ lục

355.009597

V103T/LV.00010479

536. *Vai trò của bộ đội địa phương các tỉnh Tây Bắc trong đấu tranh với thế lực thù địch lợi dụng tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam hiện nay:* Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Trung Tuyên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 252tr.; 21cm.

355.3409597

V103T/LC.0017074 - LC.0017075 -

LC.0017076

537. *Vai trò của đội ngũ cán bộ chính trị Quân đoàn 3 trong thực hiện công tác tôn giáo ở Tây Nguyên hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Chủ nghĩa Xã hội Khoa học: 8229008/ *Trần Văn Hà*. - H.: Học viện Chính trị, 2020. - 112tr.; 30cm + Phụ lục

355.009597

V103T/LV.00010496

538. *Vai trò của học viên Trường Sĩ quan Chính trị trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Triết học: 8229001/ *Nguyễn Văn Chín*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2022. - 108tr.; 30cm + + Phụ lục

355.00711597

V103T/LV.00010589

539. *Văn hóa quân sự của học viên Học viện Hải quân hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Triết học: 8229001/ *Trịnh Văn Hiếu*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2021. - 105tr.; 30cm + + Phụ lục

355.00711597

V115H/LV.00010592

540. *Văn hóa Quân sự Việt Nam - Giá trị lý luận và thực tiễn/*

Kiều Bách Tuấn chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 623tr.; 21cm.

**355.009597 V115H/.0079909; LC.0017148 -
LC.0017149; M.173962 - M.173963 - M.173964; VN.0080829 -
VN.0080830**

541. Vận dụng phương pháp dạy học nhóm trong hình thức bài giảng các môn khoa học xã hội và nhân văn ở Trường Sĩ quan Thông tin: Luận văn thạc sĩ Giáo dục học: 8140101/ *Nguyễn Duy Huấn.* - H.: Học viện Chính trị, 2020. - 114tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711597 V121D/LV.00010494

542. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đào tạo cán bộ ở Trường Sĩ quan Chính trị hiện nay: Luận văn thạc sĩ Hồ Chí Minh học: 8310204/ *Phạm Đức Dũng.* - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 128tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711597 V121D/LV.00010471

543. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong đào tạo sĩ quan chỉ huy thông tin ở Trường Sĩ quan Thông tin hiện nay: Luận văn thạc sĩ Hồ Chí Minh học: 8310204/ *Hồ Huy Hoàng.* - H.: Học viện Chính trị, 2021. - tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711597 V121D/LV.00010472

544. Xây dựng bản lĩnh chính trị của học viên ở Trường Sĩ quan Chính trị hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh: Luận văn thạc sĩ Hồ Chí Minh học: 8310204/ *Nguyễn Đức Chính.* - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 112tr.; 30cm + + Phụ lục

355.00711597 X126D/LV.00010490

545. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ tỉnh Nghệ An hiện nay vững mạnh về mặt chính trị theo tư tưởng Hồ Chí Minh: Luận văn

thạc sĩ Hồ Chí Minh học: 8310204/ *Nguyễn Danh Nhân*. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 124tr.; 30cm + Phụ lục

355.3709597

X126D/LV.00010488

546. *Xây dựng môi trường văn hóa ở Trường Sĩ quan Kỹ thuật Quân sự hiện nay*: Luận văn thạc sĩ Chủ nghĩa Xã hội Khoa học: 8229008/ *Nguyễn Minh Tuấn*. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 108tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711597

X126D/LV.00010482

547. *Xây dựng phẩm chất nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ quản lý học viên đào tạo sĩ quan cấp phân đội ở các học viện, trường sĩ quan quân đội hiện nay*: Sách chuyên khảo/ *Chủ biên: Trần Văn Hoan, Bùi Quang Kha*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 172tr.; 21cm.

355.00711597

X126D/LC.0016828; M.0182928 -

M.0182929; MP.0041308; VN.0084511 - VN.0084512

548. *Xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị*: Dành cho đào tạo cán bộ quân sự cấp phân đội Campuchia/ *Biên soạn: Nguyễn Văn Dưỡng, Vũ Văn Thường*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 76tr.; 21cm.

355.009597

X126D/LC.0017134; MP.0041727;

VN.0084876 - VN.0084877

549. *Ý thức bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa của học viên Trường Quân sự Quân khu 5 hiện nay*: Luận văn thạc sĩ Triết học: 8229001/ *Cao Xuân Nguyên*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2022. - 97tr.; 30cm + + Phụ lục

355.0071597

Y600T/LV.00010595

550. *Ý thức bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trên không gian mạng của dân quân tự vệ ở Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội hiện*

nay: Luận văn thạc sĩ Chủ nghĩa Xã hội Khoa học: 8229008/ Triệu Đắc Đạt. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 103tr.; 30cm + Phụ lục
355.3709597 Y600T/LV.00010477

551. Ý thức quốc phòng và an ninh của sinh viên Trường Quân sự Quân khu 7 hiện nay: Luận văn thạc sĩ Triết học: 8229001/ Nguyễn Văn Mạnh. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2020. - 95tr.; 30cm + + Phụ lục
355.0071597 Y600T/LV.00010584

552. Ý thức thực hiện nghĩa vụ quân sự của thanh niên trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay: Luận văn thạc sĩ Triết học: 8229001/ Nguyễn Tuấn Linh. - H.: Học viện Chính trị, 2020. - 120tr.; 30cm + + Phụ lục
355.22509597 Y600T/LV.00010606

553. 30 năm kết hợp quân dân y trên biển, đảo/ Đồng chủ biên: Trần Doãn Tiến, Trần Quốc Việt, Nguyễn Hồng Sơn. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 392tr.; 24cm.
355.8809597 B100M/LCV.0003188 - LCV.0003189

554. 60 năm xây dựng và trưởng thành ngành Tài chính Học viện Quân y/ Biên soạn: Lê Phúc Triệu, Nguyễn Văn Phương, Lê Văn Phẩm.... - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 124tr.; 17cm.
355.00711097 S111M/LC.0017161

358 – Lực lượng không quân và chuyên biệt khác và cuộc chiến; quân chủng kỹ thuật và có liên quan

555. Biên niên sự kiện Vận tải quân sự (2001 - 2018). - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 518tr.; 21cm.
358.2509597 B305N/LC.0017152 - LC.0017153; MP.0034472 - MP.0034473; VN.0080583 - VN.0080584

556. Đơn vị, cá nhân Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân và Anh hùng Lao động Quân chủng Phòng không - Không quân. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 796tr.; 27cm.

358.4009597

Đ464V/LCV.0003204

557. Giáo trình Khí tài quang và quang điện tử dùng cho pháo binh: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự chuyên ngành khí tài quang học/ Lê Duy Tuấn chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 270tr.; 27cm.

358.120711597

Gi-108T/LCV.0002880, LCV.0003092

- LCV.0003093

558. Lịch sử Lữ đoàn Pháo binh 6, Quân khu 9 (1963 - 2023). - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 252tr.; 24cm.

358.1209597

L302S/LCV.0003205

559. Lịch sử Trung đoàn tên lửa 64 (2013 - 2023)/ Biên soạn: Nguyễn Trọng Quý, Trần Ngọc Chinh.... - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 256tr.; 21cm.

358.109597

L302S/LC.0017045; MP.0041297 -

MP.0041298; VN.0084471 - VN.0084472

560. Phát huy vai trò nhân tố tinh thần của phi công quân sự hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh: Luận văn thạc sĩ Hồ Chí Minh học: 8310204/ Hoàng Anh Tuấn. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 120tr.; 30cm + Phụ lục

358.409597

Ph110H/LV.00010473

561. Phát triển năng lực làm chủ vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự của sĩ quan chỉ huy cấp phân đội ở Binh chủng Pháo Binh Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay: Luận án tiến sĩ Triết học: 9229002/ Nguyễn Văn Hải. - H.: Học viện Chính trị, 2022. - 215tr.; 30cm + Phụ lục

358.1209597

Ph110T/LV.00010470

562. *Phát triển ý thức bảo vệ tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa của sĩ quan trẻ ở Bình chủng Hóa học hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Chủ nghĩa Xã hội Khoa học: 8229008/ *Trương Văn Dũng*. - H.: Học viện Chính trị, 2020. - 109tr.; 30cm + Phụ lục

358.309597

Ph110T/LV.00010497

563. *Phát triển ý thức chính trị xã hội chủ nghĩa của quân nhân chuyên nghiệp ở Lữ đoàn Tăng Thiết giáp 22, Quân đoàn 4 hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Triết học: 8229001/ *Phạm Văn Tuấn*. - H.: Trường Sĩ quan Chính trị, 2018. - 107tr.; 30cm + + Phụ lục

358.1809597

Ph110T/LV.00010533

564. *Thiết kế hệ thống pháo xe kéo hệ II:* Dừng cho đào tạo kỹ sư quân sự chuyên ngành vũ khí/ *Nguyễn Văn Dũng chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 402tr.; 27cm.

358.1

Th308K/MP.0041510 - MP.0041511;

VV.0020252 - VV.0020253

565. *Tổng kết công tác điều tra, thu gom, xử lý chất độc hóa học tồn lưu sau chiến tranh của Bộ đội Hóa học (1975 - 2022):* *Trần Công Thương biên soạn*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 260tr.; 24cm.

358.09597

T455K/LCV.0002913 - LCV.0002914;

MP.0041316 - MP.0041317; VV.0020088 - VV.0020089

363 – Vấn đề và dịch vụ xã hội khác

566. *Lê Hồng Anh - Sống trong nghĩa tình:* *Diệu Ân*. - H.: Chính trị quốc gia Sự thật, 2020. - 188tr.; 19cm.

363.2092

L250H/VN.0084863 - VN.0084864

567. *Pháp luật về xử lý rác thải sinh hoạt tại đô thị ở Việt Nam/*
Doãn Hồng Nhung chủ biên. - H.: Tư pháp, 2021. - 235tr.; 21cm.

363.728 Ph109L/M.0183514 - M.0183515;
MP.0041613; VN.0084780 - VN.0084781

568. *Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý cấp khoa ở các trường đại học Công an nhân dân trong bối cảnh đổi mới giáo dục:* Luận án tiến sĩ Quản lý giáo dục: 9140114/ *Nguyễn Thị Hồng Hạnh. - H.: Học viện Chính trị, 2022. - 198tr.; 30cm + Phụ lục*

363.20711597 Ph110T/LV.00010501

569. *Quản lý hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập các môn quân sự của học viên ở Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân 1:* Luận văn thạc sĩ Quản lý giáo dục: 8140114/ *Vũ Hải Hà. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 119tr.; 30cm + + Phụ lục*

363.20711597 Qu105L/LV.00010492

570. *Xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh:* Sách chuyên khảo/ *Tô Lâm chủ biên. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 386tr.; 24cm.*

363.209597 X126D/M.0183306 - M.0183307;
VV.0020288 - VV.0020289

571. *125 câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh về Công an nhân dân/ Tô Lâm.* - Xuất bản lần 4. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 51tr.; 15cm.

363.209597 M458T/MP.0041070

370 – Giáo dục

572. *Aristotle và lý tưởng giáo dục Hy Lạp cổ đại/ Thomas Davidson; Nguyễn Hữu Đăng Khoa dịch.* - H.: Dân trí, 2023. - 323tr.; 21cm.

370.1 A109V/M.0182992 - M.0182993;
MP.0041366; VN.0084491 - VN.0084492

573. *Education - Kinh doanh giáo dục tại thị trường Việt Nam.* - H.: Dân trí, 2023. - 141tr.; 25cm.

370.9597 E201K/M.0183008 - M.0183009;
MP.0041374

574. *Lý thuyết sư phạm phê phán/ Paulo Freire; Lê Hồng Vân dịch.* - H.: Tri thức, 2022. - 243tr.; 22cm.

370.1 L600T/M.0182972 - M.0182973;
MP.0041356

575. *Người thông minh học tập như thế nào/ Ronald Gross; Ng.dịch: Vũ Thạch, Mai Linh.* - Tái bản lần thứ 5. - H.: Lao động, 2023. - 416tr.; 21cm.

370.1523 Ng558T/M.0182910 - M.0182911;
MP.0041212

576. *Sư phạm khai phóng - Thế giới, Việt Nam và tôi/ Giản Tư Trung.* - Tái bản lần thứ 1. - H.: Thế giới, 2023. - 497tr.; 22cm.

370 S550P/M.0183665 - M.0183666; VN.0084817 - VN.0084818

577. *Thay vì giáo dục: Cách giúp mọi người làm việc tốt hơn/ John Holt; Kim Hoa dịch.* - H.: Dân trí, 2023. - 418tr.; 19cm.

370.1 Th112V/M.0182994 - M.0182995;
MP.0041367

578. *Truyền thống khuyến học ở Nghệ An qua tư liệu Hán Nôm:* Chuyên khảo/ *Lê Thị Thu Hương*. - H.: Khoa học xã hội, 2022. - 414tr.; 24cm.

**370.9597 Tr527T/M.0183653 - M.0183654;
VV.0020373 - VV.0020374**

372 – Giáo dục tiểu học

579. *Cách trí giáo khoa thư/ Biên soạn: Trần Ngọc Kim, Nguyễn Văn Ngọc....* - In lần 1. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2023. - 209tr.; 20cm.

**372.3 C102T/M.0182707 - M.0182708;
MP.0041120; VN.0084443 - VN.0084444**

580. *Học mọi lúc:* Sách kinh điển về sự phát triển ở trẻ em/ *John Holt; Ng.dịch: Lan Anh, Kim Hoa, Phương Thảo*. - H.: Dân trí, 2023. - 235tr.; 19cm.

372 H419M/M.0182996 - M.0182997; MP.0041368

581. *Sử ký giáo khoa thư/ Biên soạn: Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Ngọc....* - In lần 1. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2022. - 152tr.; 20cm.

**372.89 S550K/M.0182705 - M.0182706;
MP.0041119; VN.0084441 - VN.0084442**

582. *Thực ra mọi đứa trẻ đều thích nghe đọc sách/ Jim Trelease, Cyndi Giorgis; Ng.dịch: Lê Hương, Phương Nhi*. - H.: Thế giới, 2023. - 457tr.; 24cm.

**372.452 Th552R/M.0183651 - M.0183652;
MP.0041674**

380 – Thương mại, truyền thông, vận tải

583. Ảnh hưởng của thương mại tự do đến nhân quyền: Sách chuyên khảo/ *Chủ biên: Lê Thị Hoài Thu, Vũ Công Giao.* - H.: Hồng Đức, 2016. - 284tr.; 24cm.

382 A107H/VV.0020167

381 – Thương mại

584. Amazon - Cuộc chinh phạt của Jeff Bezos/ Brad Stone; Linh Duyên dịch. - H.: Thế giới, 2023. - 531tr.; 24cm.

**381.142 A104C/M.0183722 - M.0183723;
MP.0041704; VV.0020412 - VV.0020413**

585. Cách quản trị của Amazon: Từ góc nhìn người trong cuộc/ *Colin Bryar, Bill Carr; Lê Hồng Vân dịch.* - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Hồ Chí Minh, 2022. - 350tr.; 23cm.. - (Tủ sách doanh tri)

**381.142 C102Q/M.0183044 - M.0183045;
MP.0041388**

586. Những năng động kinh tế - xã hội ở vùng biên giới Việt - Trung từ 1990 đến nay: Sách chuyên khảo/ *Tạ Thị Tâm.* - H.: Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022. - 298tr.; 21cm.

**381.109597 Nh556N/VN.0084433 - VN.0084434,
VN.0084854**

390 – Phong tục, nghi thức, văn hóa, dân gian

587. Câu đối toàn thư: Luận văn thi tập - Lời hay ý đẹp/ *Phạm Bá Nhơn.* - H.: Hội nhà văn, 2022. - 396tr.; 23cm.

398.209597 C125Đ/M.0183086

588. *Hà Thành hương xưa vị cũ/ Vũ Thị Tuyết Nhung.* - H.: Hà Nội, 2023; 24cm.

T.1 : Ký ức từ căn bếp phố cổ. - 327tr.

394.1209597 H100T/M.0183639 - M.0183640;

MP.0041669; VV.0020365 - VV.0020366

T.2 : Món ngon từ làng ra phố. - 334tr.

394.1209597 H100T/M.0183641 - M.0183642;

MP.0041670; VV.0020367 - VV.0020368

589. *Hương ước, lệ làng - Quá khứ, hiện tại, tương lai/ Lê Đức Tiết.* - H.: Tư pháp, 2020. - 479tr.; 21cm.

390.09597 H561U/M.0183502 - M.0183503;

VN.0084768 - VN.0084769

590. *Người Việt nói tiếng việt:* Suru tập, khảo cứu về thành ngữ, tục ngữ tiếng việt trước nay bị các từ điển bỏ sót, hoặc trao đổi lại phần giải nghĩa/ *Nguyễn Quang Thọ.* - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Hồ Chí Minh, 2023. - 384tr.; 24cm.

398.95922 Ng558V/M.0183022 - M.0183023;

MP.0041380

591. *Tín ngưỡng dân gian trong đời sống tinh thần của người dân vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay/ Hoàng Thị Lan chủ biên.* - H.: Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022. - 299tr.; 21cm.

398.4109597 T311N/M.0181511; VN.0083819,

VN.0084857

592. *Tìm hiểu phong tục cổ truyền - 259 điều nên biết về phong tục Việt Nam.* - H.: Hồng Đức, 2023. - 402tr.; 27cm.

390.09597 T310H/M.0183694 - M.0183695;

MP.0041691; VV.0020386 - VV.0020387

593. *Truyện thơ Thái ở Việt Nam - Đặc điểm thi pháp của thể loại/ Lê Thị Hiền.* - H.: Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022. - 298tr.; 21cm.

**398.209597 Tr527T/M.0182822 - M.0182823;
MP.0041175**

594. *Truyện truyền kỳ Việt Nam.* - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 336tr.; 21cm.

**398.209597 Tr527T/M.0182589 - M.0182590;
MP.0041060**

400 – NGÔN NGỮ

595. *Các thể chế ngôn từ:* Lịch sử thể giới từ góc nhìn ngôn ngữ/ *Nicholas Ostler; Ng.dịch: Phạm Văn Lam, Nguyễn Thị Thanh Hương, Nguyễn Bích Diệp.* - H.: Thế giới, 2023. - 832tr.; 24cm.

**417.7 C101Đ/M.0182898 - M.0182899;
VV.0020007 - VV.0020008**

596. *Giáo trình tiếng Nga chuyên ngành tên lửa:* Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự chuyên ngành tên lửa phòng không, tên lửa hải quân/ *Phạm Xuân Phang chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 218tr.; 28cm.

491.78 Ch527N/LCV.0003090 - LCV.0003091

597. *Giáo trình tiếng Nga chuyên ngành vũ khí:* Dùng cho đào tạo kỹ sư chuyên ngành vũ khí/ *Lại Thanh Tuấn chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 254tr.; 27cm.

**491.78 Gi-108T/MP.0041473 - MP.0041474;
VV.0020208 - VV.0020209**

598. *Tài liệu tiếng việt trình độ C:* Dùng cho học viên quân sự Lào,

chuyên ngành báo chí, bậc đại học/ *Nguyễn Thị Thúy Hà chủ biên; Mai Thị Yến biên soạn.* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 136tr.; 27cm.

**495.922 T103L/LCV.0003164 - LCV.0003165;
MP.0041286 - MP.0041287; VV.0020082 - VV.0020083**

599. *Từ điển thông dụng Nhật - Việt - Anh.* - In lần 1. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2022. - 928tr.; 18cm.

Giới thiệu 13000 mục từ tiếng Nhật thông dụng trong các lĩnh vực khác nhau được trình bày bằng 3 thứ tiếng Nhật - Việt - Anh.

**495.6395922 T550Đ/M.0182735; VN.0084453 -
VN.0084454**

500 – KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ TOÁN HỌC

600. *Giáo trình Giải tích:* Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự Lào, Campuchia/ *Nguyễn Hồng Nam chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 132tr.; 27cm.

515.0711 Gi-108T/LCV.0003104 - LCV.0003105

601. *Giáo trình Quy hoạch và thực nghiệm trong lĩnh vực vũ khí:* Dùng cho đào tạo sau đại học chuyên ngành vũ khí/ *Nguyễn Thái Dũng chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 256tr.; 27cm.

**519.30711 Gi-108T/LCV.0002858; MP.0041266 -
MP.0041267; VV.0020062 - VV.0020063**

602. *Mô hình hồi quy và khám phá khoa học*/ *Nguyễn Văn Tuấn.* - Tái bản lần 1, có sửa chữa. - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2022. - 324tr.; 25cm.

**519.536 M450H/M.0182736 - M.0182737;
MP.0041132; VV.0019963 - VV.0019964**

603. *Thế giới kỳ thú: Bí ẩn trong thế giới tự nhiên.* - H.: Thanh niên, 2023. - 215tr.; 21cm.

508 Th250G/M.0182790 - M.0182791; MP.0041160

530 – Vật lý học

604. *Giáo trình cơ sở đo lường học:* Dùng cho đào tạo kỹ sư chuyên ngành điện, điện tử/ *Nguyễn Hùng An chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 218tr.; 27cm.

**530.80711 Gi-108T/M.0183294 - M.0183295;
MP.0041528; VV.0020272 - VV.0020273**

605. *Giáo trình Thực tập Vật lý đại cương:* Dùng cho đào tạo trình độ đại học/ *Nguyễn Bá Hưng chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 172tr.; 27cm.

**530.0711 Gi-108T/LCV.0002944 - LCV.0002945;
M.0183241 - M.0183242; MP.0041476; VV.0020212 -
VV.0020213**

606. *Giáo trình vật lý đại cương 1 và thí nghiệm:* Dùng cho đào tạo sĩ quan hậu cần cấp phân đội trình độ đại học, chuyên ngành doanh trại/ *Phạm Văn Tăng.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 244tr.; 27cm.

**530.0711 Gi-108T/LCV.0002842; MP.0041344;
VV.0020096 - VV.0020097**

607. *Hawking Hawking - Câu chuyện về một huyền thoại khoa học/ Charles Seife; Dương Quốc Văn dịch.* - H.: Dân trí, 2023. - 604tr.; 24cm.

**530.092 H111H/M.0183016 - M.0183017;
MP.0041377**

608. *Hệ thống điều khiển, giám sát hệ động lực.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 72tr.; 27cm.

531.11 H250T/LCV.0002518; MP.0041740 -
MP.0041741; VV.0020442 - VV.0020443

609. Phương pháp giải bài tập vật lý đại cương I: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự/ *Nguyễn Xuân Thấu chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 334tr.; 27cm.

530.0711 Ph561P/LCV.0002847 - LCV.0002848;
MP.0041220 - MP.0041221; VV.0020015 - VV.0020016

610. Phương pháp giải bài tập vật lý đại cương II: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự/ *Nguyễn Tiến Anh chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 274tr.; 27cm.

530.0711 Ph561P/LCV.0002851 - LCV.0002852;
MP.0041222 - MP.0041223; VV.0020017 - VV.0020018

611. Phương pháp xoáy rời rạc trong tính toán khí động lực học dòng dưới âm: Dùng cho đào tạo sau đại học ngành cơ kỹ thuật/ *Phạm Thành Đồng chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 364tr.; 27cm.

533.62 Ph561P/LCV.0003086 - LCV.0003087

612. Trật tự thời gian: Từ nguồn gốc vũ trụ, số phận các hố đen đến bản chất của ý thức/ *Carlo Rovelli; Nguyễn Hải Châu dịch.* - H.: Thế giới, 2023. - 230tr.; 21cm.

530.11 Tr124T/M.0183579 - M.0183580;
MP.0041641

613. Ứng dụng sơ đồ hiệu trong phương pháp số để mô phỏng các bài toán khí động lực học đa chiều: Dùng cho đào tạo sau đại học chuyên ngành cơ kỹ thuật/ *Đình Hoàng Quân chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 300tr.; 27cm.

533.62 U556D/LCV.0003098 - LCV.0003099

614. Vật lý nổ va đập: Dùng cho đào tạo thạc sĩ chuyên ngành cơ kỹ

thuật, đạn/ *Trần Đình Thành chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 320tr.; 27cm.

**530.0711 V124L/LCV.0002849; MP.0041216 -
MP.0041217; VV.0020011 - VV.0020012**

**615. 7 bài học hay nhất về vật lý/ Carlo Rovelli; Nguyễn Nguyên
Hy dịch.** - Tái bản. - H.: Công thương, 2023. - 142tr.; 21cm.

530 B112B/M.0183583 - M.0183584; MP.0041643

600 – CÔNG NGHỆ

616. Khoa học và công nghệ thế giới: Hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia, xu hướng và chiến lược phát triển trí tuệ nhân tạo/ *Trần Đắc Hiến chủ biên*. - H.: Khoa học và kỹ thuật, 2021. - 211tr.; 24cm.

600 Kh401H/VV.0020426

617. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo Việt Nam 2019/ Trần Đắc Hiến. - H.: Khoa học và kỹ thuật, 2020. - 165tr.; 24cm.

609.597 Kh401H/VV.0020427

610 – Y học và y tế

618. Giáo trình xử lý số liệu thống kê y học bằng SPSS: (Dùng cho đào tạo trình độ đại học và sau đại học)/ *Đào Thanh Tùng chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 217tr.; 27cm.

**610.285 Gi-108T/LCV.0002776 - LCV.0002777;
M.0183237 - M.0183238; MP.0041468; VV.0020202 -
VV.0020203**

619. Quy trình điều dưỡng cơ bản/ Chủ biên: Trần Tấn Cường, Bùi Quang Thịnh. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 158tr.; 27cm.

**610.733 Qu600T/LCV.0002864; MP.0041347;
VV.0020102 - VV.0020103**

620. Quy trình điều dưỡng ngoại/ Vũ Nhất Định chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 160tr.; 27cm.

**610.73 Qu600T/LCV.0002863; MP.0041348;
VV.0020104 - VV.0020105**

621. Quy trình điều dưỡng nội/ Chủ biên: Lương Công Thức, Bùi Quang Thịnh. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 198tr.; 27cm.

**610.73 Qu600T/LCV.0002862; MP.0041349;
VV.0020106 - VV.0020107**

622. Y học - Khái lược những tư tưởng lớn/ Ng.dịch: Kim Oanh, Hương Ly. - H.: Dân trí, 2023. - 336tr.; 24cm.

**610.9 Y600H/M.0183374 - M.0183375;
VV.0020302 - VV.0020303**

612 – Sinh lý học người

623. Cơ thể phi tuổi tác, tâm trí phi thời gian/ Deepak Chopra; Kiều Anh Tú dịch. - H.: Thế giới, 2023. - 508tr.; 24cm.

**612.68 C460T/M.0183040 - M.0183041;
MP.0041387**

624. Giáo trình thực tập lý sinh: Dành cho đào tạo trình độ đại học/ Nguyễn Bá Hưng chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 138tr.; 27cm.

**612.0140711 Gi-108T/LCV.0002946 -
LCV.0002947; M.0183243 - M.0183244; MP.0041477;
VV.0020214 - VV.0020215**

625. *Não bộ kể gì về bạn?*/ David Eagleman; Trần Tuấn Hiệp dịch.
- Tái bản. - H.: Dân trí, 2023. - 289tr.; 21cm.

**612.82 N108B/M.0183581 - M.0183582;
MP.0041642**

613 – Sức khỏe và an toàn cá nhân

626. *Bách khoa thư về giải tỏa mệt mỏi ở phụ nữ*/ Koike Hiroto;
Gako Chan dịch. - H.: Thế giới, 2023. - 316tr.; 23cm.

**613.04244 B102K/M.0183048 - M.0183049;
MP.0041390**

627. *Chế độ ăn trường thọ*: Tối ưu cân nặng, đẩy lùi bệnh tật, kéo dài tuổi thọ/ Valter Longo; Nguyễn Khánh Chi dịch. - H.: Dân trí, 2023. - 300tr.; 23cm.

**613.264 Ch250Đ/M.0182888 - M.0182889;
MP.0041203**

628. *Có nên khám sức khỏe định kỳ?*/ Kondo Makoto, Wada Hideki; Nguyễn Thị Thùy Anh dịch. - H.: Thế giới, 2023. - 244tr.; 19cm.

613 C400N/M.0183004 - M.0183005; MP.0041372

629. *Những nguy hiểm từ thiên nhiên*/ Phạm Văn Nhân. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2022. - 199tr.; 21cm.

613.6 Nh556N/M.0182731 - M.0182732

616 – Bệnh

630. *Bác sĩ Đỗ Hoài Nam - Những mốc son trong cuộc đời người*

thầy thuốc anh hùng. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 272tr.; 21cm.

616.98023092

B101S/LC.0016895 - LC.0016896

631. *Có một cơn đau mang tên trầm cảm/ Nguyễn Thị Phương Hoa.* - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 232tr.; 19cm.

616.8527

C400M/M.0183310 - M.0183311;

MP.0041537

632. *Dinh dưỡng trong phòng chống ung thư/ Đái Duy Ban.* - Tái bản. - H.: Thế giới, 2023. - 223tr.; 23cm.

616.9940654

D312D/M.0182884 - M.0182885;

MP.0041201

633. *Giáo trình Bệnh học truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới: Dành cho đào tạo trình độ đại học/ Trần Viết Tiến chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 472tr.; 27cm.

616.90711

Gi-108T/LCV.0002942 - LCV.0002943;

M.0183762 - M.0183763; MP.0041732; VV.0020430 -

VV.0020431

634. *Lý do để sống tiếp/ Matt Haig; Thiên Nga dịch.* - H.: Văn học, 2023. - 245tr.; 21cm.

616.8627

L600D/M.0183832 - M.0183833;

MP.0041781

635. *24 nhân cách của Billy Milligan:* Những góc khuất đằng sau cuộc đời tên tội phạm đa nhân cách được xử trắng án vì lý do tâm thần/ *Daniel Keyes; Hoài Anh dịch.* - H.: Dân trí, 2023. - 579tr.; 24cm.

616.8523609

H103M/M.0183014 - M.0183015;

MP.0041376

617 – Phẫu thuật, y học vùng, nha khoa, nhãn khoa, khoa tai, thính học

636. Giáo trình Bệnh học tai mũi họng: (Dùng cho đào tạo trình độ đại học)/ *Nghiêm Đức Thuận chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 261tr.; 27cm.

**617.00711 Gi-108T/LCV.0002774 - LCV.0002775;
M.0183235 - M.0183236; MP.0041467; VV.0020200 -
VV.0020201**

637. Giáo trình ung thư học đại cương và chăm sóc giảm nhẹ: Dùng cho đào tạo trình độ đại học/ *Nghiêm Thị Minh Châu chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 168tr.; 27cm.

**617.30711 Gi-108T/LCV.0002948 - LCV.0002949;
M.0183239 - M.0183240; MP.0041475; VV.0020210 -
VV.0020211**

638. Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị chấn thương sọ não/ *Nguyễn Thành Bắc.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 60tr.; 27cm.

**617.514 H561D/LCV.0002938; MP.0041346;
VV.0020100 - VV.0020101**

639. Sơ cứu ban đầu và tử thuốc gia đình. - H.: Dân trí, 2023. - 135tr.; 21cm.

617.1026 S460C/M.0182796 - M.0182797; MP.0041163

620 – Kỹ thuật và hoạt động liên thuộc

640. Giáo trình các phương pháp kiểm tra không phá hủy: Dùng cho đào tạo kỹ sư chuyên ngành công nghệ chế tạo máy, gia công áp lực/ *Đoàn Tất Khoa.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 246tr.; 27cm.

620.1127 Gi-108T/LCV.0002929; VV.0020021

621 – Vật lý học ứng dụng

641. Điện chiếu sáng và ắc quy. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 48tr.; 27cm.

621.3 Đ305C/LCV.0002520; MP.0041735;
VV.0020436 - VV.0020437

642. Động cơ điện. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 52tr.; 27cm.

621.46 Đ455C/LCV.0002521; MP.0041736 -
MP.0041737; VV.0020438 - VV.0020439

643. Giải pháp thiết kế ăng-ten xoắn kích thước nhỏ và ứng dụng: Dùng cho đào tạo sau đại học các chuyên ngành kỹ thuật điện tử, kỹ thuật viễn thông/ Nguyễn Quốc Định. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 222tr.; 27cm.

621.38835 Gi-103P/LCV.0002931; MP.0041264 -
MP.0041265; VV.0020060 - VV.0020061

644. Giáo trình cảm biến công nghiệp: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự chuyên ngành cơ điện tử/ Hoàng Quang Chính chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 228tr.; 27cm.

621.30711 Gi-108T/LCV.0002859, LCV.0002915;
MP.0041274 - MP.0041275; VV.0020070 - VV.0020071

645. Giáo trình điều khiển số máy công cụ: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự chuyên ngành cơ điện tử/ Phạm Đình Tùng chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 258tr.; 27cm.

621.9020711 Gi-108T/LCV.0002854; MP.0041236 -
MP.0041237; VV.0020032 - VV.0020033

646. Giáo trình lý thuyết và xử lý tín hiệu ra đa: Dùng cho đào tạo

kỹ sư dài hạn, thạc sĩ chuyên ngành ra đa và dẫn đường/ *Nguyễn Mạnh Cường chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 290tr.; 27cm.

**621.3840711 Gi-108T/MP.0041519 - MP.0041520;
VV.0020262 - VV.0020263**

647. *Giáo trình mạng thông tin số liệu*: Dùng cho đào tạo thạc sĩ ngành kỹ thuật điện tử và kỹ thuật viễn thông/ *Mai Quốc Khánh chủ biên; Biên soạn: Nguyễn Hùng An, Nguyễn Tiến Phát*. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 340tr.; 27cm.

**621.3820711 Gi-108T/LCV.0002812; MP.0041278 -
MP.0041279; VV.0020074 - VV.0020075**

648. *Giáo trình thiết kế nhiệt động học và xác định các đặc trưng của vật liệu năng lượng*: Dùng cho đào tạo thạc sĩ ngành kỹ thuật hóa học/ *Đàm Quang Sang chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 260tr.; 27cm.

**621.40711 Gi-108T/MP.0041514 - MP.0041515;
VV.0020256 - VV.0020257**

649. *Hướng dẫn khai thác động cơ DIESEL trên tàu Cảnh sát biển*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 68tr.; 27cm.

621.436 H561D/LCV.0003236

650. *Hướng dẫn thí nghiệm lý thuyết mạch*: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự các ngành điện - điện tử/ *Phan Trọng Hanh*. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 84tr.; 27cm.

**621.3815 H561D/LCV.0002940; MP.0041250 -
MP.0041251; VV.0020046 - VV.0020047**

651. *Thí nghiệm cơ học máy*: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự gốc ngành cơ khí/ *Trần Quang Dũng chủ biên, Bùi Mạnh Cường biên soạn*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 148tr.; 27cm.

**621.8 Th300N/MP.0041529 - MP.0041530;
VV.0020274 - VV.0020275**

623 – Kỹ thuật quân sự và hàng hải

652. Bài tập lớn nguy trang và nghi trang: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự chuyên ngành xây dựng công trình quốc phòng, cầu đường, xây dựng dân dụng và sân bay/ *Vũ Đức Hiếu*. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 72tr.; 27cm.

**623.77 B103T/LCV.0002939; MP.0041254 -
MP.0041255; VV.0020050 - VV.0020051**

653. Bài tập thuật phóng ngoài: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự chuyên ngành vũ khí, đạn thiết kế đạn tên lửa/ *Lê Minh Thái*. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 126tr.; 27cm.

**623.4519 B103T/LCV.0002935; MP.0041252 -
MP.0041253; VV.0020048 - VV.0020049**

654. Cơ sở thiết kế tên lửa: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự chuyên ngành vũ khí, tên lửa/ *Lê Minh Thái*. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 254tr.; 27cm.

**623.451 C460S/LCV.0002924; MP.0041242 -
MP.0041243; VV.0020038 - VV.0020039**

655. Essential guide to missile design: Dùng cho đào tạo thạc sĩ chuyên ngành vũ khí/ *Lê Minh Thái chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 122tr.; 27cm.

623.4510711 E206G/LCV.0003102 - LCV.0003103

656. Giáo trình bảo đảm kỹ thuật hải quân chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu: Dùng cho đào tạo học viên sau đại học chuyên ngành chỉ huy tham mưu kỹ thuật hải quân/ *Phí Văn Tuấn chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 264tr.; 27cm.

**623.80711 Gi-108T/MP.0041471 - MP.0041472;
VV.0020206 - VV.0020207**

657. *Giáo trình Các hệ thống thủy lực, khí nén trên tăng thiết giáp*: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự chuyên ngành tăng thiết giáp/
Nguyễn Minh Tân chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 246tr.;
27cm.

623.747520711 Gi-108T/LCV.0003094 - LCV.0003095

658. *Giáo trình các hệ thống thủy lực và khí nén trên ô tô*: Dùng
cho đào tạo kỹ sư quân sự chuyên ngành ô tô quân sự/ *Nguyễn
Trường Sinh chủ biên; Biên soạn: Trần Minh Sơn, Lã Quốc Tiếp.* -
H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 228tr.; 27cm.

**623.74720711 Gi-108T/MP.0041521 - MP.0041522;
VV.0020264 - VV.0020265**

659. *Giáo trình công nghệ đo ảnh*: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự
chuyên ngành địa tin học, địa hình quân sự/ *Lê Minh Hằng.* - H.:
Quân đội nhân dân, 2022. - 206tr.; 27cm.

**623.710711 Gi-108T/LCV.0002927; MP.0041230 -
MP.0041231; VV.0020026 - VV.0020027**

660. *Giáo trình công tác nổ - Lý thuyết cơ bản về nổ*: Dùng cho
đào tạo kỹ sư quân sự chuyên ngành xây dựng công trình quốc
phòng, xây dựng cầu đường, xây dựng sân bay, xây dựng nhà và
công trình công nghiệp/ *Đàm Trọng Thắng chủ biên.* - H.: Quân đội
nhân dân, 2022. - 246tr.; 27cm.

**623.4520711 Gi-108T/LCV.0002855; MP.0041244 -
MP.0041245; VV.0020040 - VV.0020041**

661. *Giáo trình cơ sở thiết kế vỏ đạn*: Dùng cho đào tạo thạc sĩ
ngành cơ kỹ thuật, chuyên ngành đạn dược/ *Đỗ Văn Minh chủ biên.*
- H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 350tr.; 27cm.

623.450711 Gi-108T/LCV.0002921; MP.0041268 - MP.0041269; VV.0020064 - VV.0020065

662. *Giáo trình phương pháp hóa học đánh giá chất lượng vật liệu nổ*: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự chuyên ngành thuốc phóng thuốc nổ/ *Đoàn Minh Khai chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 202tr.; 27cm.

623.45450711 Gi-108T/LCV.0002937; MP.0041290 - MP.0041291; VV.0020086 - VV.0020087

663. *Giáo trình tác chiến điện tử trong ra đa*: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự chuyên ngành ra đa, tên lửa/ *Nguyễn Văn Hải chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 242tr.; 27cm.

623.7348 Gi-108T/LCV.0002926; MP.0041276 - MP.0041277; VV.0020072 - VV.0020073

664. *Giáo trình thiết kế liều phóng*: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự chuyên ngành đạn/ *Trần Văn Doanh*. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 230tr.; 27cm.

623.45 Gi-108T/LCV.0002928; MP.0041232 - MP.0041233; VV.0020028 - VV.0020029

665. *Giáo trình Thuật phóng ngoài - lý thuyết bắn*: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự chuyên ngành vũ khí, đạn, khí tài quang học, pháo tàu/ *Lê Minh Thái chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 352tr.; 27cm.

623.4510711 Gi-108T/LCV.0003088 - LCV.0003089

666. *Hướng dẫn khai thác, sử dụng pháo 25mm 2M-3M trên tàu Cảnh sát biển*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 80tr.; 27cm.

623.418 H561D/LCV.0003237

667. *Hướng dẫn khai thác, sử dụng Ra đa Consilium Selux S-Band*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 100tr.; 27cm.

623.7348 H561D/LCV.0002519; MP.0041746 - MP.0041747; VV.0020448 - VV.0020449

668. Hướng dẫn khai thác sử dụng Ra đa hàng hải Furuno Far-1513. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 104tr.; 27cm

623.7348 H561D/MP.0041744 - MP.0041745; VV.0020446 - VV.0020447

669. Hướng dẫn khai thác, sử dụng Ra đa Kelvin Hughes S-Band. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 120tr.; 27cm.

623.7348 H561D/LCV.0002515; MP.0041738 - MP.0041739; VV.0020440 - VV.0020441

670. Mô hình toán mô tả chuyển động của đạn không điều khiển trong không khí: Sách chuyên khảo/ Lê Minh Thái. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 108tr.; 27cm.

623.4517 M450H/LCV.0002941; MP.0041248 - MP.0041249; VV.0020044 - VV.0020045

671. Phương pháp thực nghiệm và mô phỏng số trong nghiên cứu khí động tên lửa: Dừng cho đào tạo sau đại học/ Trần Thế Hùng chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 192tr.; 27cm.

623.451 Ph561P/MP.0041525 - MP.0041526; VV.0020268 - VV.0020269

672. Sổ tay địa hình quân sự: Tái bản lần thứ nhất có sửa chữa, bổ sung. - Tái bản lần thứ nhất có sửa chữa, bổ sung. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 256tr.; 15cm.

623.71 S450T/LC.0016759, LC.0016826; MP.0041341 - MP.0041342; VN.0084489 - VN.0084490

673. Tác dụng nổ phá dưới nước: Dừng cho các loại hình đào tạo đại học, sau đại học chuyên ngành đạn/ Phan Văn Tuấn. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 248tr.; 27cm.

**623.45 T101D/LCV.0002936; MP.0041238 -
MP.0041239; VV.0020034 - VV.0020035**

674. Tài liệu hướng dẫn sử dụng kính ngắm đêm KNĐ-SVD: Dùng cho huấn luyện chuyên môn nghiệp vụ/ *Nguyễn Thu Cầm chủ biên, Phạm Đức Tuấn.* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 56tr.; 27cm.

623.46 T103L/LCV.0003193

675. Thiết kế kết cấu động cơ tên lửa nhiên liệu rắn: Dùng cho đào tạo thạc sĩ chuyên ngành cơ kỹ thuật, kỹ thuật cơ khí/ *Vũ Quốc Trụ chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 320tr.; 27cm.

**623.45190711 Th308K/LCV.0002853; MP.0041224 -
MP.0041225; VV.0020019 - VV.0020020**

676. Thiết kế ngòi đạn/ Nguyễn Ngọc Chương, Dương Văn Yên. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 591tr.; 27cm.

**623.45 Th308K/LCV.0002330 - LCV.0002331;
MP.0041730 - MP.0041731; VV.0020428 - VV.0020429**

677. Thuật phóng ngoài: Dùng cho đào tạo sau đại học chuyên ngành vũ khí, đạn/ *Nguyễn Hải Minh chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 474tr.; 27cm.

**623.451 Th504P/MP.0041469 - MP.0041470;
VV.0020204 - VV.0020205**

678. Tổ hợp điều khiển hỏa lực 1A45T trên tăng T-90S: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự chuyên ngành vũ khí, đạn, khí tài quang học/ *Lê Minh Thái chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 314tr.; 27cm.

623.74752 T450H/VV.0020108 - VV.0020109

629 – Ngành khác của kỹ thuật

679. Bài tập kỹ thuật điều khiển tự động: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự/ *Đỗ Quang Thông chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 246tr.; 27cm.

**629.8 B103T/MP.0041516 - MP.0041517;
VV.0020258 - VV.0020259**

680. Cơ sở xây dựng hệ thống dẫn đường quán tính: Dùng cho đào tạo thạc sĩ chuyên ngành điều khiển thiết bị bay/ *Hoàng Mạnh Tường; Nguyễn Hữu Sơn biên soạn*. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 214tr.; 27cm.

**629.1352 C460S/LCV.0002930; MP.0041270 -
MP.0041271; VV.0020066 - VV.0020067**

681. Lập trình hệ thống đo lường - điều khiển: Dùng cho đào tạo thạc sĩ chuyên ngành tự động hóa/ *Nguyễn Trần Hiệp chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 324tr.; 27cm.

**629.80711 L123T/LCV.0002850; MP.0041218 -
MP.0041219; VV.0020013 - VV.0020014**

682. Thiết bị điều khiển nổ từ xa ĐKN 9.5 - Hướng dẫn sử dụng: Dùng cho huấn luyện lực lượng sử dụng thiết bị điều khiển nổ từ xa ĐKN 9.5/ *Phạm Thành Công chủ biên*. - Tái bản lần thứ nhất có sửa chữa, bổ sung. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 96tr.; 27cm.

629.8 Th308B/LCV.0003234 - LCV.0003235

640 – Quản lý nhà và gia đình

646 – May vá, quần áo, quản lý cuộc sống cá nhân gia đình

683. Bài học về lòng vị tha/ Trung Kiên sưu tầm, biên soạn. - H.: Thanh niên, 2023. - 206tr.; 21cm.

646.7 B103H/M.0182778 - M.0182779;
MP.0041154

684. *Bài học về sự giúp đỡ/ Trung Kiên sưu tầm, biên soạn.* - H.:
Thanh niên, 2023. - 203tr.; 21cm.

646.7 B103H/M.0182782 - M.0182783;
MP.0041156

685. *Bài học về sự hy sinh/ Trung Kiên sưu tầm, biên soạn.* - H.:
Thanh niên, 2023. - 202tr.; 21cm.

646.7 B103H/M.0182776 - M.0182777;
MP.0041153

686. *Bài học về sự kiên trì/ Trung Kiên sưu tầm, biên soạn.* - H.:
Thanh niên, 2023. - 207tr.; 21cm.

646.7 B103H/M.0182780 - M.0182781;
MP.0041155

687. *Đi tìm Sisu:* Triết lý Phần Lan trong hành trình kiếm tìm lòng
dũng cảm, sức mạnh và hạnh phúc/ *Katja Pantzar; Phạm Thị Minh*
Đức dịch. - H.: Dân trí, 2023. - 244tr.; 24cm.

646.7 Đ300T/M.0182902 - M.0182903;
MP.0041208

688. *Những kỹ năng sống dành cho tuổi teen:* Sách tham khảo
dành cho giáo viên và cha mẹ. - H.: Dân trí, 2023. - 139tr.; 23cm.

646.7 K600N/M.0183392 - M.0183393;
MP.0041569

689. *Tặng bạn niềm cảm hứng mỗi ngày/ Keiya Mizuno, Naoki*
Naganuma; Duy Ngọc dịch. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2022. -
152tr.; 21cm.

646.7 T116B/M.0182727 - M.0182728;
MP.0041130

649 – Nuôi dạy trẻ em; chăm sóc tại nhà cho người khuyết tật và đau ốm

690. Con mình chẳng lẽ lại "vứt"?: Áp dụng tư duy linh hoạt để làm cha mẹ tốt hơn/ *Cherry Vũ, David Nguyễn, Rob England*. - H.: Thế giới, 2022. - 327tr.; 21cm.

649 C429M/M.0183591 - M.0183592; MP.0041647

691. Dạy con trưởng thành: Dạy con trưởng thành bằng tư duy người giàu/ *Lương Ngọc Hoàng*. - Tái bản lần thứ 1. - H.: Thế giới, 2020. - 215tr.; 20cm.

**649.1 D112C/M.0182631 - M.0182632;
MP.0041082**

692. Làm bạn cùng con: Tuyệt chiêu nuôi dạy con thời công nghệ 4.0/ *Đào Ngọc Cường*. - H.: Dân trí, 2021. - 262tr.; 20cm.

**649.1 L104B/M.0182635 - M.0182636;
MP.0041084**

650 – Quản lý và dịch vụ phụ trợ

693. Ba quy luật của hiệu quả: Làm chủ hiệu suất của cá nhân và doanh nghiệp/ *Steve Zaffron, Dave Logan; Lê Uyên Thảo dịch*. - Tái bản lần thứ 3. - H.: Thế giới, 2023. - 347tr.; 21cm.

**650.1 B100Q/M.0182904 - M.0182905;
MP.0041209**

694. Đảo ngược thói thường: Sự thật tàn bạo về những bí mật thành công chưa ai dám nói bạn biết/ *Rohit Bhargava; Nguyễn Thị Kim Dung dịch*. - In lần 1. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2023. - 183tr.; 21cm.

650.1 Đ108N/M.0182729 - M.0182730;
MP.0041131

695. *Để làm nên sự nghiệp*: 400 điều bạn không được học ở trường/
H. N. Casson; Alpha Books dịch. - Tái bản lần thứ 12. - H.: Lao
động, 2023. - 216tr.; 21cm.

650.1 Đ250L/M.0182906 - M.0182907;
MP.0041210

696. *Để làm nên sự nghiệp*: 400 điều bạn không được học ở trường/
H. N. Casson. - Tái bản lần thứ 12. - H.: Lao động, 2023. - 216tr.;
21cm.

650.1 Đ250L/M.0183678 - M.0183679

697. *Nghệ thuật PR bản thân*: 10 cách giúp bạn chia sẻ ý tưởng
sáng tạo và được mọi người chú ý/ *Austin Kleon; Cẩm Chi dịch.* -
Tái bản lần thứ 9. - H.: Thế giới, 2023. - 221tr.; 15cm.

650.1 Ngh250T/M.0182868 - M.0182869;
MP.0041197

698. *Nghĩ như một chú chó*: Loài chó dạy ta sống hạnh phúc và
thành công/ *Scott MacDonald; Xuân Nguyễn dịch.* - Tp. Hồ Chí
Minh: Nxb. Trẻ, 2023. - 296tr.; 21cm.

650.1 Ngh300N/M.0182715 - M.0182716;
MP.0041124

699. *Người thành công có lối đi riêng*/ *James Altucher; Linh Duyên*
dịch. - H.: Thế giới, 2023. - 318tr.; 24cm.

650.1 Ng558T/M.0183032 - M.0183033;
MP.0041385

700. *Phép màu để trở thành chính mình = The miracle of*
becoming oneself/ *Nhan Húc Quân.* - Tái bản lần thứ 6. - H.: Phụ
nữ Việt Nam, 2023. - 307tr.; 21cm.

650.1 Ph206M/M.0183597 - M.0183598;
MP.0041650

701. *Sức mạnh của việc đặt câu hỏi đúng*: Một số bí kíp giúp học hỏi qua vắn đáp/ *Mihiro Matsuda; Thu Thảo dịch.* - Tái bản lần thứ 7. - H.: Công thương, 2023. - 226tr.; 21cm.

650.13 S552M/M.0183673 - M.0183674;
MP.0041683

702. *10 điều khác biệt nhất giữa kẻ thắng người thua*/ Keith Cameron Smith; Ng.dịch: Nguyễn Dương Hiếu, Nguyễn Thị Thu Phương. - Tái bản lần thứ 5. - H.: Thế giới, 2023. - 164tr.; 21cm.

650.1 M558Đ/M.0182848 - M.0182849;
MP.0041187

658 – Quản lý chung

703. *Bản đồ tư duy trong giải quyết vấn đề*: Công cụ tư duy tối ưu để giải quyết vấn đề nhanh hơn, tốt hơn và đem lại hiệu quả không ngờ/ *Nguyễn Thụy Khánh Chương chủ biên.* - Tái bản lần thứ 8. - H.: Dân trí, 2023. - 163tr.; 15cm.

658.403 B105Đ/M.0182872 - M.0182873;
MP.0041199

704. *Chính Bắc - Lãnh đạo đích thực*/ Bill George; Võ Kiều Linh dịch. - Tái bản lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Hồ Chí Minh, 2023. - 340tr.; 23cm.

658.4092 Ch312B/M.0183012 - M.0183013;
MP.0041375

705. *Con bò tía = Purple cow*: Cách tạo ra khác biệt để vượt trội từ những bậc thầy marketing thế hệ mới/ *Seth Godin; Đặng Việt Vinh dịch.* - H.: Lao động, 2023. - 281tr.; 19cm.

**658.8 C429B/M.0183661 - M.0183662;
MP.0041678**

706. *Content hay chuyển đổi ngay*: Cứ mỗi giờ kênh nổ cả trăm đơn, cảm giác ấy vui hơn trúng số!/ Ngô Văn Cẩn. - H.: Dân trí, 2023. - 202tr.; 23cm.

**658.802 C431H/M.0183390 - M.0183391;
MP.0041568**

707. *Công nghệ thay đổi vị thế cạnh tranh = The year in tech.* - H.: Đại học Kinh tế Quốc dân, 2023. - 136tr.; 27cm.

**658.514 C455N/M.0183006 - M.0183007;
MP.0041373**

708. *Công nghiệp 3.5 - Kinh nghiệm của Đài Loan và sự tiếp cận của Việt Nam/ Hà Minh Hiệp, Chen-Fu Chien.* - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2021. - 300tr.; 24cm.

**658.514 C455N/M.0183125 - M.0183126;
VV.0020198 - VV.0020199**

709. *Công ty thông thái*: Bí quyết đổi mới không ngừng: Sách tham khảo/ Ikujiro Nonaka, Hirotaka Takeuchi; Chu Thị Ngân dịch. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 500tr.; 24cm.

**658.4038 C455T/M.0182561 - M.0182562;
MP.0041047; VV.0019947 - VV.0019948**

710. *Đắc nhân tâm cho nhà quản lý*: Thu phục lòng người bằng tâm và tài/ Craig Nathanson; Nguyễn Ngọc Hân dịch. - Tài bản. - H.: Thế giới, 2022. - 186tr.; 21cm.

**658.409 Đ113N/M.0183603 - M.0183604;
MP.0041653**

711. *Điều gì khiến khách hàng chi tiền*: Những sự thật về tâm lý

mua sắm của người tiêu dùng/ *Martin Lindstrom; Hương Lan dịch.* - Tái bản lần thứ 4. - H.: Công thương, 2023. - 342tr.; 21cm.

**658.8342 Đ309G/M.0183595 - M.0183596;
MP.0041649**

712. *Lãnh đạo dung hợp = How to be an inclusive leader:* Cách kiến tạo văn hóa để mọi người cảm thấy "đây là nơi mình thuộc về" và luôn có cơ hội phát triển bút phá/ *Jennifer Brown.* - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2023. - 239tr.; 20cm.

**658.4 L107Đ/M.0183688 - M.0183689;
MP.0041688**

713. *Lãnh đạo từ tâm:* Hành trình giúp mình trở thành người lãnh đạo đích thực/ *Nguyễn Quang Vịnh.* - H.: Thế giới, 2021. - 279tr.; 20cm.

**658.3 L107Đ/M.0182639 - M.0182640;
MP.0041086**

714. *Nghề tay trái hái ra tiền - Side hustle: From idea to income in 27 days:* 27 ngày biến ý tưởng thành thu nhập/ *Chris Guillebeau; Trịnh Ngọc Minh dịch.* - H.: Công thương, 2023. - 363tr.; 21cm.

**658.11 Ngh250T/M.0183599 - M.0183600;
MP.0041651**

715. *Nguyên lý Marketing - Principles of marketing/ Philip Kotler, Gary Armstrong; Nhóm dịch: Khoa Marketing.* - Tái bản lần 2. - H.: Kinh tế quốc dân, 2023. - 1802tr.; 27cm.

**658.8 Ng527L/M.0183619 - M.0183620;
VV.0020343 - VV.0020344**

716. *Nhà lãnh đạo kiệt xuất:* Thiên bẩm hay khổ luyện? Bài học về tổ chức và phong cách của các doanh nhân kiệt xuất/ *Lương Thu Hà.* - H.: Công thương, 2023. - 356tr.; 24cm.

**658.4092 Nh100L/M.0182894 - M.0182895;
MP.0041206**

717. *Nhà lãnh đạo kim cương*: 7 bước xây dựng đội ngũ tài năng giúp doanh nghiệp tăng 300% lợi nhuận/ *Michelle Nguyen*. - H.: Thế giới, 2019. - 383tr.; 21cm.

**658.3 Nh100L/M.0182617 - M.0182618;
MP.0041075**

718. *Quản lý dự án nghiên cứu và phát triển phần phân tích thiết lập dự án*: Dành cho đào tạo sau đại học/ *Trần Sơn Ninh chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 172tr.; 27cm.

**658.404 Qu105L/M.0183292 - M.0183293;
MP.0041527; VV.0020270 - VV.0020271**

719. *Quản trị logistics và chuỗi cung ứng*/ *Hà Minh Hiếu*. - H.: Tài chính, 2022. - 508tr.; 24cm.

**658.5 Qu105T/M.0183034 - M.0183035;
VV.0020134 - VV.0020135**

720. *Quy luật của chiến lược*: 5 bài học bất hủ từ: Bill gates, Andy Grove và Steve Jobs/ *David B. Yoffie, Michael A. Cusmano; Trần Thị Ngân Tuyển dịch*. - In lần 4. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2022. - 353tr.; 20cm.

**658.4012 Qu600L/M.0182709 - M.0182710;
MP.0041121**

721. *Siêu cách biệt*: Con đường vượt trội của Samsung Electronics/ *Oh Hyun Kwon; Nhung Hoàng dịch*. - H.: Dân trí, 2023. - 318tr.; 21cm.

658.4 S309C/M.0183796 - M.0183797; MP.0041763

722. *Smarketing giải pháp cạnh tranh trong thế giới số = Smarketing - How to achieve competitive advantage through*

blended sales and marketing/ Tim Hughes; Adam Gray; Hugo Whicher; *Phí Mai dịch.* - H.: Dân trí, 2023. - 393tr.; 21cm.

658.8 Sm109G/M.0183814 - M.0183815;
MP.0041772; VN.0084928 - VN.0084929

723. Sức mạnh của sự túng quẫn - The power of broke: Khi rỗng túi, nghèo đói sẽ tạo động lực lớn giúp bạn thành công/ *Daymond John, Daniel Paisner; Thu Hà dịch.* - Tái bản lần thứ 2. - H.: Công thương, 2023. - 400tr.; 21cm.

658.11 S552M/M.0183589 - M.0183590;
MP.0041646

724. Tạm biệt cà rốt và cây gậy = Carrots and sticks don't work: Nghệ thuật xây dựng văn hóa doanh nghiệp theo mô hình Respect/ *Paul L. Marciano; Nguyễn Minh Thiên Kim dịch.* - Tái bản lần thứ 2. - H.: Thế giới, 2023. - 340tr.; 21cm.

658.314 T104B/M.0182844 - M.0182845;
MP.0041185

725. Thiết kế giải pháp giá trị: Cách tạo ra sản phẩm và dịch vụ mà khách hàng mong muốn/ *Alex Osterwalder, Yves Pigneur...; Nguyễn Thụy Khánh Chương dịch.* - Tái bản lần thứ 5. - H.: Thế giới, 2023. - 316tr.; 19cm.

658.4012 Th308K/M.0182832 - M.0182833;
MP.0041179

726. Thuật đàm phán: Tương lai thuộc về những người tự tin và mạnh dạn yêu cầu những gì mình muốn/ *Brian Tracy; Ng. dịch: Nguyễn Huyền, Nguyễn Chánh.* - Tái bản lần thứ 5. - H.: Thế giới, 2023. - 180tr.; 21cm.

658.4052 Th504Đ/M.0182846 - M.0182847;
MP.0041186

727. Tiếp thị 4.0: dịch chuyển từ truyền thống sang công nghệ số/

Philip Kotler, Hermawan Kartajaya...; Ng.dịch: Nguyễn Khoa Hồng Thanh, Hoàng Thùy Minh Anh.... - In lần 12. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2022. - 264tr.; 21cm.

**658.8 T307T/M.0182719 - M.0182720;
MP.0041126**

728. *Tư duy chiến lược:* Lý thuyết trò chơi thực hành/ *Avinash K. Dixit, Barry J. Nalebuff; Ng.dịch: Nguyễn Tiến Dũng, Lê Ngọc Liên.* - Tái bản lần thứ 2. - H.: Dân trí, 2023. - 537tr.; 21cm.

**658.4012 T550D/M.0183544 - M.0183545;
MP.0041628; VN.0084807 - VN.0084808**

729. *Tư duy lợi thế cạnh tranh: 6 quy tắc mới cho thời đại số/*
Ram Charan, Geri Willigan; Mai Chí Trung dịch. - In lần 1. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2021. - 272tr.; 21cm.

**658.4062 T550D/M.0182711 - M.0182712;
MP.0041122**

730. *Văn hóa tổ chức và lãnh đạo.* - H.: Tài chính, 2023. - 366tr.; 24cm.

**658.4 V115H/M.0183038 - M.0183039;
VV.0020138 - VV.0020139**

731. *108 bí quyết xây dựng đội nhóm vô địch trong kinh doanh theo mạng/ Lê Thị Lan.* - H.: Thế giới, 2021. - 267tr.; 20cm.

**658.872 M458T/M.0182629 - M.0182630;
MP.0041081**

700 – NGHỆ THUẬT VÀ GIẢI TRÍ

732. *Bách khoa thư về Nghệ thuật/ Lạc Nguyên dịch.* - Tái bản lần thứ 2. - H.: Dân trí, 2023. - 208tr.; 28cm.

**703 B102K/M.0183372 - M.0183373; MP.0041563;
VV.0020300 - VV.0020301**

**733. *Leonardo da Vinci là ai?*/ Roberta Edwards. True Kelley;
Đặng Mai Chi dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H.: Dân trí, 2023. - 109tr.;
19cm.**

**759.5 L205D/M.0183609 - M.0183610;
MP.0041656**

**734. *Nghệ thuật đương đại*/ Tuấn Giang. - H.: Sân khấu, 2022. -
301tr.; 21cm.**

**709.597 Ngh250T/M.0183534 - M.0183535;
MP.0041623; VN.0084805 - VN.0084806**

**735. *Nghệ thuật - Khái lược những tư tưởng lớn*. - Tái bản. - H.:
Dân trí, 2023. - 352tr.; 24cm.**

**700 Ngh250T/M.0183376 - M.0183377; VV.0020304 -
VV.0020305**

**736. *Nghệ thuật trang trí ở Bắc Kỳ*: Bao gồm 64 hình khắc nằm
ngoài bài viết và 48 hình khắc nằm trong bài viết/ Marcel
Bernanose; Du Uyên dịch. - H.: Mỹ thuật, 2023. - 238tr.; 24cm.**

**745.09597 Ngh250T/M.0183635 - M.0183636;
MP.0041667; VV.0020361 - VV.0020362**

**737. *Quá trình xã hội hóa các hoạt động văn học nghệ thuật ở
Việt Nam*. - H.: Chính trị quốc gia Sự thật, 2019. - 639tr.; 24cm.**

700.9597 Qu100T/VV.0020474

**738. *Tài liệu phương pháp xây dựng kịch bản, dàn dựng các
chương trình nghệ thuật*/ Nguyễn Thị Thu Hà. - H.: Quân đội nhân
dân, 2020. - 160tr.; 27cm.**

**700 T103L/LCV.0002424; M.0183768 - M.0183769;
VV.0020450 - VV.0020451**

780 – Âm nhạc

739. Hồi ức sáng tác và các tác phẩm âm nhạc/ Trọng Loan. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 716tr.; 27cm.

**780.92 H452U/LCV.0002840 - LCV.0002841;
M.0182962 - M.0182963; MP.0041350**

740. Giáo trình Lý thuyết Âm nhạc tổng hợp cấp độ 1: Dành cho đào tạo trung cấp nghệ thuật chuyên nghiệp/ *Đặng Thúy Anh chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 88tr.; 27cm.

**781.0711 Gi-108T/LCV.0003173; MP.0041282 -
MP.0041283; VV.0020078 - VV.0020079**

741. Giáo trình Lý thuyết Âm nhạc tổng hợp cấp độ 2: Dành cho đào tạo trung cấp nghệ thuật chuyên nghiệp/ *Bùi Quỳnh Anh chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 92tr.; 27cm.

**781.0711 Gi-108T/LCV.0003172; MP.0041284 -
MP.0041285; VV.0020080 - VV.0020081**

742. Một số trích đoạn kinh điển trong các vở Musical: Dành cho bậc Trung cấp, Đại học thanh nhạc/ *Đỗ Phương Mai chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 120tr.; 27cm.

782.09597 M458S/LCV.0003122

790 – Nghệ thuật giải trí và biểu diễn

743. Giáo trình Múa cổ điển châu Âu: Dành cho đào tạo trung cấp diễn viên múa/ *Phạm Ngọc Thủy chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 176tr.; 27cm.

**792.80711 Gi-108T/LCV.0003171; MP.0041288 -
MP.0041289; VV.0020084 - VV.0020085**

744. Khuất phục tử thần: Sứ mệnh chinh phục 7 đỉnh núi cao nhất

7 lục địa/ *Bo Parfet; Biên dịch: Ryan Son Tran, Vi Pham, Son Voong.* - H.: Thế giới, 2020. - 379tr.; 20cm.

**796.522 Kh504P/M.0182637 - M.0182638;
MP.0041085**

745. *Mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển trong phương pháp nghệ thuật của chèo hiện nay/ Nguyễn Thị Bích Ngoan.* - H.: Sân khấu, 2022. - 408tr.; 21cm.

**792.509597 M452Q/M.0183526 - M.0183527;
MP.0041619; VN.0084797 - VN.0084798**

746. *Lịch sử sân khấu kịch và điện ảnh Việt Nam/ Nguyễn Đức Hiệp.* - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Hồ Chí Minh, 2023. - 286tr.; 24cm.

**790.09597 L302S/M.0183036 - M.0183037;
MP.0041386; VV.0020136 - VV.0020137**

747. *Một cảnh đào lý vẫn tươi xanh/ Trần Đình Ngôn.* - H.: Sân khấu, 2022. - 267tr.; 21cm.

**792.509597 M458C/M.0183540 - M.0183541;
MP.0041626**

748. *Ngôi sao không tắt/ Nguyễn Đình San.* - H.: Sân khấu, 2022. - 415tr.; 21cm.

**792.028092 Ng452S/M.0183536 - M.0183537;
MP.0041624**

749. *Sự tiếp sức cho quá trình chuyên nghiệp hóa kịch nói Việt Nam/ Cao Thị Xuân Ngọc.* - H.: Sân khấu, 2022. - 332tr.; 21cm.

**792.09597 S550T/M.0183528 - M.0183529;
MP.0041620; VN.0084799 - VN.0084800**

800 – VĂN HỌC

750. *Bí mật nghề diễn giả*/ Phan Thanh Dũng. - H.: Thế giới, 2021.
- 227tr.; 20cm.

**808.5 B300M/M.0182633 - M.0182634;
MP.0041083**

751. *Hành trình viết sách*: Từ ý tưởng đến hiện thực/ Kelly
Notaras; Hoài Anh dịch. - H.: Thế giới, 2023. - 300tr.; 24cm.

**808.02 H107T/M.0182900 - M.0182901;
MP.0041207**

752. *Hùng biện kiểu Ted1 = Talk like Ted*: Bí quyết diễn thuyết
trước đám đông "chuẩn" Ted/ Chris Anderson; Hồng Hạnh dịch. -
Tái bản lần thứ 4. - H.: Thế giới, 2022. - 446tr.; 21cm.

**808.51 H513B/M.0183669 - M.0183670;
MP.0041681**

753. *Những di chúc bị phản bội*/ Milan Kundera; Nguyên Ngọc
dịch. - H.: Hội nhà văn, 2023. - 413tr.; 21cm.

801 Nh556D/M.0183798 - M.0183799; MP.0041764

810 – Văn học châu Mỹ bằng tiếng Anh

813 – *Hư cấu* châu Mỹ bằng tiếng Anh

754. *Cổ tích các loài hoa*/ Louisa May Alcott; Vũ Bích Thảo dịch. -
H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 147tr.; 21cm.

813 C450T/LC.0017172 - LC.0017173

755. *Lời tiên tri Celestine*: Hành trình thức tỉnh tâm linh nhân loại/
James Redfield; Trần Tuyết dịch. - H.: Dân trí, 2023. - 530tr.; 21cm.

**813.54 L462T/M.0183394 - M.0183395; VN.0084690
- VN.0084691**

**756. *Truyện kể hay nhất dành cho trẻ/ Sara Cone Bryant; Không
Mai Phương dịch.*** - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 163tr.; 21cm.

**813 Tr527K/LC.0017168 - LC.0017169; M.173813 -
M.173814 - M.173815; MP.0034648 - MP.0034649**

890 – Văn học ngôn ngữ và họ ngôn ngữ cụ thể khác

895 – Văn học Đông Á và Đông Nam Á

757. *Anh lính trẻ và cô giáo làng.* - H.: Dân trí, 2023. - 247tr.;
19cm.

**895.92234 A107L/M.0182804 - M.0182805;
MP.0041167**

758. *Bài ca Trường Sơn:* Tuyển tập văn xuôi/ *Chủ biên: Nguyễn
Hữu Ngọc, Phùng Văn Khai.* - H.: Hội nhà văn, 2023. - 477tr.;
24cm.

**895.92234 B103C/M.0183340 - M.0183341; VV.0020298
- VV.0020299**

759. *Bát chọt mai vàng:* Truyện/ *Nguyễn Trí Huân.* - H.: Văn học,
2023. - 178tr.; 20cm.. - (Sách trong chương trình Đầu tư sáng tác
văn học của Bộ Quốc phòng - Năm 2023)

**895.92234 B124C/M.0183352 - M.0183353;
MP.0041554; VN.0084680 - VN.0084681**

760. *Bến đậu:* Tập truyện ngắn/ *Hoàng Tiến.* - H.: Quân đội nhân
dân, 2023. - 188tr.; 19cm.

**895.92234 B254Đ/LC.0016992 - LC.0016993;
M.0182936 - M.0182937; MP.0041312**

761. *Bên lề đường bằng*: Tập truyện - ký/ *Nguyễn Công Huy*. - H.: Văn học, 2022. - 158tr.; 20cm.. - (Sách trong chương trình đầu tư sáng tác văn học của Bộ Quốc phòng - Năm 2022)

**895.9228403 B254L/M.0183225 - M.0183226;
MP.0041462; VN.0083760 - VN.0083761, VN.0084624 -
VN.0084625**

762. *Biên khu Việt Quế*: Tiểu thuyết/ *Phạm Vân Anh*. - H.: Văn học, 2023. - 217tr.; 20cm.. - (Sách trong chương trình Đầu tư sáng tác văn học của Bộ Quốc phòng - Năm 2023)

**895.92234 B305K/M.0183354 - M.0183355;
MP.0041555; VN.0084682 - VN.0084683**

763. *Chạm vào ký ức*: Tập truyện ký/ *Vũ Thị Hồng*. - H.: Văn học, 2023. - 258tr.; 20cm.. - (Sách trong chương trình Đầu tư sáng tác văn học của Bộ Quốc phòng - Năm 2023)

**895.92283403 Ch104V/M.0183348 - M.0183349;
MP.0041552; VN.0084676 - VN.0084677**

764. *Chị Sơn*: Truyện và ký/ *Chung Tiến Lực*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 184tr.; 19cm.

**895.92234 Ch300S/LC.0017067 - LC.0017068;
M.0182934 - M.0182935; MP.0041311**

765. *Chiếc thìa bạc*: Một câu chuyện đẹp về hành trình tìm lại những khoảng trời tuổi thơ đã mất/ *Kansuke Naka; Khánh Trang dịch*. - H.: Thanh niên, 2023. - 326tr.; 21cm.

**895.634 Ch303T/M.0182984 - M.0182985;
MP.0041362**

766. *Chiến sĩ ta cầm bút*: Tiểu luận, phê bình/ *Đỗ Ngọc Yên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 200tr.; 21cm.

895.92209 Ch305S/LC.0016899 - LC.0016900

767. *Chiến trường K - Chuyện bây giờ mới kể*/ Bùi Quang Lâm. - H.: Dân trí, 2023. - 251tr.; 19cm.

895.9228403

Ch305T/M.0182806 - M.0182807

768. *Chuyện lính*: Tập truyện ngắn/ *Nguyễn Ngọc Lợi*. - H.: Văn học, 2022. - 217tr.; 20cm.. - (Sách trong chương trình đầu tư sáng tác văn học của Bộ Quốc phòng - Năm 2022)

895.92234

Ch527L/M.0183221 - M.0183222;

MP.0041460; VN.0083768 - VN.0083769, VN.0084620 - VN.0084621

769. *Chuyện Non ngàn kỳ thú*: Ký/ *Trần Hữu Tông*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 246tr.; 21cm.

895.92283403

Ch527N/LC.0017164 - LC.0017165

770. *Chuyến tàu qua thành phố*: Tập truyện ngắn/ *Nguyễn Thị Mai Phương*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 184tr.; 19cm.

895.92234

Ch527T/LC.0016990 - LC.0016991;

M.0182960 - M.0182961; MP.0041340

771. *Chuyện thơ 3*: Tiểu luận - Phê bình/ *Hồng Diệu*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 176tr.; 21cm.

895.92209

Ch527T/LC.0016984 - LC.0016985;

M.0182930 - M.0182931; MP.0041309

772. *Chuyện về những con rối*/ *Lê Chức*. - H.: Sân khấu, 2022. - 269tr.; 21cm.

895.922234

Ch527V/M.0183542 - M.0183543;

MP.0041627

773. *Có tiếng ai gõ cửa?*: Thơ/ *Nguyễn Đức Mậu*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 140tr.; 21cm.

895.92214

C400T/LC.0017070 - LC.0017071

774. *Con đường anh đi*: Tập truyện ngắn/ *Huyền Văn*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 176tr.; 21cm.

895.92234 C429Đ/LC.0016897 - LC.0016898

775. *Cổ học tinh hoa*: Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc, Tử An Trần Lê Nhân. - H.: Văn học, 2022. - 483tr.; 21cm.. - (Minh Triết phương Đông)

**895.131 C450H/M.0182619 - M.0182620;
MP.0041076**

776. *Cổ tích trong làn đạn*: Truyện và ký/ *Thái Chí Thanh*. - H.: Văn học, 2022. - 190tr.; 20cm.. - (Sách trong chương trình đầu tư sáng tác văn học của Bộ Quốc phòng - Năm 2022)

**895.9228403 C450T/M.0183233 - M.0183234;
MP.0041466; VN.0083758 - VN.0083759, VN.0084632 -
VN.0084633**

777. *Cung đường tình yêu*: Tiểu thuyết/ *Tùng Lâm*. - H.: Văn học, 2023. - 273tr.; 20cm.. - (Sách trong chương trình Đầu tư sáng tác văn học của Bộ Quốc phòng - Năm 2023)

**895.92234 C513Đ/M.0183344 - M.0183345;
MP.0041550; VN.0084672 - VN.0084673**

778. *Cuộc viết dã cuối thu*: Tập truyện ngắn/ *Lê Ngọc Minh*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 184tr.; 19cm.

895.92234 C514V/LC.0016925 - LC.0016926

779. *Đại văn hào Lev Tolstoy và nghệ thuật tiểu thuyết*: Nguyễn Trường Lịch. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 632tr.; 24cm.

**891.733 Đ103V/M.0183103 - M.0183104;
MP.0041409; VV.0020176 - VV.0020177**

780. *Đầu sông cuối sông*: Tập truyện ngắn/ *Lê Trâm*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 180tr.; 19cm.

895.92234 Đ125S/LC.0016931 - LC.0016932

781. *Đi qua và trở lại*: Tùy bút và tản văn/ *Nguyễn Hữu Quý*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 180tr.; 19cm.

895.9228408 Đ300Q/LC.0016921 - LC.0016922

782. *Đôi bờ*: Thơ/ *Phạm Bá Nhơn*. - H.: Hội nhà văn, 2022. - 243tr.; 21cm.

895.92214 Đ452B/M.0183087

783. *Ghềnh thác cuộc đời*: Tiểu thuyết/ *Hữu Tiến*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 247tr.; 19cm.

895.92234 Gh256T/LC.0017180 - LC.0017181

784. *Gió rừng bông rát*: Tập truyện ngắn/ *Nguyễn Hùng Sơn*. - H.: Văn học, 2022. - 213tr.; 20cm.. - (Sách trong chương trình đầu tư sáng tác văn học của Bộ Quốc phòng - Năm 2022)

**895.92234 Gi-400R/M.0183229 - M.0183230;
MP.0041464; VN.0083762 - VN.0083763, VN.0084628 -
VN.0084629**

785. *Gió thổi*: Tập truyện ngắn/ *Võ Thị Xuân Hà*. - H.: Lao động, 2018. - 221tr.; 21cm.

**895.92234 Gi-400T/M.170285 - M.170286 - M.170287;
VN.0084907**

786. *Hải quốc từ chương - Tùng thư văn học biển đảo Việt Nam/*
Trần Trọng Dương khảo chú. - H.: Khoa học xã hội, 2022. - 1034tr.; 24cm.

**895.92208 H103Q/M.0183625 - M.0183626;
VV.0020349 - VV.0020350**

787. *Hào khí biên thù*: Truyện ký/ *Trịnh Bửu Hoài*. - H.: Văn học, 2022. - 148tr.; 20cm.. - (Sách trong chương trình đầu tư sáng tác văn học của Bộ Quốc phòng - Năm 2022)

**895.9228403 H108K/M.0183217 - M.0183218;
MP.0041458; VN.0083754 - VN.0083755, VN.0084616 -
VN.0084617**

788. *Hoa trong mắt bão*: Tiểu thuyết/ *Đặng Văn Hương*. - H.: Hội nhà văn, 2023. - 569tr.; 21cm.

895.92234 H401T/M.0182826

789. *Hôm nay con lại nổi giận với mẹ*/ *Jang Hae-Joo; Thực Anh dịch*. - H.: Dân trí, 2022. - 219tr.; 19cm.

**895.7508 H453N/M.0183561 - M.0183562;
MP.0041636**

790. *Huyền thoại tuổi thanh xuân*: Tiểu thuyết/ *Đoàn Tuấn*. - H.: Văn học, 2023. - 145tr.; 20cm.. - (Sách trong chương trình Đầu tư sáng tác văn học của Bộ Quốc phòng - Năm 2023)

**895.92234 H527T/M.0183360 - M.0183361;
MP.0041558; VN.0084688 - VN.0084689**

791. *Hương đất tình người*: Thơ/ *Nguyễn Hữu Dục*. - H.: Hội nhà văn, 2015. - 285tr.; 19cm.

895.92214 H561Đ/M.0183370 - M.0183371

792. *Hương xưa mùa cũ*: Tản văn/ *Ngô Đức Hành*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 184tr.; 19cm.

**895.9228408 H561X/LC.0016994 - LC.0016995;
M.0182956 - M.0182957; MP.0041338**

793. *Kế thừa và biến đổi truyền thống trong kịch bản chèo của*

Trần Đình Ngôn/ Lê Tuấn Cường. - H.: Sân khấu, 2022. - 331tr.; 21cm.

895.92223409 K250T/M.0183532 - M.0183533;
MP.0041622; VN.0084803 - VN.0084804

794. Khắc tình với thân chết: Tiểu thuyết/ *Lê Hoài Nam.* - H.: Văn học, 2023. - 318tr.; 20cm.. - (Sách trong chương trình Đầu tư sáng tác văn học của Bộ Quốc phòng - Năm 2023)

895.92234 Kh113T/M.0183346 - M.0183347;
MP.0041551; VN.0084674 - VN.0084675

795. Khói biên phương: Tập truyện ngắn/ *Lê Quang Trạng.* - H.: Văn học, 2022. - 170tr.; 20cm.. - (Sách trong chương trình đầu tư sáng tác văn học của Bộ Quốc phòng - Năm 2022)

895.92234 Kh428B/M.0183219 - M.0183220;
MP.0041459; VN.0083770 - VN.0083771, VN.0084618 -
VN.0084619

796. Kịch Tam bộ khúc/ Tất Thắng. - H.: Sân khấu, 2022. - 734tr.; 21cm.

895.92224 K302T/M.0183524 - M.0183525;
MP.0041618

797. Kỷ niệm rừng/ Vũ Minh Vỹ. - H.: Thanh niên, 2022. - 427tr.; 21cm.

895.9228403 K600N/M.0183366 - M.0183367;
MP.0041561

798. Ký ức xanh: Tản văn/ *Nguyễn Duy Hưng.* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 180tr.; 19cm.

895.9228403 K600U/LC.0016923 - LC.0016924

799. Kỹ yếu Hội người tù kháng chiến thành phố Cần Thơ. - Cần Thơ: Đại học Cần Thơ, 2019. - 461tr.; 29cm.

895.9228403

K600Y/VV.0020470 - VV.0020471

800. *Lính miền Đông*: Tiểu thuyết/ *Bùi Thị Biên Linh*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 192tr.; 21cm.

895.92234

L312M/LC.0016909 - LC.0016910

801. *Lũ mừng*: Tiểu thuyết/ *Trần Nguyên Mỹ*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 248tr.; 21cm.

895.92234

L500M/LC.0017088 - LC.0017089

802. *Mắt bà ở phía khơi xa*: Thơ/ *Thy Lan*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 120tr.; 19cm.

895.92214

M118B/LC.0016927 - LC.0016928

803. *Mê Kông nổi sóng*: Tiểu thuyết/ *Ngô Minh Bắc*. - H.: Văn học, 2022. - 257tr.; 20cm.. - (Sách trong chương trình đầu tư sáng tác văn học của Bộ Quốc phòng - Năm 2022)

895.92234

M250K/M.0183227 - M.0183228;

MP.0041463; VN.0083756 - VN.0083757, VN.0084626 - VN.0084627

804. *Một mình ở Châu Âu*: Phan Việt. - H.: Hội nhà văn, 2023. - 343tr.; 21cm.

895.9228403

M458M/M.0183792 - M.0183793;

MP.0041761

805. *Mùa tân binh*: Tập bút ký/ *Uông Triều*. - H.: Lao động, 2018. - 131tr.; 21cm.

895.9228403

M501T/M.170294 - M.170295 -

M.170296; VN.0084908

806. *Muối của đảo*: Tiểu thuyết/ *Hà Đình Cẩn*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 200tr.; 21cm.

895.92234

M515C/LC.0016903 - LC.0016904

807. Năm tháng nhớ thương: Tập truyện - ký/ Văn nghệ Quân đội tuyển chọn. - H.: Văn học, 2022. - 444tr.; 20cm.. - (Sách trong chương trình đầu tư sáng tác văn học của Bộ Quốc phòng - Năm 2022)

**895.9228403 N114T/M.0183215 - M.0183216;
MP.0041457; VN.0083772 - VN.0083773, VN.0084614 -
VN.0084615**

808. Nếu chúng ta không cháy lên: Bút ký chính luận/ Ma Văn Kháng. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 240tr.; 19cm.

**895.92283403 N259C/M.0182597 - M.0182598;
MP.0041064; VN.0084419 - VN.0084420**

809. Ngọn sáng: Lí luận - Phê bình/ Nguyễn Thanh Tâm. - H.: Lao động, 2018. - 226tr.; 21cm.

**895.92209 Ng429S/M.170291 - M.170292 - M.170293;
VN.0084906**

810. Nguồn sáng Phương Nam: Trường ca/ Trần Văn Tuấn. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 116tr.; 21cm.

**895.92214 Ng517S/LC.0017052 - LC.0017053;
M.0182922 - M.0182923; MP.0041305**

811. Nguyễn Du thiên tài - Vấn đề đã quen mà còn lạ/ Nguyễn Đình Chú. - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2022. - 357tr.; 24cm.

**895.92212 Ng527D/M.0182744 - M.0182745;
MP.0041136; VV.0019969 - VV.0019970**

812. Người bên sông: Tiểu thuyết/ Nguyễn Duy Hiến. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 228tr.; 21cm.

895.92234 Ng558B/LC.0017046 - LC.0017047

813. *Người đẹp làng Quỳ*: Tập truyện ngắn/ *Phan Xuân Hậu*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 144tr.; 19cm.

895.92234 Ng558Đ/LC.0016929 - LC.0016930

814. *Nhân cười*: Tập truyện ngắn/ *Trần Nguyên Mỹ*. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 192tr.; 21cm.

**895.92234 Nh105C/LC.0016982 - LC.0016983;
M.0182944 - M.0182945; MP.0041332**

815. *Nhật ký trong tù/ Hồ Chí Minh; Quách Tấn dịch*. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 260tr.; 21cm.

**895.922132 Nh124K/M.0182575 - M.0182576;
MP.0041053; VN.0084399 - VN.0084400**

816. *Nhốt con chim bắt cô*: Tiểu thuyết/ *Phạm Hoa*. - H.: Lao động, 2018. - 214tr.; 21cm.

**895.92234 Nh458C/M.170309 - M.170310 - M.170311;
VN.0084910**

817. *Như tôi đã sống*: Truyện thơ/ *Nguyễn Đăng Giáp*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 504tr.; 24cm.

895.92214 Nh550T/LCV.0003244 - LCV.0003245

818. *Những khoảnh khắc sinh tử*: Tập truyện ngắn/ *Hoài Hương*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 184tr.; 21cm.

**895.92234 Nh556K/LC.0016978 - LC.0016979;
M.0182942 - M.0182943; MP.0041331**

819. *Những ngọn gió thổi ngược*: Tập truyện ngắn/ *Đặng Thùy Tiên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 180tr.; 19cm.

**895.92234 Nh556N/LC.0016988 - LC.0016989;
M.0182958 - M.0182959; MP.0041339**

820. *Những người lính già*: Tập truyện ngắn/ *Lê Toán*. - H.: Văn học, 2023. - 229tr.; 20cm.. - (Sách trong chương trình Đầu tư sáng tác văn học của Bộ Quốc phòng - Năm 2023)

**895.92234 Nh556N/M.0183342 - M.0183343;
MP.0041549; VN.0084670 - VN.0084671**

821. *Những tờ sạch*: Tiểu luận và phê bình/ *Hoàng Đăng Khoa*. - H.: Văn học, 2023. - 165tr.; 20cm.

**895.92209 Nh556T/M.0183356 - M.0183357;
MP.0041556; VN.0084684 - VN.0084685**

822. *Nơi đỉnh rừng nghiêng nắng*: Tập truyện ngắn/ *Vũ Ngọc Thư*. - H.: Văn học, 2023. - 165tr.; 20cm.. - (Sách trong chương trình Đầu tư sáng tác văn học của Bộ Quốc phòng - Năm 2023)

**895.92234 N462Đ/M.0183358 - M.0183359;
MP.0041557; VN.0084686 - VN.0084687**

823. *Nơi khôn thiêng của biển*: Trường ca/ *Lương Hữu Quang*. - H.: Lao động, 2018. - 71tr.; 21cm.

**895.92214 N462K/M.170306 - M.170307 - M.170308;
VN.0084911**

824. *Núi rộng sông dài*: Bút ký chân dung/ *Nguyễn Minh Ngọc*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 256tr.; 21cm.

895.9228403 N510R/LC.0017050 - LC.0017051

825. *Nước hoa hương gỗ*: Tập truyện ngắn/ *Nguyễn Thị Phương Lan*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 188tr.; 19cm.

**895.92234 N557H/LC.0016996 - LC.0016997;
M.0182954 - M.0182955; MP.0041337**

826. *Qua đêm ở nhà các vua Nguyễn*: *Nguyễn Ngọc Tiến*. - H.: Hội nhà văn, 2023. - 318tr.; 21cm.

**895.9228408 Qu100Đ/M.0183820 - M.0183821;
MP.0041775; VN.0084934 - VN.0084935**

827. *Quảng Trị 1972*: Từ nhật ký đến thơ/ *Anh Ngọc*. - H.: Văn học, 2022. - 154tr.; 20cm.. - (Sách trong chương trình đầu tư sáng tác văn học của Bộ Quốc phòng - Năm 2022)

**895.9228403 Qu106T/M.0183223 - M.0183224;
MP.0041461; VN.0083766 - VN.0083767, VN.0084622 -
VN.0084623**

828. *Sao sáng đêm đông*: Tập kịch bản Chèo/ *Thượng Luyến*. - H.: Sân khấu, 2022. - 269tr.; 21cm.

**895.922234 S108S/M.0183538 - M.0183539;
MP.0041625**

289. *Sóng trầm biển dựng*: Trường ca/ *Đoàn Văn Mật*. - H.: Lao động, 2018. - 152tr.; 21cm.

Sách trong chương trình đầu tư sáng tác văn học của Bộ Quốc phòng - Năm 2018

**895.92214 S431T/M.170297 - M.170298 - M.170299;
VN.0084909**

890. *Sống như một dòng sông*: Tập bút ký. - H.: Lao động, 2018. - 373tr.; 21cm.

Sách trong chương trình đầu tư sáng tác văn học của Bộ Quốc phòng - Năm 2018

**895.9228403 S455N/M.170288 - M.170289 -
M.170290; VN.0084912**

891. *Tập làm thơ đường luật*: Thơ/ *Phùng Khắc Đăng*. - H.: Hội nhà văn, 2022. - 199tr.; 21cm.

**895.92214 T123L/M.0182824 - M.0182825;
MP.0041176**

892. *Thơ Sư Tuệ/ Nguyễn Văn Tuệ.* - H.: Quân đội nhân dân, 2023.
- 352tr.; 21cm.

895.92214 Th460S/LC.0016917 - LC.0016918

893. *Thời gian và nhân chứng:* Hồi ký của các nhà báo/ Hà Minh Đức chủ biên. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023; 24cm.

T.1. - 363tr.

895.9228340308 Th462G/M.0183298 - M.0183299;

MP.0041534; VV.0020280 - VV.0020281

T.2. - 407tr.

895.9228340308 Th462G/M.0183300 - M.0183301;

MP.0041535; VV.0020282 - VV.0020283

894. *Thương miền ký ức:* Hồi ức về thời bao cấp/ Hương Thảo. - H.: Thanh niên, 2022. - 191tr.; 21cm.

895.9228403 Th561M/M.0182830 - M.0182831;

MP.0041178

895. *Tiếng đàn tuổi 20:* Ký chân dung/ Châu La Việt. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 184tr.; 21cm.

895.9228403 T306Đ/LC.0016911 - LC.0016912

896. *Tiếng vọng ký ức:* Tập tản văn, bút ký/ Lê Xuân. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 180tr.; 21cm.

895.9228403 T306V/LC.0016980 - LC.0016981;

M.0182946 - M.0182947; MP.0041333

897. *Tìm trong dáng đá:* Bút ký/ Phùng Văn Khai. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 187tr.; 19cm.

895.92283403 T310T/LC.0017178 - LC.0017179

898. *Tình khúc cuộc đời*: Thơ/ *Nguyễn Hữu Dụ*. - H.: Thanh niên, 2021. - 364tr.; 19cm.

**895.92214 T312K/M.0183368 - M.0183369;
MP.0041562**

899. *Tình yêu người lính*: Truyện ký/ *Đặng Văn Hương*. - H.: Thanh niên, 2021. - 363tr.; 20cm.

895.9228403 T312Y/M.0182827

900. *Tôi đi Trường Sa*: Tập bút ký/ *Đinh Phương*. - H.: Văn học, 2022. - 129tr.; 20cm.. - (Sách trong chương trình đầu tư sáng tác văn học của Bộ Quốc phòng - Năm 2022)

**895.9228403 T452Đ/M.0183231 - M.0183232;
MP.0041465; VN.0083764 - VN.0083765, VN.0084630 -
VN.0084631**

901. *Tổng tập nhà văn Quân đội*: Kỷ yếu, tác phẩm. - H.: Văn học, 2023; 24cm.

T.1. - 944tr.

**895.92208 T455T/M.0182808 - M.0182809;
MP.0041168; VV.0019981 - VV.0019982**

T.2. - 943tr.

**895.92208 T455T/M.0182810 - M.0182811;
MP.0041169; VV.0019983 - VV.0019984**

T.3. - 943tr.

**895.92208 T455T/M.0182812 - M.0182813;
MP.0041170; VV.0019985 - VV.0019986**

T.4. - 947tr.

**895.92208 T455T/M.0182814 - M.0182815;
MP.0041171; VV.0019987 - VV.0019988**

T.5. - 943tr.
895.92208 T455T/M.0182816 - M.0182817;
MP.0041172; VV.0019989 - VV.0019990

902. *Trăng không in bóng*: Tiểu thuyết/ *Bùi Việt Sỹ*. - H.: Lao động, 2018. - 301tr.; 21cm.

Sách trong chương trình đầu tư sáng tác văn học của Bộ Quốc phòng - Năm 2018

895.92234 Tr116K/M.170300 - M.170301 - M.170302;
VN.0084914

903. *Trầm hương*: Tập truyện ngắn/ *Bùi Thị Như Lan*. - H.: Văn học, 2023. - 237tr.; 20cm.. - (Sách trong chương trình Đầu tư sáng tác văn học của Bộ Quốc phòng - Năm 2023)

895.92234 Tr120H/M.0183350 - M.0183351;
MP.0041553; VN.0084678 - VN.0084679

904. *Trần triều nhân thoại*: Một dòng lịch sử, vụn câu chuyện đời/ *Đồng Lạc*. - H.: Hội nhà văn, 2022. - 265tr.; 21cm.

895.92234 Tr121T/M.0183587 - M.0183588;
MP.0041645

905. *Trên những nẻo đường chiến dịch*. - H.: Dân trí, 2023. - 249tr.; 19cm.

895.9228403 Tr254N/M.0182802 - M.0182803;
MP.0041166

906. *Truyện Kiều ở Nam Bộ*/ Nguyễn Thanh Phong. - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 384tr.; 23cm.

895.922109 Tr527K/M.0182754 - M.0182755;
MP.0041141; VV.0019979 - VV.0019980

907. *Trung Nữ Vương*: Tiểu thuyết lịch sử/ *Phùng Văn Khai*. - H.: Văn học, 2023. - 321tr.; 24cm.

T.1

**895.92234 Tr556N/M.0183336 - M.0183337;
VV.0020294 - VV.0020295**

T.2. - 385tr.

**895.92234 Tr556N/M.0183338 - M.0183339;
VV.0020296 - VV.0020297**

908. *Trường Sơn nghe tiếng mẹ ru*: Thơ/ *Hoàng Sĩ Khiêm*. - H.: Giao thông vận tải, 2019. - 144tr.; 21cm.

**895.92214 Tr561S/M.0183364 - M.0183365;
MP.0041560**

909. *Tự sự về chiến tranh trong văn học Việt Nam đương đại*: Tiểu luận Phê bình/ *Đỗ Hải Ninh biên soạn*. - H.: Lao động, 2018. - 551tr.; 21cm.

Sách trong chương trình đầu tư sáng tác văn học của Bộ Quốc phòng - Năm 2018

**895.92209 T550S/M.170303 - M.170304 - M.170305;
VN.0084915**

910. *Văn học chiến tranh từ góc nhìn thể loại*: Nghiên cứu - Phê bình/ *Đỗ Thị Thu Huyền*. - H.: Văn học, 2019. - 207tr.; 21cm.

895.92209 V115H/M.173870 - M.173871; VN.0084905

911. *Văn học nghệ thuật, địa hạt của sự sáng tạo - Người viết cần có tâm và tầm*: Tiểu luận, phê bình/ *Phạm Xuân Trường*. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 356tr.; 21cm.

**895.92209 V115H/LC.0017096 - LC.0017097 -
LC.0017098**

912. *Văn nghệ với người lính và thời cuộc*: Tập lý luận, phê bình/
Đinh Xuân Dũng. - H.: Lao động, 2018. - 337tr.; 21cm.

Sách trong chương trình đầu tư sáng tác văn học của Bộ Quốc
phòng - Năm 2018

895.92209 V115N/.0079747 - .0079748; VN.0084913

913. *Vẫn là binh nhất*: Tiểu thuyết/ *Trần Văn Tuấn*. - H.: Quân đội
nhân dân, 2018. - 394tr.; 21cm.

895.92234 V121L/LC.0015959, LC.0017163

914. *30 tuổi - mọi thứ chỉ mới bắt đầu*: *Lý Thượng Long; Nguyễn
Thị kim Phượng dịch*. - Tái bản lần thứ 1. - H.: Dân trí, 2023. -
330tr.; 21cm.

895.136 B100M/M.0183684 - M.0183685

900 – LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ

940 – Lịch sử châu Âu

915. *Anne Frank là ai?*/ *Ann Abramson; Nancy Harrison; Nguyệt
Minh dịch*. - Tái bản lần thứ 3. - H.: Dân trí, 2023. - 105tr.; 19cm.

**940.5318092 A107F/M.0183611 - M.0183612;
MP.0041657**

916. *Những người gần như hoàn hảo*: Sự thật về phép màu Bắc
Âu/ *Michael Booth; Lê Thu Thảo dịch*. - H.: Lao động, 2023. -
541tr.; 24cm.

**940.1 Nh556N/M.0182892 - M.0182893;
MP.0041205**

917. *Nơi rìa thế giới*: Một lịch sử về vùng Biển Bắc/ *Michael Pye;
Lê Thu Thảo dịch*. - H.: Nxb. Hà Nội, 2023. - 560tr.; 24cm.

**940.1 N462R/M.0182890 - M.0182891;
MP.0041204; VV.0020003 - VV.0020004**

918. *Spare - Kế dự bị/ Harry; Ng.dịch: Orkid, Phương Nhung.* - H.: Dân trí, 2023. - 671tr.; 24cm.

**942.085092 K200D/M.0183384 - M.0183385;
VV.0020312 - VV.0020313**

950 – Lịch sử châu Á

959 – Đông Nam Á

919. *An Nam thời xưa:* Tiểu luận về hệ thống tổ chức An Nam trước khi có sự can thiệp của Pháp/ *Pierre Pasquier*,; *Nguyễn Thanh Hằng dịch; Việt Anh hiệu đính.* - H.: Thế giới, 2023. - 394tr.; 21cm.

**959.7 A105N/M.0183826 - M.0183827;
MP.0041778; VN.0084938 - VN.0084939**

920. *Ba vị họ Phùng với Hồ Chủ tịch:* Phùng Văn Cung - Phùng Thế Tài - Phùng Văn Khâu/ *Phùng Văn Khai.* - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2021. - 260tr.; 24cm.

**959.704 B100V/M.0183334 - M.0183335; VV.0020292
- VV.0020293**

921. *Các bậc văn nhân trong lịch sử Việt Nam/ Dương Phong sưu tầm, biên soạn.* - H.: Dân trí, 2023. - 203tr.; 21cm.. - (Việt Nam Đất nước - con người)

**959.70099 C101B/M.0182788 - M.0182789;
MP.0041159; VN.0084467 - VN.0084468**

922. *Chiến thắng Thượng Lào 1953 - Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm:* Kỷ yếu Hội thảo khoa học. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 780tr.; 24cm.

**959.404 Ch305T/LCV.0003139 - LCV.0003140;
M.0182964 - M.0182965; MP.0041351; VV.0020110 -
VV.0020111**

923. *Chiến trường B2 qua những ghi chép thời hậu chiến/ Lê Chính.* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 192tr.; 21cm.

959.7043 Ch305T/LC.0016905 - LC.0016906

924. *Cơ cấu hành chính và tổ chức quản lý địa phương thời Lý - Trần (Thế kỷ XI - XIV)/ Phạm Đức Anh.* - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 344tr.; 24cm.

**959.7023 C460C/M.0183119 - M.0183120, M.0183994
- M.0183995; MP.0041414, MP.0041858; VV.0020192 -
VV.0020193, VV.0020536 - VV.0020537**

925. *Đại tướng Nguyễn Chí Thanh - Nhà lãnh đạo chiến lược người chỉ đạo thực tiễn xuất sắc của cách mạng Việt Nam:* Kỷ yếu Hội thảo khoa học. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 772tr.; 24cm.

**959.704092 Đ103T/LCV.0003251 - LCV.0003252;
M.0183657 - M.0183658; MP.0041676; VV.0020377 -
VV.0020378**

926. *Đại tướng Nguyễn Quyết - Trọn cuộc đời kiên định và sáng tạo.* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 200tr.; 25cm.

**959.704092 Đ103T/LCV.0003230 - LCV.0003231;
VV.0020604**

927. *Địa chí Vĩnh Long.* - H.: Chính trị quốc gia, 2017; 30cm.
T.1. - 751tr.

**959.787 Đ301C/M.0183563 - M.0183564;
MP.0041637; VV.0018263 - VV.0018264**

T.2. - 767tr.

**959.787 Đ301C/M.0183565 - M.0183566;
MP.0041638; VV.0018265 - VV.0018266**

928. *Điện Biên Phủ/ Võ Nguyên Giáp.* - Xuất bản lần thứ 8. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2018. - 552tr.; 21cm.

**959.7041 Đ305B/M.0183127 - M.0183128;
MP.0041417**

929. *Đồng chí Lương Khánh Thiện với cách mạng Việt Nam và quê hương Hà Nam.* - H.: Chính trị quốc gia Sự thật, 2019. - 367tr.; 24cm.

959.703092 Đ455C/VV.0018480, VV.0020475

930. *Đường Trường Sơn - Hồ Chí Minh: Một sáng tạo độc đáo của nghệ thuật quân sự Việt Nam/ Đồng Sỹ Nguyên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 600tr.; 21cm.

**959.7043 Đ561T/LC.0017105 - LC.0017106 -
LC.0017107**

931. *Đường 20 Quyết Thắng - Lịch sử, địa danh, sự tích và tri ân/ Hồ Bá Thâm chủ biên.* - H.: Thế giới, 2022. - 155tr.; 21cm.

**959.7043 Đ5612/M.0183362 - M.0183363;
MP.0041559; VN.0084343 - VN.0084344**

932. *Gián điệp và biệt kích: Nước Mỹ đã thất bại như thế nào trong cuộc chiến tranh bí mật ở miền Bắc Việt Nam/ Kenneth Conboy, Dale Andradé; Ng.dịch: Dương Văn Đoàn, Trần Ngọc Thạch.* - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 464tr.; 24cm.

**959.70438 Gi-105Đ/M.0182563 - M.0182564;
MP.0041048; VV.0019949 - VV.0019950**

933. *Hoàng hậu Nam Phương qua một số tư liệu chưa công bố/ Phạm Hy Tùng.* - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2023. - 320tr.; 24cm.

**959.704092 H407H/M.0182752 - M.0182753;
MP.0041140; VV.0019977 - VV.0019978**

934. *Học Bác lòng ta trong sáng hơn/ Tuệ Minh tuyển chọn.* - H.: Văn học, 2023. - 191tr.; 21cm.

959.704092 H419B/VN.0084522

935. *Hồ Chí Minh - Một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp/ Phạm Văn Đồng.* - Xuất bản lần 2. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 99tr.; 19cm.

**959.704092 H450C/M.0182601 - M.0182602;
MP.0041066; VN.0084423 - VN.0084424**

936. *Huế - Điều kỳ bí/ Louis Chochod; Nguyễn Thành Quang dịch.* - H.: Khoa học xã hội, 2022. - 394tr.; 24cm.

**959.7 H507Đ/M.0183716 - M.0183717;
MP.0041702; VV.0020406 - VV.0020407**

937. *Khâm thiên giám triều Nguyễn giai đoạn 1802-1883: Nghiên cứu so sánh với khâm thiên giám triều Thanh (Trung Quốc): Sách chuyên khảo/ Trương Anh Thuận.* - H.: Khoa học xã hội, 2022. - 255tr.; 24cm.

**959.7029 Kh120T/M.0183637 - M.0183638;
MP.0041668; VV.0020363 - VV.0020364**

938. *Kỷ yếu 50 năm chiến thắng A Bia (1969 - 2019).* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 339tr.; 21cm.

**959.7043 K600Y/.0080382 - .0080383; LC.0016020,
LC.0017162; MP.0034086 - MP.0034087**

939. *Làng xã của người An Nam ở Bắc Kỳ/ Paul Ory; Phạm Văn Tuấn dịch.* - H.: Dân trí, 2023. - 150tr.; 21cm.

**959.7 L106X/M.0183824 - M.0183825;
MP.0041777; VN.0084936 - VN.0084937**

940. *Lăng Gia Long/ Léopold Michel Cadière; Nguyễn Thúy Yên dịch thơ, Du Uyên dịch văn xuôi.* - H.: Khoa học xã hội, 2022. - 130tr.; 24cm.

**959.749 L116G/M.0183712 - M.0183713;
MP.0041700; VV.0020402 - VV.0020403**

941. *Lê Triều chiếu lệnh thiện chính/ Nguyễn Sĩ Giác phiên âm, dịch nghĩa.* - Tái bản theo bản in năm 1961, có sửa chữa. - H.: Khoa học xã hội, 2022. - 507tr.; 24cm.

**959.7026 L250T/M.0183714 - M.0183715;
MP.0041701; VV.0020404 - VV.0020405**

942. *Nagara Champa - Những phác thảo về lịch sử và nền văn minh/ Đồng Thành Danh.* - H.: Khoa học xã hội, 2023. - 246tr.; 24cm.

**959.7 N102C/M.0183018 - M.0183019;
MP.0041378; VV.0020124 - VV.0020125**

943. *Ngã ba Đồng Lộc - Ngã ba anh hùng/ Bùi Minh Huệ, Đặng Thị Yến.* - In lần 3, có sửa chữa bổ sung. - Nghệ An: Đại học Vinh, 2017. - 151tr.; 21cm.

**959.7043 Ng100B/M.0182828 - M.0182829;
MP.0041177**

944. *Nguyễn Hoàng - Người mở cõi/ Chủ biên: Phan Huy Lê, Đỗ Bang.* - Xuất bản lần thứ 2, có chỉnh sửa, bổ sung. - H.: Chính trị quốc gia Sự thật, 2023. - 548tr.; 21cm.

**959.7027092 Ng527H/M.0183730 - M.0183731;
MP.0041707; VN.0084821 - VN.0084822**

945. *Những bảng nhãn trong lịch sử Việt Nam.* - H.: Hồng Đức, 2023. - 214tr.; 21cm.. - (Việt Nam Đất nước - con người)

**959.70099 Nh556B/M.0182786 - M.0182787;
MP.0041158; VN.0084465 - VN.0084466**

946. *Những bậc tôn sư nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam.* - H.: Dân trí, 2023. - 199tr.; 21cm.. - (Việt Nam Đất nước - con người)

**959.70099 Nh556B/M.0182784 - M.0182785;
MP.0041157**

947. *Những câu chuyện về Đại tướng Nguyễn Chí Thanh:* Hồi ức và sưu tầm/ *Nguyễn Chí Vịnh chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 368tr.; 24cm.

**959.704092 Nh556C/LCV.0003240 -
LCV.0003241; M.0183655 - M.0183656; MP.0041675;
VV.0020375 - VV.0020376**

948. *Quán Thánh:* Ký ức tư liệu Hán Nôm Thăng Long - Hà Nội/ *Nguyễn Đức Dũng.* - H.: Thế giới, 2022. - 219tr.; 24cm.

**959.731 Qu105T/M.0183621 - M.0183622;
MP.0041661; VV.0020345 - VV.0020346**

949. *Quang Trung - Anh hùng dân tộc (1788 - 1792)/ Hoa Bằng* (Hoàng Thúc Trâm). - H.: Chính trị quốc gia Sự thật, 2023. - 400tr.; 21cm.

**959.7028092 Qu106T/M.0183734 - M.0183735;
MP.0041709; VN.0084825 - VN.0084826**

950. *Quốc hiệu và Kinh đô nước Việt trong Mộc bản Triều Nguyễn - Di sản tư liệu Thế Giới.* - H.: Thế giới, 2021. - 93tr.; 20cm.

**959.7 Qu451H/M.0183659 - M.0183660;
MP.0041677; VN.0084813 - VN.0084814**

951. *Tình cảm của nhân dân thế giới với Chủ tịch Hồ Chí Minh.* - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 262tr.; 20cm.

959.704092

T312C/VN.0084517

952. *Tình cảm của nhân dân trong nước và bạn bè quốc tế với Đại tướng Võ Nguyên Giáp.* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 416tr.; 24cm.

959.704092

T312C/LCV.0003185; M.0182820 -

M.0182821; MP.0041174; VV.0019993 - VV.0019994

953. *Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng với niềm tin của nhân dân trong nước và sự ủng hộ của bạn bè quốc tế:* Báo nhân dân (Tuyển chọn). - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 604tr.; 24cm.

959.70442092

T455B/M.0183099 - M.0183100;

MP.0041407; VV.0020172 - VV.0020173

954. *Tổng kết chiến đấu chống đế quốc Mỹ phong tỏa sông, biển miền Bắc bằng thủy lôi và bom từ trường (1965 - 1973)*/ Nguyễn Trường Giang chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2015. - 639tr.; 21cm

959.704

T455K/VN.0084903

955. *Trái tim quả đất/ Sơn Tùng.* - H.: Chính trị quốc gia Sự thật, 2023. - 328tr.; 21cm.

959.704092

Tr103T/M.0183744 - M.0183745;

MP.0041713; VN.0084835 - VN.0084836

956. *Truyện về Hồ Chí Minh/ Trần Dân Tiên.* - H.: Chính trị quốc gia Sự thật, 2023. - 256tr.; 20cm.

959.704092

Tr527V/M.0183750 - M.0183751;

MP.0041716; VN.0084841 - VN.0084842

957. *Tuyển tập tranh ảnh lịch sử Đông Dương thuộc Pháp:* Tư liệu về lịch sử can thiệp của Pháp tại Đông Dương. - H.: Thế giới, 2023. - 99tr.; 30cm.

959.703

T527T/VV.0020341 - VV.0020342

958. Vàng son một thuở - Nơi cái chạm của quá khứ và hiện tại hội ngộ/ Huỳnh Thanh, Huỳnh Việt Anh Khang, Nguyễn Võ Trụ. - H.: Thế giới, 2022. - 222tr.; 23cm.

**959.7 V106S/M.0183623 - M.0183624;
MP.0041662; VV.0020347 - VV.0020348**

959. Việt kiều thư/ Lý Văn Phụng; Ng.dịch và bổ chú: Nguyễn Ngọc Phúc, Đặng Hồng Sơn, Vũ Đường Luân. - H.: Khoa học xã hội, 2022. - 663tr.; 24cm.

T.1 : Quyển 1 - 7

**959.7 V308K/M.0183706 - M.0183707;
MP.0041697; VV.0020396 - VV.0020397**

T.2 : Quyển 8 - 14. - 559tr.

**959.7 V308K/M.0183708 - M.0183709;
MP.0041698; VV.0020398 - VV.0020399**

T.3 : Quyển 15 - 20. - 774tr.

**959.7 V308K/M.0183710 - M.0183711;
MP.0041699; VV.0020400 - VV.0020401**

960. Võ Chí Công - Tiểu sử. - H.: Chính trị quốc gia Sự thật, 2019. - 460tr.; 21cm.

959.704092 V400C/VN.0084885

961. Vượt qua nghịch cảnh: Hồi ký/ Huỳnh Văn Một. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 332tr.; 21cm.

**959.704092 V563Q/LC.0017099 - LC.0017100 -
LC.0017101**

962. Xuân Thu - Sử thi Bắc Kỳ/ Pierre Foulon; Phan Tín Dụng dịch. - H.: Khoa học xã hội, 2023. - 407tr.; 24cm.

**959.7 X502T/M.0183631 - M.0183632;
MP.0041665; VV.0020357 - VV.0020358**

963. 65 năm Toàn quốc kháng chiến (19.12.1946 - 19.12.2011):
Hợp tuyển công trình khoa học. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. -
940tr.; 22cm.

959.704 S111M/VN.0084896

PHẦN II: ĐIỂM SÁCH

1. Sự sụp đổ của các chế độ chính trị trên thế giới qua các cuộc "cách mạng màu" - Những bài học đối với Việt Nam: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Việt Thảo chủ biên. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2020. - 322tr.; 24cm.

320.5 S550S/VV.0020163

Trong bối cảnh tình hình hiện nay, khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu đã không còn tồn tại, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế trở thành xu thế thời đại, các thế lực thù địch chống chủ nghĩa xã hội tiếp tục thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình” và tiến hành cái gọi là “cách mạng màu” để cổ vũ hình thành các tổ chức chính trị-xã hội đối lập, thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, gây mất ổn định xã hội, nhằm xóa bỏ các nước xã hội chủ nghĩa, trong đó có Việt Nam là mục tiêu trọng điểm. Và âm mưu của các thế lực thù địch trên thực hiện thành công ở Việt Nam thì hậu quả sẽ vô cùng khôn lường.

Cuốn sách nêu rõ khái niệm và khái quát tương đối tổng thể các sự kiện diễn ra thông qua cái gọi là "cách mạng màu" trên thế giới; những thủ đoạn chống phá và âm mưu thực hiện "cách mạng màu" ở Việt Nam; đồng thời nêu các giải pháp phòng, chống nguy cơ "cách mạng màu" cũng như các phương hướng đối phó hiện nay.

2. Chính sách đối ngoại của Ucraina từ năm 1991 đến nay: Kinh nghiệm và bài học cho Việt Nam trong quan hệ với các nước lớn: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Anh Tuấn. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 363tr.; 24cm.

**327.477 Ch312S/M.0183115 - M.0183116;
VV.0020188 - VV.0020189**

Ucraina là một quốc gia nằm trung ở châu Âu, có vị trí địa-chiến lược và địa-kinh tế quan trọng, là cầu nối gắn kết Nga và Tây Âu, có cơ sở khoa học kỹ thuật hiện đại, nền giáo dục và đội ngũ cán bộ khoa học chất lượng cao.

Đối với Việt Nam, về phương diện địa-chính trị, Ucraina và Việt Nam có những nét tương đồng, Việt Nam có chung đường biên giới với một cường quốc có nhiều tham vọng, có vị trí địa-chiến lược quan trọng bậc nhất Đông Nam Á và trên Biển Đông: Là nơi giao thoa lợi ích quốc gia của nhiều cường quốc lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Nga, Ấn Độ... Do đó Việt Nam sẽ là mục tiêu trong “cuộc chơi lớn” của các cường quốc khu vực châu Á-Thái Bình Dương.

Cuốn sách “Chính sách đối ngoại của Ucraina từ năm 1991 đến nay: Kinh nghiệm và bài học cho Việt Nam trong quan hệ với các nước lớn” luận giải, trình bày sự vận động trong chính sách đối ngoại của Ucraina từ khi độc lập (1991) đến nay, giải mã nguyên nhân, tác động của chiến dịch quân sự đặc biệt mà Nga đang triển khai tại đây từ ngày 24/02/2022. Trên cơ sở đó, tác giả soi chiếu và gợi mở những bài học kinh nghiệm cho đối ngoại Việt Nam để giữ vững ổn định chính trị và an ninh trong nước, xử lý đúng đắn mối quan hệ với nước lớn, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

3. Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc giai đoạn 2017 - 2022: Những điều chỉnh chính sách của Trung Quốc và hàm ý đối với Việt Nam: Sách tham khảo/ Đặng Thị Thúy Hà chủ biên. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 276tr.; 21cm.

**327.597051 Qu105H/M.0183135 - M.0183136;
MP.0041421; VN.0084536 - VN.0084537**

Trong những năm gần đây, kể từ Đại hội XIX Đảng Cộng sản Trung Quốc (2017) đến nay, mặc dù bối cảnh thế giới và tình hình hai nước có nhiều diễn biến phức tạp, nhưng quan hệ Việt Nam - Trung Quốc vẫn cơ bản duy trì được xu thế ổn định và tích cực. Lãnh đạo hai bên đạt được nhiều thành tựu chung quan trọng, góp phần đưa quan hệ song phương lên tầm cao mới. Cuốn sách “Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc giai đoạn 2017 - 2022: Những điều chỉnh chính sách của Trung Quốc và hàm ý đối với Việt Nam” do TS. Đặng Thị Thúy Hà - Viện Nghiên cứu Trung Quốc, Viện Hàn

lâm Khoa học xã hội Việt Nam làm chủ biên, đi sâu phân tích bối cảnh, đánh giá cơ hội, thách thức và thực trạng các mặt hoạt động quan trọng trong quan hệ Việt Nam - Trung Quốc giai đoạn 2017 - 2022, đồng thời chỉ ra sự điều chỉnh chính sách của Trung Quốc gắn với các mục tiêu chiến lược lớn trong tiến trình “trỗi dậy” của con rồng Trung Hoa. Bên cạnh đó, cuốn sách dự báo các yếu tố ảnh hưởng đến xu hướng phát triển quan hệ hai nước trong thời gian tới khi Đại hội XX Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đưa ra những mục tiêu đầy mạnh việc xây dựng và hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc trong thời đại mới, cụ thể hóa và làm sâu sắc hơn hệ thống lý luận, chiến lược, sáng kiến, kế hoạch phát triển đất nước trong những năm tiếp theo trên nền tảng tư tưởng Tập Cận Bình, trong đó có đường lối đối ngoại. Cuốn sách còn cung cấp cho bạn đọc tài liệu tham khảo hữu ích về mối quan hệ Việt Nam - Trung Quốc trong 5 năm của nhiệm kỳ Đại hội XIX của Đảng Cộng sản Trung Quốc, thông qua 03 chương:

Chương 1: Bối cảnh quốc tế và sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của Trung Quốc;

Chương 2: Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc giai đoạn 2017-2022 và một số vấn đề đặt ra;

Chương 3: Một số đánh giá, dự báo và hàm ý chính sách đối với Việt Nam.

4. Cuộc chiến dài hơi: Đại chiến lược của Trung Quốc nhằm thay đổi trật tự của Mỹ: Sách tham khảo/ Rush Doshi; Mỹ Châu dịch. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 846tr.; 24cm.

327.51073 C514C/M.0183097 - M.0183098;

VV.0020170 - VV.0020171

Trong bối cảnh trật tự quốc tế đang bất ổn những năm gần đây, Trung Quốc nổi lên như một siêu cường sánh ngang với Mỹ, một trong những mối quan tâm lớn của các nhà hoạch định chính sách Mỹ - những người đang phải vật lộn với thách thức địa - chính trị lớn nhất thế kỷ này - là tìm kiếm câu trả lời cho một loạt câu hỏi quan trọng: Mục tiêu của Trung Quốc là gì? Liệu họ có xây dựng

một đại chiến lược dài hạn để đạt được những mục tiêu đó? Nếu có thì chiến lược đó được triển khai như thế nào? Và Mỹ cần phải làm gì để ứng phó với đại chiến lược này?

Cuốn sách “Cuộc chiến dài hơi: Đại chiến lược của Trung Quốc nhằm thay đổi trật tự của Mỹ” được chia làm 03 phần chính, mỗi phần tập trung vào những chiến lược khác nhau dựa trên 3 giai đoạn trong đại chiến lược của Trung Quốc nhằm thay thế trật tự của Mỹ.

Phần thứ nhất: “Giấu mình chờ thời” - Giai đoạn đầu tiên trong đại chiến lược của Trung Quốc nhằm làm suy yếu sức mạnh của Mỹ, đặc biệt là tại châu Á sau khi Trung Quốc nhận thức rõ hơn về mối đe dọa từ Mỹ kể từ sau bộ ba biến cố: Sự kiện Thiên An Môn, chiến tranh vùng Vịnh và sự tan rã của Liên Xô (từ năm 1989 đến năm 2008);

Phần thứ hai: “Tích cực tạo sự khác biệt” - Giai đoạn thứ hai trong đại chiến lược của Trung Quốc nhằm tạo dựng các dạng thức kiểm soát đối với các nước khác, xây dựng nền tảng lãnh đạo khu vực tại châu Á sau khi khai thác điểm yếu của Mỹ trong cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 (từ năm 2009 đến 2016);

Phần thứ ba: “Cục diện thay đổi trăm năm chưa từng có” - Giai đoạn thứ ba trong đại chiến lược với những bước đi mới nhất của Trung Quốc khi tăng cường triển khai chiến lược làm suy yếu đối thủ, tạo dựng ảnh hưởng nhằm soán ngôi Mỹ trong trật tự khu vực và toàn cầu sau sự kiện Brexit, cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ Donald Trump và đại dịch vi rút Corona (từ năm 2017 đến nay).

MỤC LỤC

	<i>Lời giới thiệu</i>	3
PHẦN I	DANH MỤC TÀI LIỆU MỚI	4
000 -	Khoa học máy tính, thông tin và tác phẩm tổng quát	4
100 -	Triết học và tâm lý học.....	5
200 -	Tôn giáo.....	15
300 -	Khoa học xã hội.....	18
350 -	Hành chính công và khoa học quân sự.....	72
400 -	Ngôn ngữ.....	107
500 -	Khoa học tự nhiên và toán học.....	108
600 -	Công nghệ.....	111
700 -	Nghệ thuật và giải trí.....	132
800 -	Văn học.....	136
900 -	Lịch sử và địa lý.....	153
PHẦN II	ĐIỂM SÁCH.....	163
1.	Sự sụp đổ của các chế độ chính trị trên thế giới qua các cuộc "cách mạng màu" - Những bài học đối với Việt Nam.....	163
2.	Chính sách đối ngoại của Ucraina từ năm 1991 đến nay: Kinh nghiệm và bài học cho Việt Nam trong quan hệ với các nước lớn	163
3.	Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc giai đoạn 2017 - 2022: Những điều chỉnh chính sách của Trung Quốc và hàm ý đối với Việt Nam.	164
4.	Cuộc chiến dài hơi: Đại chiến lược của Trung Quốc nhằm thay đổi trật tự của Mỹ	165